

BIỂU TRƯNG VĂN HÓA THẾ GIỚI

Hình tượng CÁT TƯỜNG

TRONG VĂN HÓA
TRUNG HOA



NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HÓA DÂN TỘC



BIỂU TRƯNG VĂN HÓA THẾ GIỚI

HÌNH TƯỢNG CÁT TƯỜNG

TRONG VĂN HÓA
TRUNG HOA

Biên soạn : *NGUYỄN QUỐC THÁI*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

Hà Nội 1998

LỜI NÓI ĐẦU

Tâm lý truyền thống cầu lành tránh dữ, là gốc của dân tộc Trung Quốc, những hình vẽ Cát tường (điềm lành) rất phong phú là những đóa hoa lạ kết ở đầu cành. Nó tồn tại qua nhiều phương diện những bức tranh vẽ, điêu khắc kiến trúc, lụa hoa, hàng sơn khảm, trang sức đồ gỗ, vẽ trên sứ, tranh, giấy trổ, lịch tường, nhãn hàng hóa, quảng cáo..., làm vui mắt vui tai đông đảo quần chúng, cho thấy một sức sống mạnh mẽ.

Chữ "Cát tường" ở đây đã thấy rất sớm trong cuốn *Trang Tử* : "Trên vách gian nhà rồng, dán đầy những điềm lành "Thành Huyền Anh đời Đường có nói : "cát" ấy là nói về phúc và thiện, "tường" ấy là chúc mừng vậy". Ví như sự hình thành của nhiều bức họa về "Cát tường", là được vẽ từ những câu chuyện tốt lành và điềm mừng để diễn đạt quan niệm cầu cát tránh hung; có thể là mong muốn cá nhân, cũng có thể là lời chúc mừng người khác. Nói cách khác, nhiều đề tài và hình tượng, trong tranh Cát Tường, đều có "việc phúc thiện" và "lời chúc mừng" làm cốt lõi của sáng tác.

Từ những cốt lõi đến hình thành tác phẩm, là một

quá trình hình thành tự nhiên. Song kết quả của quá trình này, những bức vẽ cát tường nhiều hình vẽ, lại không chỉ đưa ra những tin tức cốt lõi có liên quan đến nó. Đây cũng như là khi chúng ta đối diện với đứa bé mới sinh đang khóc oa oa, rất khó biết rõ được quá trình sinh thành trong bụng mẹ nó. Mặt khác đặc trưng hình vẽ cát tường truyền thống Trung Quốc là khéo dùng những hình tượng cụ thể để diễn đạt những khái niệm trừu tượng : ví như một con nhện đu mình bằng sợi tơ của nó, hàm chứa điều chúc phúc có tin mừng đến cửa ; năm con gà con vui đùa bên ổ, ký thác sự mong ngóng con cái khôn lớn; một đôi chim cùng đậu hoặc cùng bay trước một khóm hoa mai hoặc cành trúc, là muốn nói đến tình cảm yêu mến vợ chồng, chúc cho trăm năm đầu bạc v. v... Những tình huống này, đều là những chương ngại nếu chúng ta muốn nắm chuẩn xác ngôn ngữ nghệ thuật của hình vẽ cát tường. Cho nên, nếu như làm được công việc truy tìm nhân tố cấu thành tác phẩm, chẳng những có thể giúp hiểu được hàm nghĩa của hình vẽ cát tường, còn có thể lược loại được quá trình hình thành những hình vẽ ấy, đưa ra được những lời giải thích thỏa đáng.

Sự tìm hiểu những hình vẽ cát tường, sớm đã thấy từ đời Đường. Có những cuốn sách viết về chuyện này như Ngọc phù đoàn đồ của Cố Dã Vương, Đoan ứng đồ của Tôn Nhu Chi, Kế đoan của Lưu Canh. Những sách cổ này tuy đã mất mát nhiều, song những cuốn sách khác như Thái bình ngự lãm, Thuyết phu có những ghi chép tản mạn cũng cho thấy được ít nhiều diện mạo. Song nó có những hạn chế bởi lập trường và nhận thức của tác giả do hạn định bởi

thời thế lúc đó, bởi thế mà phạm vi đề cập có hạn, việc miêu tả cũng có hạn. Nếu đối chiếu với nguyên bản, để độc giả có thể hiểu được kỹ lưỡng, có thể nói là gặp phải không ít chướng ngại uẩn khúc, tựa hồ chẳng dễ vượt qua. Bởi có hiểu biết chút ít, bút giả lấy những chuyện thần thoại, lịch sử, chuyện công đường và dân gian, tuyển soạn thành sách những câu chuyện về những hình tượng cát tường có ảnh hưởng lớn trong dân gian để hiến độc giả, cũng kể là công việc bước đầu phổ cập tri thức văn hóa về Cát Tường truyền thống. Nhu cầu thuyết minh là trong những câu chuyện cát tường này, có một số là nguồn gốc tương quan, có một số chỉ hơi liên quan, lại có một số chỉ là kết quả phụ họa cho những hình vẽ Cát Tường được lưu truyền mà thôi. Tự nhiên, việc phân tích tính biện chứng của học thuật chẳng phải là phạm vi đề cập của cuốn sách này.

Là một bộ phận di sản văn hóa dân tộc, những chuyện và hình vẽ cát tường ngọc đá vàng thau lẫn lộn, hoa thơm và cỏ dại cùng tồn tại, bên cạnh những mong mỗi quốc thái dân an, sinh hoạt hạnh phúc, hôn nhân mỹ mãn, tuổi già trường thọ, lại có không ít những điều dung tục, thậm chí là những mê tín phong kiến, bút giả khi biên soạn, lấy nguyên tắc trồng hoa nhỏ cỏ làm cơ sở. Có thể có điều bất cập, tin rằng quảng đại độc giả trong khi đọc sách bổ sung giúp cho. Kế thừa có phê phán văn hóa cát tường truyền thống, để bồi đắp cho tinh thần xã hội chủ nghĩa văn minh hiện đại, là mong mỏi của nhà xuất bản, chẳng phải nhiều lời vậy.

MỤC LỤC

	Trang
* Lời nói đầu	5
1 - Bách diểu triều phượng (Trăm loài chim châu Phượng)	15
2 - Phong diểu vũ thuận (Mưa hòa gió thuận).	21
3 - Thuờng nga bồn nguyệt (Hằng Nga lên trăng)	27
4 - Thiên trung tích tà (Tết Đuối tà trùng ngoài đời).	33
5 - Kê Vương trấn trạch (Vua gà giữ nhà)	37
6 - Hoa phong tam chúc (Ba lời chúc ở đất Hoa)	40
7 - Long Phượng trình tường (Long Phượng báo điềm lành)	43
8 - Thái bình hữu tượng (Đời Thái Bình có Voi đến)	47
9 - Lý Khiêu long môn (Cá chép vượt long môn)	51

10 - Qua diệt miên miên (Dây dưa liên miên)	57
11 - Bách vô cấm kỵ (Trăm sự đều lành)	61
12 - Chiêu tài tiến bảo (Triệu vời tiền của)	65
13 - Tử khí đông lai (Khí lành đến từ Phương Đông)	69
14 - Xuy tiêu dẫn phượng (Thổi tiêu dẫn Phượng)	73
15 - Loan phượng hòa minh (Loan Phượng hòa tiếng)	78
16 - Tương tư uyên ương (Uyên ương nhớ nhung)	81
17 - Kỳ lân tống tử (Kỳ lân đưa con đến)	86
18 - Ngư ông đắc lợi (Ngư Ông được lợi)	90
19 - Chỉ nhật cao thăng (Chỉ mặt trời lên cao)	94
20 - Dao trì tập khánh (Xứ tiên Dao trì mơ ước)	100
21 - Đông Phương Sóc thâu đào (Đông Phương Sóc trộm đào)	104
22 - Phượng cầu Hoàng (Chim Phượng tìm chim Hoàng)	109

23 - Đồng Vinh ngộ tiên (Đồng Vinh gặp tiên)	115
24 - Thiên sư khu độc (Thiên sư trừ Tà giải độc)	119
25 - Tể mai chúc thọ (Vườn mai đất Tể trường thọ)	123
26 - Quan thánh đế quân (Ông thánh Quan Vũ)	127
27 - Hạnh lâm xuân yến (Ăn Xuân rừng Mơ)	131
28 - Lan quế tể phương (Lan Quế đều thơm)	135
29 - Ma Cô hiến thọ (Ma Cô mừng thọ)	139
30 - Lựu khai bách tử (Lựu nở trăm con)	144
31 - Sư cốn tú cầu (Sư tử vờn quả cầu)	148
32 - Nguyệt hạ lão nhân (Ông tư bà nguyệt)	152
33 - Hòa hợp nhị tiên (Hòa hợp hai tiên)	158
34 - Tần Quỳnh - Uất Trì (Tần Quỳnh và Uất Trì)	163
35 - Hỷ thước đăng chi (Chim Thước báo hỷ đầu cành)	167

36 - Cửu thế đồng cư (Chín đời ở một nhà)	172
37 - Quan cư nhất phẩm (Chúa hoa đẹp nhất trong Vườn)	175
38 - Bách sự như ý (Mọi sự đều như ý)	179
39 - Hỷ tòng tiên giáng (Niềm vui đến từ trời)	183
40 - Bát tiên khánh thọ (Tám vị tiên mừng thọ)	187
41 - Bát tiên quá hải (Tám vị tiên qua biển)	193
42 - Hạc lộc đồng xuân (Hạc và Hươu trường thọ)	196
43 - Chung Thủ tróc quỷ (Chung Thủ bắt quỷ)	201
44 - Tảo sinh quý tử (Sớm sinh được quý tử)	207
45 - Lưu Hải hỷ thiềm (Lưu Hải bốn cóc)	210
46 - Trương Tiên xạ cầu (Trương Tiên bắn chó ngao)	214
47 - Ngũ tử đăng khoa (Năm con đỗ đạt cao)	220
48 - Thượng thư Hồng Hạnh (Ông thượng thư Hồng Hạnh)	224

49 - Nam Cực lão nhân	227
(Cụ già ở Nam Cực)	
50 - Liên trúng tam nguyên	231
(Trúng liên Thủ khoa ba đợt thi)	
51 - Song hỷ lâm môn	235
(Hai niềm vui lớn cùng đến cửa)	
52 - Nhất cầm nhất hạc	240
(Một đàn, một chim Hạc)	
53 - Tuế hàn tam hữu	244
(Ba người bạn mùa Đông giá rét)	
54 - Động thiên nhất phẩm	248
(Đá quý bậc nhất)	
55 - Hòa khí sinh tài	252
(Hòa khí thì sinh Vàng quý)	
56 - Tụ bảo bồn	256
(Chậu sinh của báu)	
57 - Thọ sơn phúc hải	262
(Núi Thọ biển Phúc)	
58 - Phúc đáo nhân tiền	267
(Phúc đến trước mắt)	
59 - Ngũ lộ tài thần	272
(Năm vị thần tài)	
60 - Tứ hỷ hợp cục	276
(Bốn chữ Hỷ hợp lại)	
61 - Khôi Tinh điểm đầu	280
(Khôi Tinh điểm bút)	

62 - Trúc báo bình an	285
(Trúc nổ báo bình yên)	
63 - Thần Đồ - Úc Lũy	289
(Thần Đồ và Úc Lũy)	
64 - Tam tinh tại hộ	292
(Tam đa trong nhà)	
65 - Chiêu tài lợi thị	296
(Chiêu bài lợi sự)	
66 - Nhất gia chi chủ	302
(Ông chủ một nhà)	
67 - Tống tử Quan Âm	310
(Quan Âm đưa trẻ con đến)	
68 - Thiên nữ tán hoa	315
(Tiên nữ rắc hoa)	
69 - Thiện tài đồng tử	318
(Chú bé Thiện Tài)	
70 - Thước kiếu tương hợp	322
(Nhịp cầu Ô Thước gặp gỡ)	
71 - Cát Khánh hữu dư	328
(Cát Khánh giàu có)	
72 - Tùng Hạc trường xuân	332
(Tùng và Hạc cùng thọ)	
73 - Lão thử giá nữ	335
(Chuột già gả con gái).	
74 - Thiên quan tứ phúc	339
(Thiên quan tạo phúc)	



BÁCH ĐIỀU TRIỀU PHƯỢNG (Trăm loài chim châu Phượng)

Tương truyền ngày xưa ngày xưa, từ thời Vua Hoàng Đế, nhà vua rất mực yêu dân, không thích chinh chiến, dốc hết tinh thần để chỉ bảo cho dân cách dùi cây lấy lửa, nấu gạo làm cơm, chế tạo xe cộ, đào giếng và thuần dưỡng cầm thú thành vật nuôi trong nhà. Có một hôm, các đại thần như Thư Tụng, Thương Hiệt, Linh Luân vào yết kiến Hoàng Đế, thấy có vẻ phiền muộn chẳng được vui, bèn hỏi duyên cớ làm sao. Hoàng Đế nói: Ta thường thuần hóa trăm giống chim, mà chẳng thấy bóng dáng chim phượng hoàng trong truyền thuyết, chẳng biết hình dáng nó thế nào nhỉ ?

Các đại thần đều nói không rõ ràng, bèn cùng với Hoàng Đế đến thỉnh giáo đức Thiên Lão thấy rộng biết nhiều. Thiên lão nói : "Hình dáng chim phượng hoàng nhìn chúng mà nói, thân trước tựa chim hồng, thân sau như kỳ lân, cổ rắn đuôi cá, thể rùa vẻ rồng, móng như chim yến, mỏ như gà. Long vũ trên mình

đều xếp thành chữ : Đầu có chữ Đức, cổ có chữ Nghĩa, lưng có chữ Nhân, bụng có chữ Tín, cánh có chữ Lễ. Khi nó vươn cổ, vỗ đôi cánh, lấp lánh ánh sáng ngũ sắc. Lại còn ăn uống có chừng mực, giao du có lựa chọn. Tiếng kêu như trống đồng, khi bay lượn có trăm giống chim xúm quanh. Trong trăm loại chim khắp thiên hạ, duy có phượng hoàng hiệu vạn vật, thấu trời đất, thấy khắp cả vùng chín châu, hiểu được tận cùng tám cực, bởi thế được tôn làm vua của trăm giống chim".

Hoàng Đế vặn hỏi Thiên Lão : "Vì sao ta chẳng có phúc phận được nhìn thấy thần diệu ấy nhỉ ?". Tâm sự của ông, đã hoàn toàn bị hình tượng rực rỡ của chim phượng hoàng hấp dẫn.

Thiên Lão nói, chim phượng hoàng hiện ra là điềm rất tốt lành. Cho nên nó chỉ xuất hiện vào thời thái bình thịnh trị, nếu chỉ thấy nó bay lượn trên trời xanh, đấy là gặp vận may, nếu thấy nó đậu ở cành cây, kể được là đại phúc, nếu thấy nó 2 lần trong năm, đáng gọi là cực kỳ tốt lành, thăng hoặc thấy nó múa ở trước sân, trăm giống chim đều đến hộ giá, như vậy đáng gọi là tốt lành vô cùng, muôn nghìn năm mới thấy một lần.

Hoàng Đế nghe rồi, nổi giận nói rằng : "Ta từ khi lên ngôi đến nay, kính trời yên dân, rộng thi hành chính đức, chẳng động việc binh nhung, khắp chốn

đều hòa bình. Chẳng nhẽ như vậy chẳng phải là đời thịnh trị nhỉ ? Tại sao đến chim phượng hoàng chỉ bay thoáng qua mà cũng không thấy nhỉ ?". Đúng vậy, các đại thần đều phụ họa theo lời Hoàng Đế mà nghi ngờ lời của Thiên Lão.

Thiên Lão cười nhạt mà rằng : "Si Vưu ở phương đông gây hại, Thiếu Hạo ở phương tây tác quái, Viên Đế ở phương nam quấy nhiễu, Chuyên Húc ở phương bắc làm loạn, bốn ông vua ấy đều tự xưng vương hiệu ở mỗi vùng, cùng có mưu thoán vị, ủ chứa tai họa. Trên thì vua gặp nguy hiểm, dưới thì dân lo lắng, đây có thể gọi là đời thịnh trị không ?".

Hoàng Đế nghe những lời ấy, sợ hãi biến sắc mặt, lập tức tạ lỗi trước Thiên Lão. Tiếp đó bèn dựng quân kỳ, đắp thành lũy, chế cung nỏ, lên chiến xa, bắt đầu cuộc thảo phạt bốn ông vua kia. Đầu tiên ở Phán Tuyên qui phục được Viên Đế, sau đó ở Trác Lộc đánh giết được Si Vưu; Thiếu Hạo, Chuyên Húc theo chiều hướng ấy đều theo nhau đến hàng phục. Thiên hạ từ đấy thái bình, trăm họ đều an cư lạc nghiệp. Các bộ lạc ở Hoa Hạ đều phái người đến ca tụng công đức, đến như nước Đam Nhĩ ở phía bắc cũng theo đến triều cống, biểu thị sự ủng hộ. Có một hôm, các thần dân gần xa đều tụ tập ở vùng đồng cỏ dưới núi Kiều Sơn, Hoàng Đế tự mình chủ trì, tế lễ thần linh trời đất, chúc mừng Trung Hoa thống nhất, cầu cúng mong mùa màng bội thu, ca múa

mừng thái bình. Đương khi Linh Luân chỉ huy đội nhạc hòa tấu bản nhạc Côn Luân trang nghiêm hùng hồn, trong khoảng mây trắng trời xanh, đột nhiên truyền đến những tiếng như tiếng trống đồng từng từng sang sảng. Mọi người nghe tiếng đều ngược lên nhìn, a ! một con chim lớn màu sắc rực rỡ, đang giang rộng đôi cánh, vẫy màu lông năm sắc, bay lượn tít trên cao lưng trời xanh.

"Phượng hoàng ! Phượng hoàng !" Khắp vùng Kiều Sơn nổ ra những tiếng hoan hô như sấm động.

Ngay trong lúc đó, những loài chim kỳ lạ không biết bao nhiêu mà kể đều bay đến, quần quanh phượng hoàng bay lượn như múa, cùng ca hát lên, cùng vui vẻ chúc mừng với nhân gian, tiếng dâng lên như sóng lớn...

Thần thoại tốt lành ấy được lưu truyền đã mấy nghìn năm. Nghe nói ở thời đại vua Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang và Chu Công điều hành, chim phượng hoàng đã mấy lần xuất hiện, từ đấy về sau ít thấy, mà cảnh tượng trăm loài chim châu phượng lại càng ít nghe nói đến. Song người sau dựa theo truyền thuyết, đã vẽ ra bức họa "Trăm loài chim châu phượng" (cũng gọi là trăm loài chim châu vua) hoặc Nghi phượng đồ. Nó hàm chứa nội dung văn hóa rất phong phú, có ý nói vua hiền chúa thánh, sóng yên bể lặng, thiên hạ theo về một mối, cũng có thể dùng để diễn đạt sự mong mỏi vô hạn của nhân dân đối

với một đời sống thái bình thịnh trị. Hơn nữa quan trọng nhất, phượng hoàng còn là một tượng trưng của văn minh Trung Hoa, bức vẽ trăm loài chim châu phượng với không khí nồng nàn, nghi lễ tưng bừng, thực tế là sự mong mỏi hòa bình và hạnh phúc của dân tộc Trung Hoa được thể hiện ra ở bức họa.

*

*

*



PHONG ĐIỀN VŨ THUẬN

(Mưa hòa gió thuận)

Tương truyền vào thời đại rất cổ xưa, nhân dân lấy thu hái rau quả và săn bắn, bắt cá làm sinh sống, một ngày không kiếm được gì, ắt sẽ bị đói, cuộc sống hàng ngày rất khó khăn. Sau này Thần Nông lấy gỗ làm cày bừa, dạy mọi người cách trồng ngũ cốc, mùa thu gặt hái, mùa đông cất trữ, đời sống mới khấm khá hơn. Thế rồi Thần Nông được mọi người cử làm thủ lĩnh.

Năm lại năm qua, có một lần hạn hán hiếm thấy ập đến. Suốt mấy tháng liền, trên trời chẳng có một giọt mưa rơi xuống, lúa má trong ruộng thấy đều khô héo. Vùng hạn hán nặng nhất thì sông cạn núi khô, đều biến thành Sa mạc, đến nỗi nhiều người phải chết khát, đừng nói dân được nước tưới ruộng nữa.

Đang khi Thần Nông phiền não đến trắng cả tóc, không biết từ đâu chạy đến, một người rừng đầu tóc rối bù, chân đi khập khiễng, hình thù cổ quái, trên người đeo túi cỏ, dưới buộc một miếng da, trong tay

cầm một cành liễu. Người rừng tự giới thiệu về mình: "Tôi là Xích Tùng Tử từng đã theo Sư phụ là Xích Đạo Nhân đến ngôi nhà đá của Tây Vương Mẫu ở núi Côn Lôn tu luyện nhiều năm. Xích Đạo Nhân thường hóa làm con rồng bay, đến núi Nhạc ở phía nam, tôi bèn hóa làm con rồng đỏ, theo sau ông ta, còn học được bản lĩnh làm mưa nữa".

Thần Nông nghe vậy rất vui mừng, để ông ta thi thố ngay lập tức. Chợt thấy Xích Tùng Tử lấy ra một nhúm bột gọi là "băng ngọc tán" nuốt đi, hóa làm con rồng đỏ có sừng, bay lên không trung, thoát chốc, trên trời mây đen kéo đến dày đặc, một trận mưa rất lớn trút xuống lụt đầu tưới khắp cả, thấy những cây trồng đã chết khô, lại phục hồi sức sống mãnh liệt. Thần Nông rất vui mừng, lập tức phong Xích Tùng Tử làm Vũ Sư chuyên quản lý việc làm mưa.

Sau khi Thần Nông qui tiên, Hoàng Đế kế nhiệm làm thủ lĩnh, đầu lĩnh vùng Cửu Lê là Si Vưu không chịu phục, khởi binh làm loạn. Si Vưu có người em kết nghĩa là Phi Liêm, trên đầu có sừng nhọn, tướng mạo kỳ dị, từng cùng với Si Vưu tôn một đạo nhân làm sư phụ, tu luyện ở núi Kỳ Sơn. Thời gian ấy Phi Liêm thấy ở trước núi có một khối đá lớn, mỗi lần có mưa gió thì bay tung như đàn én, đợi khi trời tĩnh lặng, lại nằm yên như cũ, chẳng những ngâm lấy làm kỳ lạ, lại lưu tâm quan sát kỹ. Có một lần vào

lúc nửa đêm bỗng thấy khối đá lớn lay động, chớp mắt biến thành một sinh vật không có chân giống như cái túi, sau khi hút vào hai ngụm khí, ngửa lên trời mà phun ra. Thất chốc, cuồng phong nổi lên, cát bay đá chạy, như đùa rồn lại tựa như có một đàn én bay lượn trong gió lớn. Phi Liêm chân tay nhanh nhẹn, nhảy ngay đến chớp lấy nó, mới biết nó là "mẹ gió" giỏi biến hóa khí hậu. Bởi thế mà học được kỹ thuật làm gió, thu gió của mẹ gió. Khi Si Vưu làm phản, đặc biệt gọi Phi Liêm đến giúp đỡ, thu phục được cả Xích Tùng Tử. Khi Hoàng Đế dẫn các bộ lạc đại chiến với Si Vưu, ở vùng đồng nội Trác Lộc, Xích Tùng Tử hoá làm con rồng có sừng, Phi Liêm biến thành con hươu, cùng triển khai pháp thuật. Thoát chốc, trời đất mù mịt, đá chạy cát bay, mưa như thác lũ, gió cuốn như bão. Hoàng Đế và thuộc hạ của ông ta trong cảnh hỗn độn, đến phương hướng đông tây, nam, bắc cũng không nhận ra, sao có thể tác chiến được ? Si Vưu nhân cơ hội phát động tấn công, chém giết đối phương đến nỗi phải quảng cả mũ áo mà chạy thoát thân.

Đến lúc đó, Si Vưu ỷ vào thế hô phong hoán vũ của Phi Liêm và Xích Tùng Tử, chín lần đánh đều thắng Hoàng Đế, bức Hoàng Đế phải liên tục rút chạy, cuối cùng chạy đến tận núi Thái Sơn.

Hoàng Đế ở núi Thái Sơn tập hợp quần thần, sau ba ngày ba đêm thảo luận, cuối cùng đưa ra hai cách

lạ phá địch, đó là xe chỉ nam và trống da trâu. Xe chỉ nam có hai tầng, có hai mươi tám bánh xe, trên xe có người gõ, cánh tay chỉ phía trước. Khi xe chuyển động, bất luận là quay sang phải hoặc trái, cánh tay của người gõ vẫn chỉ hướng chính nam. Trống da trâu gồm 80 cái, mỗi lần nổi trống lên, có thể vang động đến 3800 dặm. Thế rồi Hoàng Đế khích lệ quân lính, lại quyết chiến với Sĩ Vương. Sĩ Vương vẫn sai Phi Liêm và Xích Tùng Tử hô phong hoán vũ, thổi khói phun mây. Lần này, Hoàng Đế nhờ có xe chỉ nam, suốt trận không lạc phương hướng, kiên trì chiến đấu, tiếp đến tướng Dung Thành dẫn những người đánh trống đến, phút chốc làm kinh thiên động địa, đá lở mây tan, nạt được Phi Liêm và Xích Tùng Tử phải bay hồn bạt vía, vội chạy về doanh trại, quân Sĩ Vương đều ôm đầu chạy đến tận Trác Lộc, còn bắt sống được Xích Tùng Tử và Phi Liêm. Bởi hai người này đều biểu thị sự hàng phục, Hoàng Đế gọi Xích Tùng Tử là Thân Mưa, lại phong Phi Liêm làm Thân Gió, muốn họ đổi ác hướng thiện, từ nay vì dân lành mà tạo phúc.

Sau thời Ngũ đế, thế gian chẳng ai có thể quản được thân Mưa, thân Gió nữa, thế rồi việc thờ cúng họ được ghi vào phép tắc thờ cúng của nhà nước phong kiến, mục đích vẫn là cầu mong mưa hòa gió thuận, lúa má tốt tươi, giữ gìn được bình an mãi mãi. Sau đó bức vẽ mưa hòa, gió thuận phản ánh

nguyện vọng này xuất hiện, bộ mặt hung dữ của hai vị thần này cũng thay đổi, đã biến thành một đứa bé thanh tú đi theo một viên quan râu dài, tượng trưng mưa theo gió mà đến, gió dừng thì mưa tạnh, đồng thời biểu thị nhận thức đặc trưng đối với hiện tượng mưa gió của tự nhiên, cũng cho thấy ở đó tâm trạng chẳng thể ràng buộc được nó.

*

* *



THƯỜNG NGA BÔN NGUYỆT (Hằng Nga lên trăng)

Thường Nga (hay là Hằng Nga) là một câu chuyện thần thoại quen thuộc với mọi người, song tình tiết và kết cục của câu chuyện không giống nhau, có rất nhiều "bản gốc". Tương ứng với hiện tượng này, bức vẽ "Hằng Nga Bôn Nguyệt" trong phong tục cát tường cũng có phương thức biểu hiện không giống nhau về ý nghĩa tượng trưng cũng có những khác biệt.

Bức họa "Hằng Nga lên trăng" vẽ một nàng tuyệt thế giai nhân bay lên mãi tận vầng trăng sáng, chuyện kể rằng :

Thường Nga vốn là vợ Hậu Nghệ sống vào thời có ông vua cuối cùng của nhà Hạ. Hạ Vương Thái Khang hoang dâm vô đạo, đam mê tửu sắc. Ông ta nghe nói người vợ của Hậu Nghệ là bậc tuyệt sắc thiên hạ, bèn đưa ra bản giao kèo trao đổi :

Hậu Nghệ chuyển vợ cho ông ta, còn ông ta mang đất U Châu thưởng cho Hậu Nghệ.

Hậu Nghệ lúc đầu không muốn làm như thế, song bị sự xúi giục của kẻ dưới, cuối cùng tiếp thu sắc phong đi U Châu, chuẩn bị đưa Thường Nga đến kinh thành. Thường Nga vừa giận Thái Khang vô đạo, lại giận chồng mình vô tình, trong đêm hôm trước ngày bị đưa đi, ăn trộm thuốc bất tử mà Hậu Nghệ xin của Vương Mẫu, thoát chốc thân như mây khói, rồi nhằm hướng vắng trắng sáng mà bay lên mãi.

Bức vẽ Hằng Nga biểu hiện tình tiết này, phản ánh sự mong mỏi của mọi người được bất tử và lên ở cõi tiên.

Ở bức vẽ "Thường Nga Bôn Nguyệt" thấy trước cung Quảng Hàn, Thường Nga đang nhịp nhàng ca múa, phía dưới còn có ngọc thủ đang giã thuốc, chuyện kể rằng : Thường Nga là vợ của Hậu Nghệ, một anh hùng thời Đường Nghiêu, được Tây Vương Mẫu tín nhiệm nên được trao cho giữ một viên tiên dược. Hậu Nghệ phụng mệnh của Đường Nghiêu vì dân diệt trừ được bốn kẻ ác là Đại Phong, Khiết Du, Phong Hy, Tu Xà; Đường Nghiêu bày tiệc rượu mừng công, uống đến say mềm mới thôi. Kẻ say trở về nhà, vợ ra tận cửa đón. Người chồng thần trí không tỉnh táo, bèn xui vợ lấy viên thuốc quý nuốt đi. Thường Nga lúc đầu không chịu nghe, song Hậu Nghệ nài ép mãi, cuối cùng cũng làm theo việc ấy. Thuốc vừa vào đến ruột gan, chợt thấy người nhẹ bỗng, như là muốn bay lên. Hậu Nghệ chạy đến

túm lấy áo của nàng. Kết quả là hai vợ chồng cùng bay lên thiên đình.

Tây Vương Mẫu nghe tin nổi giận, có hỏi tội cũng đã muộn, bèn phái Thường Nga đến hậu đình của Ngọc đế để sai bảo, lại bắt Hậu Nghệ biến thành con thỏ ngọc, lưu đầy dưới núi Nhật Nguyệt làm lao công, làm bạn với Ngô Cương cùng học tiên có lỗi, bị lệnh phạt đi chặt quế. Khi nào già xong thuốc tiên trả cho bà ấy, lúc đó mới có thể trở lại đúng hình hài như xưa.

Thực ra cũng giống như Ngô Cương chặt quế, việc trồng cây cũng tương tự như một hình phạt vô kỳ hạn vậy. Thường Nga thấy chồng rơi vào kết cục ấy, hối hận không thôi, đã vút bỏ hoàn cảnh sinh hoạt phồn hoa mỹ lệ ở hậu đình của Ngọc Hoàng, chạy theo đến đất Nguyệt Lượng (hay là Nguyệt Nham) lạnh lẽo. Từ đó, ngọc thỏ suốt ngày cầm chày giã thuốc, Thường Nga thường ở bên múa hát làm vui. Tình thân hy sinh quên mình cam chịu lưu đầy cùng với người yêu, đã khiến cho Ngọc Hoàng phải cảm động, bèn phong Thường Nga làm Nguyệt thần, hưởng thụ sự cúng tế Hương đăng của phụ nữ ở nhân gian. Đây là lai lịch thời xưa phụ nữ mỗi tết Trung thu thường cúng thần mặt trăng.

Câu "nam không tế trăng, nữ không tế bếp" cũng từ điển tích này mà ra. Làm tế trăng của mẹ, con trẻ cũng thấy tâm tư huyền ảo, biết rằng con thỏ ngọc

kia cũng thực đáng thương, đáng trách, cũng dành riêng chút ít hoa quả, cho nó được phần hưởng thụ; đấy là hình ảnh "cha thờ" trong việc thờ cúng của trẻ con, tập tục này cũng sinh ra chiếc đèn con thờ.

Bức vẽ Thường Nga theo tình tiết này, cũng có thể nói là một phương thức phụ nữ gắn với tập tục cầu phúc tế trắng. Cũng giống như ở bức vẽ "gốc quế thanh bình" lấy đề tài trẻ con quì lạy "cha thờ", cho thấy tâm trạng mọi người mong mỗi ngọc thờ giữ gìn cho con trẻ được mạnh khỏe mãi mãi. Lại có bức vẽ "Thường Nga Bôn Nguyệt" rời khỏi cung trăng bay về nhân gian; chuyện kể rằng Thường Nga là vợ của vị thần xạ thủ Hậu Nghệ thời rất cổ xưa, ăn trộm được thuốc bất tử của người chồng lấy từ nơi Tây Vương Mẫu ở, rồi bay lên được mặt trăng. Song lâu ngày, gác ngọc ở nơi tiên cảnh rất lạnh lẽo, nên "Thường Nga hối hận mê linh dược, biển biếc đêm thanh dạ những sầu"; những câu ấy đã viết về tâm tình muôn phần cô tịch của nàng.

Trái lại Hậu Nghệ từ khi vợ bay lên trăng, cũng sớm tối thương nhớ không thôi, cuối cùng đến nỗi sinh bệnh. Mỗi năm đến ngày 14 tháng 8, anh ta trong lúc tâm thần hoảng hốt, đột nhiên lại trông thấy vợ. Thường Nga sau khi dốc hết tâm sự ảo não với chồng, lại nói: "Bình thường thì thiếp chẳng thể về trần gian được, ngày mai là lúc mặt trăng tròn nhất, chàng lấy bột gạo viên tròn, giống như mặt trăng, vút lên phía

tây bắc nóc nhà, sau đó lại liên tục hô hoán tên của thiếp. Đến canh ba thiếp có thể về đến nhà".

Hậu Nghệ cực kỳ mừng rỡ, vội quên cả nắm tay vợ, ngã vào khoảng không, rồi bỗng chợt tỉnh. Hôm sau, cứ làm theo vợ dặn, quả nhiên Thường Nga từ mặt trăng bay lại, vợ chồng lại được đoàn viên, phong tục tết Trung thu làm bánh cùng Thường Nga là từ đó mà ra.

Bức vẽ Thường Nga biểu tượng cho tình tiết này, chính là thể hiện tình cảm khao khát có cuộc sống đoàn viên tốt đẹp của nhân gian, khao khát đời sống hạnh phúc, cũng là một bức vẽ trong các bản vẽ về Hằng Nga có sức hút nhân tình giàu có nhất.

*

*

*



THIÊN TRUNG TÍCH TÀ (Tết đuổi tà trùng ngoài đời)

Mùa hạ vào ngày 5 tháng 5 có tết Đoan Ngọ truyền thống, cũng gọi là tết Thiên Trung, tục truyền rằng, buổi trưa hôm ấy là lúc thời khắc âm dương chuyển tiết, năm giống côn trùng độc hại là rắn, mọt gỗ, nhện độc, rết, đĩa (có thuyết nói là con sứa), nhân cơ hội ra khỏi chỗ ở tác yêu tác quái cho nên dân gian có tập tục trong ngày tết này dán lên tường các bức vẽ Thiên Trung Tích Tà. Đến như vị hung thần trên bức vẽ này có mắt chó râu rồng, tay cầm kiếm dài, đến nay cách giải thích không giống nhau, có thuyết nói là Chung thủ, có thuyết nói là Thiên Sư, cũng có thuyết nói là La Thần Kỳ Cùng chuyên môn ăn các côn trùng độc hại.

Tương truyền La Thần Kỳ Cùng là một đứa con của thủ lĩnh bộ lạc Đông Di thời cổ xưa, họ là Thiệu Hạo. Thiệu Hạo là họ nổi tiếng ở thời Tam hoàng Ngũ đế, song La Thần Kỳ Cùng lại không giống như thế, đồn rằng hại cả kẻ trung lương, bất tín bất

nghĩa, làm hoen ố cả danh tiếng cha chú của ông ta. Cũng không biết ông ta tu luyện pháp thuật ở cửa nào, một kẻ tạp nhạp như vậy mà bỗng nhiên cũng thành thần được.

La Thần Kỳ Cùng sau khi trở thành thần, có hình dạng quái dị, mình người đầu chó, hơn nữa tính xấu chẳng sửa đổi. Nghe nói ai là kẻ sĩ trung tín, bèn đến cắn mũi của họ; ai cậy ác làm xằng, lại ngoạm mãnh thú chết đến tận cửa nhà ấy mời ăn thịt mát xương cùng vui với nhau.

Làm thần như thế, cũng không biết bao nhiêu năm, nhân gian xuất hiện tập tục cúng tế Na Công vào cuối năm, xin Na Công vì mọi người mà đuổi dịch trừ tà. Na Công phải tuyển mười hai vị tôn thần phong làm Na Thần để tăng cường trách nhiệm bởi Kỳ Cùng hiểu tính người, lại khá dũng mãnh, cũng được tuyển vào trong số đó, gọi là vị thần thứ mười một. Sau khi phân phối kết quả hưởng thụ, trái lại khiến ông ta mất hết hy vọng: Giáp Tác (một Na Thần khác) được ăn hung thần, Phất Vị thì được ăn hổ, Hùng Bá ăn ma, Đằng Giản ăn diêm xấu, còn Lâm Chư ăn lỗi, Bá Kỳ ăn mộng, Cường Lương và Tổ Minh cùng ăn ký sinh trùng, Ủy Tùy ăn ngũ quan, Thác Đoạn ăn vật lớn, Kỳ Cùng và Đằng Căn thì ăn côn trùng. Nói rằng ăn côn trùng, tức là ăn những loài côn trùng độc hại với đồng loại của mình. Vốn

trước đây Kỳ Cùng hay bắt mãnh thú để ăn thịt, nay chỉ có thể cùng với Đảng Căn hưởng phần côn trùng, thực là khó yên tỳ vị, có thể nói đây là phần ăn mà Na Công đã chỉ định, ông ta cũng chẳng biết làm sao được nữa.

Vẫn thấy ở những sách chỉ bảo cho chúng sinh, cần hiểu rõ đạo lý lấy độc trị độc, dẫu rằng một kẻ rất ác nổi tiếng gọi là hung thần, song mời ông ta đến trước cửa vào lúc năm giống độc hại đang tung hoành lại ăn sạch côn trùng, lại đã không làm mất đi sự sáng suốt lấy dài vá ngắn, biến cái xấu thành cái tốt vậy. Như vậy Kỳ Cùng vốn được thờ cúng nhiều vào dịp tết Na thần cuối năm lại trở thành nhân vật chính trong những bức vẽ vào dịp tết Đoan Ngọ mùa Hè.

*

* *



KÊ VƯƠNG TRẦN TRẠCH (Vua gà giữ nhà)

Một con gà trống lông đỏ đứng trên gò đá lớn, nghển đầu ưỡn ngực, là một tác phẩm đã có từ rất lâu trong lịch sử hội họa vẽ cát tường (điềm lành) của Trung Quốc. Về lai lịch của nó, Vương gia đời Tấn trong cuốn "Thập di ký" có viết như sau :

Khi vua Nghiêu đang ở ngôi, việc chính sự đạt được "nhân hòa", phong tục đều tốt lành. Song thường thấy ác hổ xuống núi, yêu ma ra khỏi rừng, nhiều nhương gây hại, trăm họ rất lấy làm lo lắng. Sau đó nước Chỉ Chi có đưa biểu một loài chim gọi là "Trọng minh điều" còn gọi là Song tinh. Hình dạng giống như gà trống, song tiếng gáy như tiếng phượng hoàng kêu, lại lấy quỳnh cao làm thức ăn cho nó dùng riêng. Điều đặc biệt nhất ở nó là ghét ác như thù, thường hay đập cánh vươn mỏ, giơ vuốt, chuyên môn đuổi bắt ác thú tà ma, khiến nó không dám hoành hành. Thế rồi người trong nước đều vẩy nước quét sân, mong được "Trọng minh điều" hay đến nhà

mình để trần tà đuổi ác. Vậy mà "Trọng mình điều" không thường xuất hiện, có thể là một năm chỉ thấy mấy lần, có thể là mấy năm không đến. Có người nói loại chim này là vua của gà, bèn phỏng theo hình dáng, làm ra con gà gỗ, đặt ở cửa hoặc nóc nhà, với tác dụng cũng có thể nạt được quỷ quái tà ma. Thế rồi mọi người rồi rít bắt chước hoặc vẽ tranh để giảm bớt việc khắc gỗ đúc tượng, từ đó mà có tập tục dán tranh gà trống lên vách nhà nhà.

Gà trống có thể đuổi tà ma, cũng có thể báo điềm lành, trong tập tục nghênh hôn thời xưa, hai bên nam nữ đều có riêng sự chuẩn bị một con gà trống lớn và một con gà mái béo, gọi là "cát nhân", hàm ý chúc phúc cô dâu chú rể được cát tường như ý, trong sự mong cầu lấy "kê" hài hòa "cát" làm ý tứ ; con gà trống có tác dụng trấn trạch đứng trên đầu mỏm đá cũng là phỏng theo cách nghĩ này, lấy "đá" hài hòa với "nhà ở", có ý tứ nhà cửa nghênh đón điềm lành.

Bởi thế trong ngôn ngữ dân tục, bức vẽ "gà trống trấn trạch" cũng được gọi là "đại cát trong nhà".



HOA PHONG TAM CHÚC (Ba lời chúc ở đất Hoa)

Trong thiên sách "Thiên địa" của Trang tử có chép vua Đường Nghiêu tuần du đến đất Hoa (nay thuộc Thiểm Tây), Phong Thủ Giả ở đất Hoa nghênh đón chúc tụng rằng : "A, Thánh nhân đến rồi ! Xin dâng người lời chúc tụng, chúc thánh nhân trường thọ" Vua Nghiêu đáp rằng : "Ta chẳng cần trường thọ. Phong Thủ Giả nói : "Chúc thánh nhân giàu có ! " Vua Nghiêu đáp : "Ta chẳng cần giàu có". Phong Thủ Giả nói : "Chúc thánh nhân sinh nhiều con cái !" Vua Nghiêu đáp : "Ta cũng chẳng cần nhiều con cái".

Phong Thủ Giả kinh ngạc hỏi : "Trường thọ, giàu có, sinh nhiều con cái, đều là những theo đuổi dăm đuổi của người đời, sao ngài đều không muốn nhỉ ?" Vua Nghiêu đáp : "Nhiều con thì nhiều lo sợ, giàu có lắm thì nhiều việc, thọ quá thì lắm nhục, ba điều ấy đều không giúp bồi dưỡng đức tính, cho nên ta hoàn toàn không muốn".

Phong Thủ Giả cười rồi nói : "Lúc đầu tôi xem

ngài là thánh nhân, hiện giờ thấy rằng ngài là bậc quân tử. Thực ra trời sinh vạn vật, là đã có chỗ của riêng nó. Con cái nhiều, có thể phái họ đi trấn giữ từng vùng đất, có gì đáng lo sợ ? Của cải nhiều, có thể phân cho dân cất giữ, thì chẳng phải lo việc nhiều. Còn nói đến trường thọ, thánh nhân ở nơi đồng nội mà thôi, ăn thì rau cỏ cũng được, làm thì theo lẽ vô thường. Thiên hạ có đạo, thì cùng với vạn vật đều hưng thịnh, nếu thiên hạ vô đạo, xem như tự mình tu đức dưỡng nhân. Đời sống đến nghìn tuổi, suốt đời mang lòng yếm thế, rồi hóa làm thần tiên, thì làm sao mang nhục vào thân được ?"

Vua Đường Nghiêu định thảo luận thêm với ông ta về vấn đề này, thì Phong Thủ Giả đã đi từ lúc nào. Sau này người ta đã lấy "hoa phong toan chúc" làm lời chúc tụng giàu có, trường thọ và nhiều con cháu. Cũng có điểm cố dựa vào đó vẽ thành tranh, thông thường là lấy cây trúc hoặc thiên trúc, viết thêm một chữ "chúc", phối hợp với hai loài hoa cát tường nữa, để hàm nghĩa ba lời chúc tụng.

Ngoài ra, còn có bức vẽ cát tường "phúc thọ tam đa" vẽ những quả phật thủ, đào và thạch lựu, cũng hàm chứa lời chúc tụng "tam chúc", lấy phật thủ chỉ sự giàu có, đào chỉ sự trường thọ, còn thạch lựu thì ngụ ý nhiều con cháu đầy nhà.



LONG PHƯỢNG TRÌNH TƯỜNG (Long Phượng báo điềm lành)

Long Phượng là tượng trưng cho văn minh Trung Hoa, long phượng trình tường là hai hình tượng sống đôi, là hình tượng cát tường cao quý nhất. Sự xuất hiện của nó, có liên hệ gắn bó với truyền thuyết đời Ngu Thuấn.

Tương truyền sau khi Đường Nghiêu trị vì thiên hạ được 70 năm, muốn quần thần tiến cử một người tài đức song toàn để tiếp nhiệm cho mình. Có một số người nói con trai của Đường Nghiêu là Đan Chu rất hiền minh, có thể đảm đương được trách nhiệm lớn. Đường Nghiêu nói : "Biết con không ai bằng cha, ta làm sao chỉ nghĩ tư lợi cho mình, khiến cho thiên hạ bị hại nhỉ ?" Thế rồi nhiều người nhất trí tiến cử Diêu Thuấn đang cày bừa ở Lịch Sơn, nói ông ta thờ cha rất có hiếu, nổi tiếng thiên hạ, hơn nữa là người trung chính hiền minh, Đường Nghiêu cao hứng nói rằng : "Ta đã nghe danh người ấy từ lâu". Rồi lập tức lệnh cho vị lão thần làm sứ giả đến núi Lịch Sơn mời

Diêu Thuấn vào triều, qua một hồi khảo xét, Đường Nghiêu rất mãn nguyện trước phẩm đức và tài năng của Diêu Thuấn, đem hai người con gái của mình là Nga Hoàng và Nữ Anh gả cho ông ta làm vợ. Năm năm sau, vua Đường Nghiêu đem thiên hạ nhường cho Thuấn, quốc hiệu đổi là Hữu Ngu, đấy tức là căn nguyên Diêu Thuấn được gọi là Ngu Thuấn.

Sau khi Ngu Thuấn lên ngôi vua, mở rộng sự nghe nhìn, cần người hiền phụ tá chính sự, dạy dân trồng trọt gặt hái, đề xướng lễ nghi, cải thiện phong tục. Lại lệnh cho ông Quì làm nhạc quan, chế ra những bản nhạc.

Ba năm sau, thiên hạ đại trị, ông Quì cũng viết được bản nhạc "Cửu chiêu" dâng lên nhà vua. Nghiêu Thuấn cả mừng, triệu tập trăm quan tự mình trình diễn bản nhạc ấy. Khúc nhạc thứ nhất chưa dứt, quần tình đều sáng rực lên, khúc thứ hai vừa tấu lên, đã hiện những sắc mây rực rỡ như ráng chiều, khúc thứ ba thì trăm loài chim cùng vang hót, khúc thứ tư thì trăm loài thú cùng nhảy múa... Đợi đến khúc thứ chín chỉ thấy con rồng vàng và con chim phượng rực rỡ đàng vân giá vũ mà đến, bay lượn vờn múa, lượn quanh mãi như thế hồi lâu, cuối cùng Vua Thuấn đứng ngậy ra trước hai giống cầm thú quý hiếm chưa từng biết bao giờ. Rồi người vôi thỉnh giáo lão thần Thương Thư từng phụ tá cho vua

Đường Nghiêu. Thương Thư phán khởi nói : "Đấy là Long Phượng Trình Tường vậy ! Rồng đến thì mưa hòa gió thuận, mùa màng ngũ cốc đều được mùa; Phượng lại thì quốc gia yên ổn, muôn dân có hạnh phúc. Từ thời Bàn cổ khai thiên lập địa đến nay, rồng bay phượng múa, người đời từng đã được nghe nói đến, song trong vạn hình tượng thể hiện đức sáng, rồng bay phượng múa vẫn là chuyện tiêu biểu hàng đầu".

Mọi người vô cùng thích thú cùng hướng lên Ngụ Thuấn hát vang những lời chúc tụng :

*Nhật Nguyệt rực rỡ,
Sán lạn nơi nơi,
Trình tường long phượng,
Do ở một người...*

Từ đấy về sau, long phượng trình tường trở thành những lời đồng nghĩa với lời chúc tụng "quốc thái dân an" (nước thịnh dân yên).

*

* *



THÁI BÌNH HỮU TƯỢNG (Đời Thái Bình có voi đến).

Tương truyền Ngu Thuấn trị vì thiên hạ được 61 năm, lúc đã già có ngự giá đến phương nam, sau khi đến đất Thương Ngô, hốt nhiên bị mắc bệnh không khỏi, đã triệu tập quần thần nói rằng : "Con ta là Thương Quân không giống cha, chẳng thể kế thừa ngôi vua. Sau khi ta chết, các người có thể thờ Vũ làm chúa thiên hạ". Nói xong thì mất, an táng ở dưới núi Cửu Nghi.

Song Vũ không chịu tuân theo di mệnh kế thừa của vua Thuấn, sau khi lo liệu xong tang lễ của vua Thuấn, bèn dẫn vợ con chạy đến ẩn náu ở Dương thành. Quần thần đuổi theo đến tận Dương Thành khấu đầu bái lạy. Vũ nói : "Ta đức mọn tài hèn, đâu dám đảm đương việc lớn điều hành thiên hạ, lại nghe nói tiên đế có người con là Thương Quân nên để ông ta kế thừa ngôi báu. Chương lý hình chính là lão thần Cao Dao có phê bình Vũ rằng : "Không tuân di mệnh của tiên đế, ấy là một tội; không làm theo sự

ủy thác của muôn dân, ấy là hai tội ; nấu thân ở Dương thành đến nổi thiên hạ vô chủ, đấy là ba tội. Xin ngài suy nghĩ cho kỹ !".

Vũ không biết nói sao đành lên ngôi vua, đổi quốc hiệu là Hạ, định kinh đô ở An Ấp. Lại chia thiên hạ làm chín châu, treo chuông trống để cầu được nghe những lời nói thẳng, lập đức phủ dụ muôn dân, bốn phương đều qui theo vương triều. Không lâu có người đến báo cáo, dưới núi Cửu Nghi nơi vua Thuấn yên nằm, có sự kỳ dị xuất hiện: Voi trắng giầy đất ở trước mộ, còn chim én thì ngậm đất đắp mộ. Chưa biết là điềm gì ?

Vua Vũ cũng không rõ, bèn hỏi lão thần. Lão thần nói, giống chim nhỏ ấy gọi là bằng tiêu, có thể biến đổi màu sắc, ngậm đất đắp đống, đất ấy bị phong hóa thành sa chu, uống vào có thể trường sinh mãi. Voi trắng cây đất ấy là điềm lành thiên hạ thái bình, là điềm đáng vui, đáng mừng vậy.

Hạ Vũ cả mừng, tức thì cho lập miếu thờ voi ở đất ấp, phong làm Tỵ thần. Từ đấy về sau, các bậc vương đế luôn ca tụng voi trắng tượng trưng cho đất nước thanh bình, mãi rồi thành phong tục.

Thực ra voi trắng là động vật hiếm có, khó được thấy một lần, bởi thế phần lớn đều do Phiên Quốc làm voi đưa tặng. Ví như thời Bắc Ngụy, nước Càn La có dâng voi trắng để chúc tụng, trên lưng nó còn

khoác áo ngũ sắc, lại có cả giường thất bảo để ngồi, trang bị cực kỳ hoa mỹ. Thời nhà Đường, nước Văn Đan cứ cách vài năm, lại đem cống một con voi trắng có phủ vải vàng trên lưng, có khuyên bạc ở tai, kẻ sĩ mượn đó làm đề tài văn chương viết ra nhiều bài thơ chúc tụng.

"Thái bình hữu tượng" trở thành lời chúc tụng, "tượng" còn hàm nghĩa là cảnh tượng, về những bức vẽ thực tế đề cập đến điều này, thông thường là vẽ một con voi trắng cống một chiếc bình cổ, lấy chữ "bình" ngụ ý "Thái bình", cũng có khi vẽ đây là một chiếc bình rất quý để hàm nghĩa giàu có. Ngoài ra còn bức họa vẽ một con voi trắng cống một bồn "vạn niên thanh", hoặc có đề chữ "vạn" của nhà phật, như thế thì gọi là "vạn tượng canh tân" (vạn vật đổi mới).

*

* *



LÝ KHIÊU LONG MÔN. (Cá chép Vượt Vũ Môn)

Tương truyền ngày xưa ngày xưa, sông Hoàng Hà nước tràn ngập cả các vùng, hồng thủy ngập trời chìm chết vô số người và gia súc. Vua Nghiêu lệnh cho một người tù trưởng tên là Cỗn trông coi việc trị thủy. Cỗn huy động mọi người chất đá thành vách ngăn nước, liên tục suốt chín năm chẳng có kết quả gì. Vua Nghiêu nhường ngôi cho Thuấn, Thuấn lại dùng con trai của Cỗn là Đại Vũ kế thừa công việc của người cha, trị nạn hồng thủy.

Biên pháp trị thủy của Vũ là nạo vét dòng sông, căn cứ vào dòng chảy của Hoàng Hà và địa thế núi non, đục đá khơi luồng, để nước lũ thoát được dễ dàng. Làm suốt mười ba năm, đến việc lấy vợ cũng không nghĩ đến. Tinh thần vì dân trừ hoạn nạn ấy làm cảm động cả Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng lệnh cho con gái của mình hóa làm Đổ Sơn Nữ, gả cho Đại Vũ làm vợ, giúp ông ta cùng trị thủy, Đổ Sơn Nữ còn mang theo hai pháp bảo làm của hồi môn, một con trâu thần và một chiếc búa quý.

Đại Vũ và Đồ Sơn Nữ khẩn trương chế ngự Sông Hoàng Hà để cao nguyên hoàng thổ cao dần lên. Đồ Sơn Nữ dùng trâu thân đào sông, khơi thông cửa Đại Hạp Cốc giữa những vách núi cao chát ngất ở Thiểm Tây, hồng thủy chảy qua Hạp Cốc nhỏ hẹp rồi cuộn cuộn lao đi. Chẳng ngờ, ở trước mặt có một quả núi lớn chắn ngang Hạp Cốc, ngăn cản dòng Hoàng Hà chững lại, làm tung lên những đợt sóng ngất trời. Đại Vũ vội vung búa quỷ phá trái, phạt phải, bạt đi hơn 40 trượng núi, mới mở được đường thông cho dòng nước. Thế rồi Hoàng Hà không còn phải lo tường cao vách chắn, ào ạt mà tuôn xuống ; tiếng sóng dữ âm âm, nghe như tiếng sấm chấn động khắp vùng sơn dã.

Ở cửa khẩu này, trên vách núi còn dấu vết búa quỷ chém xuống, lại giống như cánh cửa cung khuyết, chính là vách núi hùng vĩ ở đông bắc Hàn thành, tỉnh Thiểm Tây, cũng gần với vùng Hà Tân của tỉnh Sơn Tây, là một thành tích của thiên hạ gác qua bờ Hoàng Hà, đấy là Vũ Môn. Gọi là cửa Vũ Môn để trao gửi sự nhớ nhung đến công đức trị thủy của Đại Vũ. Trăm họ thoát được cảnh lụt lội, nhưng cá chép vẫn sống ở Hoàng Hà lại kêu khổ : Sóng lớn cuộn trôi cuộn theo nó, từ thượng du cuộn xuống, bắn qua cửa Vũ Môn, hốt nhiên lại rơi vào hõm sâu hơn 80 trượng, hình thành một quang cảnh hoành tráng "Vũ Môn ba đợt sóng, bình địa sấm vang rền".

Sóng tung hoa cuộn xoáy, thế không gờ ngăn nổi, những con cá chép cũng chẳng có cách nào bơi ngược về nguồn, trở lại cố hương nữa.

Cá chép yêu cầu vợ chồng Đại Vũ : Hãy mau mở rộng cửa khẩu, giảm sức nước ở vách chắn, để chúng tôi về được thượng du. Nếu không, sẽ liên hợp với họ hàng nhà cá khắp thiên hạ cùng hút hơi phun nước, nổi sóng nổi gió đấy.

"Náo động gây thủy họa, cùng với trăm họ đối đầu, đấy có phải việc đáng làm không nhỉ ? Hãy cứ nhẫn nại, nhảy qua cửa khẩu mà đi !" Đại Vũ cười nhạt nói vậy.

Họ hàng nhà cá nhẩn mặt nói rằng : "Thử nhảy qua ư ? Sức nước chảy xiết mà cửa khẩu lại cao như thế ! Nếu như chẳng ngã vỡ đầu, thì cũng giập mang".

Đô Sơn Nữ cười nói : "Để ta đi tâu với Ngọc Hoàng phê chuẩn, nếu ai nhảy qua được cửa khẩu, ngay lập tức sẽ hóa làm rồng bay, đăng vân lên trời ; nếu ai ngã giập đầu giập mang, như thế chỉ nêu oán mình sinh ra là kẻ phạm tục, cũng đừng gây rối loạn nữa...".

Cá chép nghe nói nhảy được có thể hóa rồng, thấy đều không thể không nhảy nhót hoan hô âm ỉ.

Từ đấy, mỗi dịp cuối xuân, thấy có vô số cá chép vàng ánh theo nhau bơi ngược Hoàng Hà, tụ lại ở

cửa Vũ Môn, lao ngược ngọn sóng, hăng hái tung mình nhảy lên. Nếu có ai nhảy qua được, lập tức thấy có mưa gió nổi lên, lửa chớp thiêu đuôi vây của nó ; thoát cái nó hóa thành con rồng xanh, bay lên tận chín tầng trời, làm cho những đồng loại ngã dưới nước cũng vô cùng cảm kích. Trong một thời gian khá lâu, mọi người gọi cửa Vũ Môn nhảy qua hóa rồng này là Long Môn. Người xưa nói : "Một lần vượt Long Môn, gấp mười lần danh tiếng " là dựa vào chuyện này mà nói ra.

Câu chuyện đục cửa khẩu và cá chép hóa rồng lưu truyền rất rộng trong nhân gian ; những cuốn thư tịch cổ như "Thủy kinh chú", "Tam Tần ký" đều có ghi chép việc này. Đại thi nhân Lý Bạch có thơ rằng :

*Sông Hoàng Chép bảy tấc,
Vốn ở bến Mạnh Tân,
Hóa rồng nếu chẳng được,
Về lại với phàm trần.*

Đấy cũng là lấy điển cố này mà viết ra. Mọi người còn dùng câu "Đăng Long Môn" để ví những người thành đạt vẻ vang được là bởi biết vận dụng tốt sách lược. Ở thời đại khoa cử, tham gia thi Đình mà giành được ngôi tiến sĩ vẻ vang cũng được gọi là "Đăng Long Môn".

Cá chép nhảy qua Long Môn được vẽ thành bức vẽ cát tường, chính là điển đạt hình tượng về truyền

thuyết tốt đẹp này, cũng kỳ thác mong mỗi được dịp bay nhảy cao xa, một sớm gặp vận may. Hơn nữa ở đây mọi người cũng gửi gắm mong mỗi con em dựa vào việc đọc sách thi cử giành lấy công danh tiền đồ, lấy nó làm tượng trưng cho gặp vận may.

*

*

*



QUA DIỆT MIÊN MIÊN

(Dây dưa liên miên)

Ở thời đại Âu thượng, bộ lạc Cơ Tính của nước Cổ Lão định cư ở đất Bân (nay thuộc Thiểm Tây). Trên vùng đất phì nhiêu này, họ trồng lúa nước, theo nghề nông nghiệp. Song bộ lạc Nhung Địch sống bằng nghề du mục cũng thêm muốn vùng đất đầu nguồn giàu có này không ngừng quấy nhiễu họ. Thủ lĩnh của bộ lạc Cơ Tính là Cổ Công Đản-Phụ nhiều lần dâng lễ cho Nhung Địch có ý cầu hòa, cuối cùng vẫn không có kết quả. Cổ Công triệu tập những người già nói : "Tặng cho họ vải vóc, lừa ngựa và châu ngọc cũng không được, cái họ muốn chính là đất đai. Đất đai vốn là vật nuôi dưỡng người, chẳng thể để nó làm vật hại người. Chúng ta phải rời bỏ nơi này thôi".

Cổ Công Đản-Phụ dẫn bộ tộc vượt qua đất Tát, Tú và Lương Sơn đến đất Chu Nguyên ở phía nam Kỳ Sơn. Đất Chu Nguyên phì nhiêu thích hợp với việc cày bừa. Cổ Công quyết định ở đây.

Từ đó bộ lạc Cơ TÍNH tự gọi là người Chu, xây dựng nhà cửa ở Chu Nguyên, khai khẩn cày bừa, đặt quan phân chức, dần dần đạt đến thịnh vượng. Đến đến thời người cháu là Cơ PHÁT (tức là Chu Vũ Vương) kế nhiệm ngôi thủ lĩnh, tộc người Cơ TÍNH đã trở thành một đất nước lớn mạnh ở phía Tây nhà Ân Thương. Cuối cùng, Cơ PHÁT hội họp chư hầu ở bến Mạnh Tân, tiến sang phía đông thảo phạt Thương Triều. Sau khi đánh chiếm được kinh đô của Thương Triều, lập ra một vương quốc giàu mạnh thay thế nhà Thương Ân, đấy là Vương triều nhà Chu.

Trong lễ mừng ngày khai quốc, người Chu cùng nâng cốc chúc rượu nồng nhiệt, cùng cao giọng hát ca tụng và nhớ đến công đức mở mang của Cổ Công Đản-Phụ : "Dây dưa vươn dài mãi, dân sống thừa ban đầu, từ vùng đất Tứ, Tất...".

Đại ý là : Vùng đất bên sông Tất thủy và Tứ Thủy là nguồn gốc sự phát sinh tốt lành của người Chu; cũng như dây dưa, dây bí vươn dài mãi, con cháu muôn đời dằng dặc không dứt...

Lời đầu bài hát này có thấy ghi ở "Kinh thi". Câu đầu "dây dưa vươn dài mãi", đã thành một lời chúc con cháu hưng thịnh, phát đạt, phồn vinh, điều này đã được thể hiện qua bức vẽ cát tường vẫn thấy. "Qua" và "Diệt" đều là những giống dưa, "Diệt" là loại dưa nhỏ, hàm ý của câu hát là lúc mới đầu thì nhỏ bé, song bò dài ra không dứt, dần dần lớn mạnh,

kéo dài sự sống thêm mãi mãi.

Bức vẽ "Dây dưa kéo dài mãi" trong truyền thống có hai loại, một loại dưa vươn lên quấn lấy cành cây, loại khác còn vẽ thêm những cánh bướm bay lượn, lấy ý tứ bướm liền với dưa vậy (trong ngôn ngữ Trung Hoa thì bướm và dưa đều đồng âm).

*

* *



BÁCH VÔ CẨM KỶ (Trăm sự đều lành)

Theo truyền thuyết, Khương Thái Công giúp nhà Chu thảo phạt, sau khi trăm trận nên công, lại phụng mệnh dâng thiên tôn, bưng ấn ngọc, sắc vàng, bước lên đài phong thần trong cảnh mưa gió sùi sụt, truy tôn các trung thần tử trận, gặp được chốn thần tiên, khiến những hồn phách lang thang mây gió đều có chỗ theo về. Kết quả là vô luận chính thần hay tà quỷ đều được hưởng ân huệ, đến cả những nịnh thần nhà Ân Thương tội ác chất chồng, có thừa tội chết như Phi Liên, Ác Lỗi bị Khương Thái Công xử phạt, sau khi bị chém đầu ở cửa Vu Viên, rõ ràng cũng được phong làm thần Băng Tiên Ngõa Giải (tiêu trừ), thấy đều khấu đầu tạ ơn, lên đường làm việc. Nói chung thấy đều rất vui mừng. Phong thần xong xuôi, Khương Thái Công giữ lại chiếc kim bài mà Đông Nhạc Đại đế cấp cho mình, cưỡi Lân đến núi Thái Sơn nhận chức.

Mới đến chân núi Thái Sơn, đột nhiên thấy có một

oan hồn quỉ dưới đất, đang ngăn cản đường đi, trong mồm còn ngậm tước hiệu của Thái Công giao cho.

Khuông Thái Công rất kinh ngạc, vội cho dừng Lân lại, chần chú nhìn kỹ, thấy vong hồn ấy ứa máu ở mồm, mũi, mặt như vàng giát, phải chăng là Hoàng Phi Hổ đã âm thầm vì nghĩa lớn, đại chiến ở Tứ Thủy, cuối cùng đã chết thê thảm ở Dương Châm đó ư ? Thái Công trong lòng chợt phàn nàn rằng : "Ái chà chà, ta thực là kẻ hồ đồ, phong thần nhiều như vậy, mà lại quên mất ông ta rồi !".

Đang băn khoăn như thế thì lại thấy Hoàng Phi Hổ thê thảm nói : "Thưa Thái Công, các thần đều đã được phong rồi ư ?".

Khuông Thái Công rất ảo não, nhớ lại Hoàng Phi Hổ đã vì nước vì dân, trung thành lại can đảm, mà lại cam chịu tiếng là bất trung bất hiếu, cuối cùng mắc nạn ở chốn xa trường dẫm máu, lại còn mắc tiếng xấu. Tự mình phong thần cho hàng nghìn người, cuối cùng lại để sót ông ta, còn mặt mũi nào mà nhìn thần linh thiên địa nữa ?

Nghĩ đến đây, Khuông Thái Công kiên quyết hần lên, cầm chiếc kim bài của mình ra, đặt vào tay Hoàng Phi Hổ mà nói : "Ông được phong làm thần ở núi Ngũ Nhạc, nắm giữ 18 tầng địa ngục ở U Minh địa phủ, kiểm tra sự chuyển hóa, sự sinh tử của thần tiên, con người và ma quỉ. Hãy mau nhận chúc đi !".

Hoàng Phi Hồ tạ ơn rồi đi, Khương Thái Công là người phong chức cho các thần lại chẳng thành được thần tiên, lại đành phải quay về làm **phụ** chính cho Chu Vũ Vương.

Các thần sau khi được biết, đều cảm động không thôi, thế rồi cùng giao hẹn : Sau này bất luận Khương Thái Công đến địa hạt của ai, tất cả đều phải kính cẩn, cùng nhường khẩu phần của mình cho ông ta. Đây là hiệp nghị của thần tiên và tà thần, lại để phàm trần dùi được lỗ hổng: Nếu làm việc gì đắc tội với tà thần hoặc có ma quỷ đến nhà, thì dán bức vẽ Khương Thái Công lên vách, cầu xin người xuất hiện, lại còn viết bên cạnh tám chữ rằng : "Thái Công tại thử, bách vô cấm kỵ (Thái Công ở đây, trăm việc đều lành).

*

* *



CHIÊU TÀI TIỀN BẢO (Triệu với tiền của)

Trong dân gian Trung Quốc thường sùng bái Thần Tài, hình thức rất phức tạp, lưu hành rộng rãi nhất là một vị hảo hán da đen tay cầm roi sắt đội mũ miện, cưỡi hổ, được gọi Triệu Công Nguyên Soái. Tương truyền Triệu Công Nguyên Soái họ Triệu tên Lãng, tự hiệu là Công Minh người ở núi Trung Nam, đến núi Nga Mi tu đạo thần tiên. Khi Khương Tử Nha giúp Chu Vũ Vương thảo phạt vua Trụ nhà Thương, ông ta xuống núi giúp vua Trụ, cùng với Tiên Thắng và Tào Bảo của phe Khương Tử Nha giao chiến. Thần tiên khi giao tranh đều có pháp bảo. Pháp bảo của Triệu Công Minh là "dây quán" và "ngọc định hải", khi vút vào không trung, niệm thần chú, có thể bắt nó triển khai thân uy, khiến cho đối thủ phải bó tay. Nào ngờ Tiên Thắng vút pháp bảo "Lạc bảo kim tiền" lên trời, dây quán, ngọc định hải đều bị rơi xuống đất, lập tức bị Tào Bảo cướp mất bay.

Mất pháp bảo, Triệu Công Minh không dám ham

chiến, hoang mang chạy về doanh trại. Khương Tử Nha vẫn không chịu thôi, dùng rơm bện thành hình nhân, viết ba chữ Triệu - Công - Minh lên đó, rồi vút lên đài tế. Rồi quay người vung kiếm chém vào khoảng không, đốt bùa niệm thần chú, mỗi ngày hai lần hướng lên đài khấn vái. Triệu Công Minh trốn trong doanh trại quân Thương, thấy trong lòng nôn nao, bị bắt vía nên hoảng hốt không yên, đến nỗi hôn mê đi. Sau 21 ngày Khương Tử Nha lại lấy cung dâu, tên đao bắn thẳng vào mắt, vào tim của hình nhân. Triệu Công Minh trong trại quân Thương đang nằm thẳng cẳng trên giường bỗng thét to một tiếng rồi tắt thở.

Chu Vũ Vương sau đó thắng được Thương Trụ, Khương Tử Nha đến cung Ngọc Hư ở núi Côn Lôn xin được ngọc phù, kim sách của đức Nguyên thủy Thiên tôn, lại về Kỳ Sơn tế ở đài phong thần, sắc phong cho những hồn trung tử trận trong cuộc giao chiến của hai bên. Triệu Công Minh được phong làm Kim Long Như ý, trông coi huyền đàn Long Hồ, cho nên người sau gọi ông ta là Triệu Huyền Đàn. Lại cho Triệu Huyền Đàn có quyền sai khiến, đó là đón may mắn hạnh phúc, đuổi bắt kẻ bỏ trốn.

Với hai điều này Triệu Công Minh đâu đã được kể là Thần Tài nhỉ ? Vốn là khi Khương Tử Nha phong thần, lại để ông ta thống lĩnh bốn viên tiểu thần, bao gồm cả những địch thủ lúc đầu như Tiêu

Thăng, Tào Bảo. Bốn vị tiểu thần đó là: Chiêu Bảo Thiên Tôn Tiêu Thăng, Nạp Trân Thiên Tôn Tào Bảo, Chiêu Tài Sứ Giả Kiều Hữu Minh, Lợi Thị Tiên Quan Diêu Nhĩ Ích.

Được thép vàng nhờ ban bộ chiêu tài tiến bảo này, Triệu Công Minh trở thành hình tượng sừng đôi của những mong mỗi phát tài sừng tìn. Người biết rõ ban bộ này, khi vẽ tranh Triệu Công, đều vẽ cả bốn tiểu thần đứng xung quanh, chỉ sợ không nhiệt tình mà đắc tội với chủ.





TỬ KHÍ ĐÔNG LAI

(Khí lành đến từ Phương Đông)

Tương truyền vào thời Tây Chu, trong triều có một vị đại phu họ Duẫn tên Hỷ, từ nhỏ đã thích tìm đọc cổ thư, tinh thông lịch pháp, chỉ ân hận không gặp được một chân nhân có thể hơn hẳn ông ta. Có một buổi tối hôm ấy, Duẫn Hỷ lại như thường lệ, ra xem thiên tượng, hốt nhiên phát hiện từ phương đông có một luồng khí tím đang từ từ tiến lại phía mình. Hiện tượng này theo sách vở chuyên môn giải thích, là điềm tốt lành của trời. Duẫn Hỷ cứ theo lý truy xét, đoán rằng có thánh nhân qua cửa Hàm Cốc đi về phía tây. Cơ hội này chẳng thể để lỡ ! Duẫn Hỷ lập tức yêu cầu Chu Chiêu Vương cho mình được đến Hàm Cốc quan làm quan lệnh. Một đại phu ở triều đình chủ động đề xuất đi làm một chức quan lệnh bé nhỏ, đối với người khác thì cho là việc khó lý giải. Song Duẫn Hỷ vẫn giữ thái độ kiên quyết, Chiêu Vương đành phải đồng ý theo.

Hàm Cốc quan ở phía tây bắc, huyện Linh Bảo

tỉnh Hà Nam ngày nay, Duẩn Hỷ từ Hạo Kinh (nay là Thiểm Tây) đến làm việc ở quan ải, dự định thánh nhân 90 ngày nữa sẽ qua ải, trước lệnh cho viên quan ở đấy là Tôn Cảnh rằng : "Nếu có người tướng mạo không phạm tục, dùng ngựa xe kỳ dị đi qua cửa ải, nhất định phải ngăn ông ta lại". Còn tự mình thì vội tắm gội giữ chay tịnh, chuẩn bị đầu vào đấy, lại dặn lính hầu quét ngõ thấp hương, đợi khách đến. Hôm ấy Tôn Cảnh quả nhiên thấy một lão ông tóc bạc râu dài cuỗi trên một con trâu xanh từ từ đến gần quan ải. Ông ta vội đến trước ngăn lại mà nói : "Trưởng quan chúng tôi xin được thỉnh giáo, xin ngài tạm dừng chân"; lại vội cho người thông báo cho Duẩn Hỷ biết.

Duẩn Hỷ mặc triều phục ra đón, bái lạy trước ông lão ấy.

Lão ông này chính là Lý Nhĩ và sau này được giới đạo giáo tôn làm Thái Thượng Lão Quân, có biệt hiệu là Lão Tử. Lúc đó ông ta vẫn vờ hồ đồ, liền bảo không dám nhận đại lễ như thế, Duẩn Hỷ nói rằng tháng Mười mùa đông vừa rồi thấy sao Thiên Lý đi về phía tây, đầu tháng này thấy gió đông bắc thổi ba đợt, có khí tín từ phương đông lại, chính là điềm thánh nhân qua cửa ải này vậy. Rồi kiên quyết giữ Lão Tử ở lại trong phủ, bái ông ta làm thầy, Lão Tử thấy là thành tâm học đạo, bèn thu nạp Duẩn Hỷ làm đệ tử, truyền khẩu cho những lời nói hay gồm

hơn 5000 chữ, sau này được Duẩn Hỷ viết lại thành cuốn "Đạo Đức Kinh".

Sau khi truyền đạo, Lão Tử lại cưới con trâu xanh ra khỏi cửa ải, ước hẹn với Duẩn Hỷ 3 năm sau sẽ lại gặp mặt ở Thành Đô. Đến ngày ấy, đúng hẹn tìm đến nơi, quả nhiên thấy sư phụ đang vân đến, lại phong ông ta làm Vô-Thượng-Chân-Nhân. Thế rồi Duẩn Hỷ cũng từ từ bay lên không trung, theo Thái Thượng Lão Quân ra ngoài tám cõi, trở thành thần tiên.

Sau này mọi người lấy câu nói "Tử khí đông lai" để biểu thị điềm lành, lại vẽ theo đề tài ấy, để lộ ra ở đấy mong mọi được thánh nhân chỉ bảo, xây dựng mảnh đất của mình thành xứ sở thần tiên.

*

* *



XUY TIÊU DẪN PHƯỢNG (Thối Tiêu dẫn Phượng).

Vào thời đại Xuân Thu, quốc vương nước Tần là Tần Mục Công có một ái nữ gọi là Lộng Ngọc ; cô công chúa này có dung mạo diễm lệ, thông minh rất mực, Tần Mục Công xem như đang có viên ngọc minh châu.

Lộng ngọc từ nhỏ đã say mê âm nhạc, hơn nữa còn có tài thổi sáo, tự mình tạo ra làn điệu, nghe như tiếng phượng hát. Tần Mục Công cho xây dựng một khuê các ở Dương Đài cho nàng, đặt tên là Phượng Lâu, để con gái chuyên ở lầu ấy thổi lên những khúc nhạc dịu dặt, du dương.

Dương Đài là nơi rộng rãi thoáng đãng, nên cũng được gọi là Phượng Đài. Sau khi Lộng Ngọc đã 15 tuổi, Tần Mục Công có ý kiếm cho nàng một phò mã. Cô gái nói : "Con muốn tìm một người khéo thổi sáo, người ấy có thể cùng với con xướng họa. Nếu không như thế sẽ không bao giờ xuất giá".

Tần Mục Công cho người đi tìm kiếm khắp nơi

trong nước, cũng chẳng tìm thấy một đôi tượng thích hợp với điều kiện này.

Buổi tối hôm ấy, Lộng Ngọc tâm tư phiền muộn lại ngồi bên song lầu Phượng, mang cây sáo bích ngọc thổi lên một khúc nhạc. Giữa không gian hiu hiu, gió nhẹ, chợt nghe tiếng hòa âm từ nơi xa vọng lại. Nàng vội ngừng thổi sáo, lắng nghe xem sao lại có tiếng hòa âm ấy. Nào ngờ hòa âm cũng ngừng theo, chỉ còn lại tiếng ngân mà thôi, tiếng ngân lắng dần như chẳng dứt đi.

Lộng Ngọc bỗng thấy mất hứng thú, bèn cất sáo đi, lên giường ngủ, trong lúc mơ màng, lại thấy có một chàng thiếu niên mũ cấm lông hạc, cưỡi con phượng hoàng từ xa bay lại, bay thẳng đến nóc Phượng Đài, sau đó lại lấy ra một cây tiêu Xích ngọc, dựa lan can đá mà tấu lên một khúc nhạc. Tiếng tiêu ấy hòa hợp những thanh âm Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ, tiếng vui hòa đầy ắp, Lộng Ngọc nghe thấy, tâm thần như đắm mê đi. Khúc nhạc vừa dứt, chàng thiếu niên bảo với Lộng Ngọc, anh ta ở núi Thái Hoa, nói rồi lại cưỡi phượng hoàng bay mất.

Lộng Ngọc vội chạy theo, mới vừa cất bước chợt tỉnh ngay lại, thì ra chỉ là một giấc mơ. Song tình cảnh trong mộng như vẫn còn hiển hiện trước mắt như thật vậy.

Từ đó, Lộng Ngọc không thổi sáo nữa, trong lòng

chỉ mơ tưởng chàng thiếu niên thổi tiêu hôm đó, thậm chí không ngó ngang đến cơm nước, cuối cùng ngã bệnh nặng.

Tần Mục Công sau khi biết rõ nguyên nhân chứng bệnh của con gái, vội phái người đến núi Thái Hoa tìm hỏi. Ô, kỳ lạ chưa, ở núi Thái Hoa lại có chàng thiếu niên ẩn cư trong ngôi lều cỏ, thường tối tối thổi sáo tiêu khiêu. Tần Mục Công rất mừng rỡ, lập tức triệu chàng thiếu niên đó vào kinh thành để chàng ở Phượng Đài tấu nhạc.

Khúc thứ nhất vừa dứt, gió mát rì rào thổi lại. Đến khúc thứ hai, trên nóc Phượng Đài quần tụ những đám mây rực rỡ. Đến khúc nhạc thứ ba, chim bạch hạc bay về lượn tròn trên nóc Phượng lâu, đến cả những con chim trong vườn Thượng Uyển cũng nhảy múa theo.

Chàng thiếu niên tấu xong khúc thứ ba, bệnh tình của Lộng Ngọc không chữa mà khỏi, nàng đứng sau rèm cửa sổ lên nhìn thấy người trước mắt chính là người trong mộng. Tần Mục Công sau khi hỏi ý con gái, lập tức cho anh ta làm phò mã. Nghe chàng thiếu niên tự kể lại, mọi người gọi anh ta là Tiêu Sử.

Từ đó, Lộng Ngọc ngày ngày cùng với Tiêu Sử hòa tấu tiêu sáo ở Phượng Lâu, sóng đôi hòa hợp, tình cảm gắn bó như keo sơn. Cứ mỗi buổi tối, hai người cùng hòa tấu dưới ánh trăng sáng mênh mang,

chợt lại có một rồng, một phượng nghe tiếng nhạc bay lại, đậu ở hai bên Phượng Đài. Lộng Ngọc lấy làm kỳ lạ, Tiêu Sử nói thực với nàng rằng : "Ta vốn là Nhạc Tiên ở thượng giới, bởi cùng nàng có tiền duyên, cho nên mượn tiếng tiêu để hoà hợp, nay rồng phượng đến đón chúng ta lại về thượng giới đây!".

Lộng Ngọc nghe chàng nói xong, bỗng hiểu tất cả, thấy thân mình cũng đột nhiên nhẹ bỗng, cũng nhẹ nhàng như tiên, muốn được về trời. Thế rồi Tiên Sử cười con rồng đỏ, Lộng Ngọc cười con phượng tía, dâng vân giá vũ từ từ bay lên trời. Đến khi Tần Mục Công nghe tin chạy đến từ biệt, chỉ còn nghe khúc hòa tấu quần quýt của tiêu và sáo cảm động lòng người vắng đến từ lưng trời xanh.

Truyện thuyết này đã đưa ra những lời chúc tụng hôn nhân như "thừa long khoái tể" (cưỡi rồng làm rể) "thần tiên giai ngẫu" (thần tiên đẹp đôi) "Xuy tiên hóa phượng" (cưỡi phượng thổi tiêu) v.v.. Bức vẽ dựa theo đề tài này, chính là ca ngợi hôn nhân mỹ mãn vậy.

*

*

*



LOAN PHƯỢNG HÒA MINH

(Loan Phượng hòa tiếng)

Năm 672 trước Công Nguyên, Trung Quốc ở vào thời đại Xuân Thu nhiều nước cát cứ riêng.

Giữa lúc Dương Liễu tác động mạnh, họ Qui ở nước Tần nổi ra chính biến, Thái tử Ngự Khấu bị người cha là Trần Tuyên Công giết đi, Công tử Trần Hoàn thân với Ngự Khấu sợ bị liên lụy xấu vội chạy đến nhờ họ Khương ở nước Tề để lánh nạn.

Tề Tuyên Công nhiệt tình khoản đãi vị công tử đang lánh nạn này, muốn phong ông ta làm quý tộc. Trần Hoàn từ chối rằng : "Hạ thân có thể được quý quốc dung nạp đã xem là may mắn lắm rồi, đâu dám được ngôi vị như thế ư ?"

Tề Tuyên Công bèn cho ông ta một chức quan công tượng (kiến trúc đồ gỗ) phụ trách việc trông coi xây dựng về thổ mộc cho cung miếu lăng tẩm.

Nước Tề có một vị đại phu là Ý Trọng, thấy Trần Hoàn rất được đức vua nể vì, thực là người có tài lớn, bèn nghĩ đến việc gả con gái cho ông ta.

Đương thời phong tục của các quý tộc thượng lưu thường xin quẻ bói trước lúc cưới hỏi, con gái của Ý Trọng lo lắng việc hôn nhân uẩn tàng điều gì, bèn xin một quẻ bói, kết quả là được điểm may, lời quẻ viết : Chim phượng và chim hoàng sổng đôi cùng bay, cùng xướng họa hài hòa thân ái. Hậu duệ của họ Qui, sẽ khai hoa kết quả tốt đẹp trong vườn nhà của họ Khương, suốt năm đời đều phồn vinh hưng thịnh, có tước vị khanh tướng cao quý. Đến đời thứ tám về sau thì đạt được ngôi vua tôn quý.

Nghe nói việc tốt đến như vậy, Ý Trọng lập tức gả con gái cho Trần Hoàn. Sự việc phát triển sau đó quả nhiên đúng như dự đoán của quẻ bói: Hậu duệ của Trần Hoàn ở nước Tề đời đời vinh hiển, cuối cùng thay họ Khương trở thành Vua nước Tề.

Sau này những câu như "phượng hoàng vu phi" (phượng hoàng cùng bay), "hòa minh thương thương" (tiếng chim hòa giọng hát véo von), "ngũ thế kỳ xương" (năm đời hưng thịnh), đã trở thành những lời chúc hôn nhân tốt lành; "Phượng hoàng vu phi" bởi dễ dùng hình tượng để diễn đạt, đã trở thành nội dung bức vẽ cát tường, riêng "loan phượng hòa minh", bức vẽ này chỉ vợ chồng yêu thương nhau, gia đình hòa mục, tử tôn phồn thịnh, nghiệp nhà hưng vượng mãi mãi.



TƯƠNG TƯ UYÊN ƯƠNG (Uyên ương nhớ nhung)

Uyên ương là loài chim đẹp báo điềm lành và những bức vẽ về nó thấy phổ biến trong hoạt động dân gian về hôn nhân vui mừng. Ngoài những bức tranh treo còn thêu ở chăn, gối, màn gió, mũ, khăn tay, được vẽ vào gương, hộp, tủ quần áo...

Nghe nói, loài chim này con đực gọi là uyên con cái gọi là ương, đã phối hợp với nhau thì sống đôi suốt đời, cùng bay cùng đậu, cho nên được xem là tượng trưng cho sự tương sinh, tương ái, cùng sinh tử của nam nữ.

Trong cuốn "Sưu thần ký" có một truyền thuyết dân gian nói về uyên ương tương tư như sau :

Thời cổ đại có một người nước Tống gọi là Hàn Bằng, lấy Hà Thị làm vợ, vợ chồng thương yêu nhau, cuộc sống đang độ rất đẹp, chẳng ngờ một tai họa từ đâu bay đến với họ, người tạo ra hoạn nạn chính là ông vua của họ tên gọi Tống Khang Vương.

Tổng Khang Vương hiếu sắc mà tàn bạo, rất thích phái đẹp. Nghe nói vợ Hàn Bằng là Hà Thị rất xinh đẹp thì sinh lòng ham muốn. Ông ta đầu tiên đổ tội cho Hàn Bằng bắt anh ta đến kinh đô rồi tống vào ngục thất, sau đó lấy danh nghĩa tra khảo về gia sản để ghép tội, bắt Hà Thị đưa vào cung.

Hàn Bằng vô tội mà bị bắt, lại được biết vợ bị nhà vua chiếm mất, giận dữ khác thường, song anh ta biết mình chẳng thể chống lại với uy thế của Vua, đành dùng phương thức tự sát để bày tỏ nỗi oan khuất, Hà Thị ở trong cung nghe tin chồng đã chết đau đớn không thôi cũng thể liều chết theo. Song Tổng Khang Vương ngày đêm giám sát chị, khiến chị không tìm được thời cơ tự sát.

Không lâu, Tổng Khang Vương phái cung nữ đến truyền lệnh, muốn Hà Thị đi cùng ông ta đến Lộ Đài trong cung vua để thưởng nguyệt tiêu khiển; riêng Hà Thị trong lòng đã có chủ ý, chị ta đầu tiên ngấm xé bớt xiêm áo, sau lại vờ như rất thuận tòng, được vệ sĩ và các cung nữ hộ giá, theo Tổng Khang Vương cùng bước lên lộ Đài cao vời vợi. Nói thì chậm hơn, việc ấy diễn ra mau chóng, chỉ thấy Hà Thị mới bước lên gác cao, lập tức đã lao nhanh xuống mặt đất. Vệ sĩ sáng mắt nhanh tay, cũng mau chóng chạy đến nắm áo của nàng song chỉ tóm được hai miếng dải, Hà Thị đã từ trên nóc Lộ Đài tung mình nhảy xuống đất mà chết.

Hà Thị trước khi chết có để lại lời di chúc xin được hợp táng với Hàn Bằng cùng một ngôi mộ. Tống Khang Vương sầu não quá thành ra giận dữ, lại hạ lệnh để họ ở hai ngôi mộ. Nào ngờ trong một đêm, ở hai ngôi mộ mọc ra hai cây tử, mới hơn 10 hôm cành cây xòe ra đan vào nhau như những cánh tay ôm lấy nhau, rễ ở dưới đất cũng liền với nhau, cành lá bên trên thì đan vào nhau, hợp thành một vầng bóng rợp. Người thấy cảnh quan này, chẳng thể không tấm tắc là kỳ dị vậy.

Sự việc lại càng làm người ta kinh ngạc, còn là một việc nữa. Trải qua một số ngày, từ trong hai ngôi mộ thấy bay ra một con chim uyên và một con chim ương, hợp thành một đôi, cùng sổng đôi đậu trên cành cây Tử, sớm tối kê vai, tựa đầu mà hát, âm thanh thê thảm như khóc như than. Trăm họ của nước Tống đều cảm động theo từ đấy gọi cây Tử là cây Tương tư.

Câu chuyện vợ chồng Hàn Bằng sống chết có nhau, vốn có sắc thái bi kịch. Song bức vẽ "uyên ương cùng đậu" căn cứ vào truyền thuyết này mà vẽ ra thì diễn đạt thành bức vẽ cát tường nhằm ca ngợi, tán dương vợ chồng thương yêu nhau đến chết không rời bỏ, còn có bức vẽ "hà hoa uyên ương" vẽ uyên ương cùng bơi trước hoa sen, lấy chữ "hà" để hài hòa với chữ "hòa", là lời chúc phúc vợ chồng hòa

thuận; bức vẽ "uyên ương đồng tâm" vẽ uyên ương nằm trên lá sen, lấy ý ngó sen với những đường ống thông suốt để nói vợ chồng cùng một lòng, cùng lâu bền mãi đến già.

*

*

*



KỠ LÂN TỔNG TỬ

(Kỳ Lân đưa con đến)

Kỳ lân, rồng, phượng hoàng và rùa, cả bốn con vật này được người Trung Quốc gọi là Tứ Linh. Kỳ lân được đứng đầu trong tứ linh. Nó có thân hươu, chân ngựa, đuôi trâu, móng guốc, có vảy tê đây mình, đầu có một sừng nhọn, con thú tốt lành này, ngoài sự xuất hiện ở thời thái bình thịnh trị, còn đưa trẻ con đến nhà nào tích đức mà không có con nối dõi. Tương truyền rằng Khổng Tử, vị thánh nhân được gọi là "Tổ Vương", được sinh ra là kết quả của kỳ lân đưa con trẻ đến.

Ở Khúc Phụ quê hương của Khổng Tử, có một cửa ô gọi là Khuyết Lý, quê hương của Khổng Tử ở đây. Trước lúc Khổng Tử đến thế giới này, người cha của Khổng Tử là Thúc Lương Ngột và mẹ là Nhan Chủy đã sinh mười người con, trong đó chỉ có Mạnh Bì là con trai song lại khỏe chân, chẳng thể đảm đang được việc tế tự. Hai vợ chồng rất ân hận, cùng

đến cầu phúc ở núi Ni Sơn, mong ngóng sẽ có được một đứa con trai.

Kỳ tích đã xuất hiện: Một đêm kia bỗng có một con kỳ lân bước đến cửa ô Khuyết Lý. Đêm lành này sẽ ứng vào nhà nào vậy. Mọi người ở đấy đều chạy đến xúm đông xung quanh. Kỳ lân cử chỉ ưu nhã, chẳng vội vàng gì, nhả từ trong miệng ra một vuông lụa trên đó thấy ghi mấy chữ : " Con cháu của Thủy tinh, đời Chu suy bại, mà thấy Tổ Vương, tỏ sự hiền minh".

Đấy là ý tứ gì vậy ? Mọi người đều nghi hoặc khó hiểu.

Có một lão nhân bác học quảng văn giảng giải rằng "Đại khái là nó đưa con trẻ đến cho nhà nào đó, đấy là đứa con của Thủy tinh vậy". Tiếp đó lại hào hứng nói : "Dẫu sinh ở nhà ai, tóm lại là phúc phận của người vùng Khuyết Lý ta cả !"

Mọi người ở đấy đều hoan hô cho là đúng, lại còn lấy lụa hoa buộc lên sừng kỳ lân, biểu thị sự cảm tạ của cả vùng.

Hôm sau không thấy kỳ lân đến, song trong nhà Thúc Lương Ngột truyền ra tiếng khóc của đứa bé mới sinh cứ the the mãi. Cuối đời Chu Kính Vương, có người cày ruộng ở Khúc Phụ, cuối cùng lật ra được miếng lụa hoa trước buộc ở sừng kỳ lân, ghi chép về

con thú tốt lành này được lưu truyền ở quê hương Khổng Tử.

Bức vẽ "Kỳ lân tống tử" thấy rất phổ biến, thực tế là sự thể hiện phong tục dân gian mong cầu kỳ lân đưa trẻ con đến nhà; phương thức dân tranh kỳ lân ở sân hoặc trong nhà, có ý không muốn phụ nữ giúp đỡ việc nhà trong năm có con, mọi việc được mỹ mãn vuông tròn. Cũng có người học theo người Khuyết Lý, bắt chước buộc lụa hoa lên sừng kỳ lân vào dịp tết Trung Thu.

Ngoài ra còn có bức vẽ "kỳ lân nhả thư " Cũng vẽ theo truyền thuyết trên, thấy nhiều ở những tranh trang sức cho văn miếu, học cung, có ý là điềm tốt lành xuất hiện, thánh hiền đã ra đời như thế.

*

*

*



NGƯ ÔNG ĐẮC LỢI (Ngư Ông được lợi)

Thương nhân ngày xưa, rất ưa thích bức vẽ ngư ông buông câu mà được con cá lớn, hoặc treo ở trong cửa hàng, hoặc để trang sức ở ngoài cửa, hoặc để làm nhãn hiệu, đại khái bức vẽ ngư ông đắc lợi, là bức vẽ cá tung vàng mà những người buôn bán rất ưa dùng.

Về xuất xứ điển tích của bức vẽ này có thể thấy trong cuốn "Chiến Quốc Sách".

Ở thời đại Chiến Quốc, các quân hùng cát cứ nơi nơi. Nước Triệu muốn khởi binh đánh chiếm nước Yên, mưu thần của vua nước Yên là Tô Đại sau khi biết tin, chạy ngay đến nước Triệu, yết kiến vua nước Triệu mà nói rằng :

- Khi tôi từ nước Yên đi sứ sang quý quốc, qua sông Dịch Thủy, nhìn thấy một con Trai đang phô ra cái vỏ sáng của nó, nằm phơi nắng trên bến sông; có một con Cò, chạy đến bên con Trai đó, vươn mỏ mổ vào thịt con Trai. Con Trai vội vàng khép vỏ lại

ngậm chặt lấy mỏ Cò, con Cò bèn gắng sức lực, vẫn không rút được mỏ ra, mà con Trai cũng chẳng thể thoát thân, chẳng thể về lại dòng sông được nữa.

Thế rồi Trai và Cò cùng tranh cãi với nhau. Con Cò nói : "Hôm nay trời không mưa, ngày mai trời cũng không mưa, chẳng có nước mưa, Trai mà không về được dòng sông thì Trai chết". Trai cũng nhân cơ hội đó mà phản ứng rằng : "Hôm nay không rút được mỏ, ngày mai cũng không rút được mỏ. Anh cũng sẽ biến thành con Cò chết". Hai bên không chịu rút lui, ai cũng không chịu nhường ai một bước.

Khéo thay, có một ông lão đánh cá từ bên sông đi lên đã cùng tóm được cả hai đứa ấy.

Sau khi kể xong câu chuyện ấy, Tô Đại nói với vua Triệu rằng : "Nay nước Triệu muốn đánh nước Yên, Yên với Triệu cũng giống như Trai với Cò cùng giằng co kéo dài mãi. Tôi lo rằng nước Thái hung hãn sẽ nhân cơ hội đóng vai ngư ông, xin đại vương suy nghĩ kỹ mà làm theo điều phải".

Triệu Vương cũng hoang mang, nói rằng : "Người nói rất phải !", rồi lập tức đình chỉ việc chinh phạt nước Yên.

Sau này mọi người thường dùng câu "Trai Cò tranh nhau, ngư ông được lợi" để ví hai bên cứ giằng co không thôi thì người thứ ba bởi thế mà được lợi.

Thương gia vẫn trọng mối lợi, điều này chẳng cần phải nói, mà cầu may để được lợi là mong muốn nổi trội, thế rồi "Ngư ông được lợi" đã trở thành điềm tốt lành của họ.

*

*

*



CHỈ NHẬT CAO THĂNG (Chỉ mặt trời lên cao)

Thời xưa ở công đường phía sau nơi đại quan ngồi thường có một bức họa, song nội dung bức họa cũng không giống nhau: Có bức bên phải tranh vẽ một con quái vật "tứ bất tượng", đầu như rồng, thân như kỳ lân, móng như trâu, đuôi như lửa. Quái vật đó chân đạp lên sừng tê giác thuộc một trong đám bảo bối, phía bên trái có một vầng mặt trời đỏ rực, đấy gọi là bức vẽ "Tham Thát thốn Nhật"; lại có bức vẽ phía bên phải là một viên quan đội mũ sa, cầm hốt ngọc, một tay chỉ vào mặt trời ở phía trái, đấy gọi là bức vẽ "chỉ nhật cao thăng"; cũng có bức vẽ mà trên đó có vẽ một vầng mặt trời đỏ từ biển lớn sóng xô, từ từ nhô lên cao, đấy gọi là bức vẽ "bức nhật cao thăng". Vì sao phải treo những bức vẽ này nhỉ ? Câu chuyện đầu đuôi xin được kể như sau :

Đầu tiên là chuyện Tham thát thốn Nhật.

Nghe nói con quái vật tứ bất tượng gọi là Thát, là một trong chín con của rồng. Con vật đó vốn tính

tham lam, vô luận đồ bảo bối gì mà nó nhìn thấy đâu là có chủ hay là vô chủ, nó đều tìm thiên phương bách kế nắm được trong tay, chân nó đạp lên "tê giác phân thủy", "vạn bảo toàn thư", "nguyệt nương bảo châu" và "đồng tâm phương thắng", những báu vật này đều tự do nó đoạt được bằng bất kể thủ đoạn gì.

Hôm đó con Thát đang bày chơi những bảo bối ấy trên bãi biển, ngẩng đầu thấy mặt trời ở trên cao, chợt nảy ra ý nghĩ kỳ lạ. Phải nói rằng khắp trong trời đất, bảo bối lớn nhất vẫn là vầng mặt trời chiếu tỏa vạn vật. Nếu như ta có thể nuốt mặt trời vào bụng, muốn trời sáng thì mở miệng ra, muốn trời tối thì ngậm miệng lại, như vậy hứng thú biết bao.

Thát rất muốn nuốt được mặt trời, song hiện tại đang thích ngắm nghía các bảo bối, dự định việc này để ngày mai sẽ làm.

Sáng sớm ngày thứ hai, một vầng mặt trời đỏ từ phương đông dần dần nhô lên, giống như một quả cầu lửa rất lớn, chiếu sáng khắp biển lớn. Những lớp sóng xa trông như vẩy cá sáng rực. Thát vừa nhìn thấy bỗng vui vẻ hẳn lên : muốn nuốt mặt trời ở trên không thì tốn nhiều sức lực, còn muốn nuốt mặt trời ở trong nước thì dễ dàng hơn. Tâm niệm như thế, đến như "tê giác phân thủy" cũng quên mang theo, không kịp chờ đợi nữa, bèn nhảy ngay xuống biển lớn, kết quả là mau chóng bị chìm chết. Còn lưu lại

bên bờ biển, những bão bối mà nó phải cố hết sức thoát lấy, tất cả đều về tay tám anh em của nó.

Sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Quốc, ủy nhiệm cho trăm quan đứng đầu các quận huyện trong thiên hạ, lại đặc biệt lệnh cho ở mỗi nơi quan lại ngồi trong công đường đều vẽ một bức họa "Tham Thát thốn Nhật" hàm ý răn tất cả phải làm quan cho thanh liêm, lấy chuyện con Thát làm răn, vứt bỏ lòng tham không đáy, bởi nếu thế ắt sẽ diệt vong.

Sau khi Tần Thủy Hoàng mất, con trai của ông là Hồ Hợi lên kế vị, đại quyền ở triều đình đều hoàn toàn rơi vào tay gian thần Triệu Cao. Triệu Cao tính tham lam còn quá con Thát, sách nhiễu hối lộ, chẳng có việc gì không làm. Mỗi ngày ở công đường vợ vét tiền của, nhìn bức vẽ Tham Thát thốn Nhật "kia, có khác gì cái gai đâm vào mắt ? Chàng rể của ông ta khôn khéo bèn bảo người bỏ bức vẽ con Thát kia đi, lại cho vẽ một viên quan chỉ mặt trời, đề là "chỉ nhật cao thẳng"; chữ cao ở đây còn có ý chỉ địa vị của bố vợ anh ta. Triệu Cao ở ngôi vị tể tướng còn muốn chỉ mặt trời lên cao, đấy chẳng phải là muốn thoán đoạt ngôi vị hoàng đế ư ? Người kế thừa Hồ Hợi là Tử Anh thấy bức vẽ này, nhìn thấy được dã tâm của Triệu Cao, đã bày kế trừ bỏ được ông ta.

Còn có một thuyết khác, nói rằng bức vẽ "chỉ nhật cao thẳng" vốn bắt đầu từ thời Đông Hán, viên

quan trên bức tranh chính là "Tứ phúc thiên quan".
Chuyện kể rằng :

Năm Kiến Vũ thứ hai đời Quang Vũ đế nhà Đông Hán, thái thú Thanh Hà là Tiên Vu Ký bởi nha môn lâu năm không tu sửa, nhà cửa đã thành ra nguy hiểm, bèn cho thợ làm dinh thự lớn. Đến khi nha môn mới vui vẻ khánh thành, thì Tiên Vu Ký đã mất, viên quan đến kế nhiệm chức Thái thú Thanh Hà cũng gọi là Triệu Cao. Công Tào Hoàng Bình và Lưu Thích phụ trách công trình này bèn nghĩ nhân cơ hội này mà nước đục mò cá, đổi phí dụng công trình là hai vạn đồng khai man ra là bốn vạn đồng. Triệu Cao mơ hồ cứ chiếu theo kết toán này mà phê chuẩn theo.

Tiên Vu Ký đã xuống tuyên đài biết rõ đầu đuôi thì rất giận dữ, âm hồn của ông ta giữa thanh thiên bạch nhật tiến vào nha môn mới, tóm lấy hai gã Hoàng, Lưu lôi đến trước mặt Triệu Cao đối chứng tại chỗ. Triệu Cao nghi ngờ nói rằng : "Ta làm sao tin vào lời quỷ được".

Tiên Vu Kỳ nói : "Vậy thì, tôi viết tấu chương, phiên ngài thay tôi trình lên đấng thiên tử".

Quang Vũ đế thấy Triệu Cao thay mặt Tiên Vu Ký trình lên bản sớ tấu, lập tức hạ lệnh triệt để thanh tra, kết quả chứng thực lời quỷ không sai. Thế rồi xử chém Hoàng, Lưu lại chu cấp cho gia quyến của

Tiên Vu Ký. Đến như Triệu Cao, tuy Tiên Vu Ký trong biểu tấu có trách là không biết giữ tiết chế, thấy việc không rõ ràng, mị người cầu vinh hiển, làm nhục cả đại quan, song cuối cùng có công thay mặt người khuất mà dâng tấu biểu nên chẳng bị phân xử nữa. Ông ta cũng hấp thụ được giáo huấn, cho người vẽ ở nha môn mới bức vẽ "Thiên quan chỉ nhật", hàm ý mặt trời chiếu tỏa, quỉ thần cùng soi, người làm việc công không được mang một chút tâm địa xấu nào. Song người đời sau bởi thảo luận điều hay lẽ phải, giải là "thiên quan tạo phúc, giữ gìn ngôi cao", so chữ cao với họ Cao, có hàm ý sóng đôi về ngữ nghĩa.

Sau này, người làm quan giữ thanh liêm thường tự răn mình, cho nên người ta thường chúc tụng người làm quan là "Húc nhật cao thẳng" thay cho câu "Chỉ nhật cao thẳng" trước đó (Húc nhật nghĩa là mặt trời mới mọc vậy).

*

* *



DAO TRÌ TẬP KHÁNH

(Xứ tiên Dao Trì mơ ước)

Hán Vũ đế Lưu Triệt là đức vua ở ngôi dài nhất thời Tây Hán. Hoàng đế ở ngôi đã lâu, ông lại muốn làm thần tiên, thường cho thầy pháp và quân lính đến Tam Sơn Ngũ Nhạc cầu đảo, còn phái người đi khắp mọi nơi tìm cầu thuốc trường sinh bất tử, cứ theo cuốn "Hán Vũ đế truyện" của Ban Cố viết, sự cầu đảo liên miên của Lưu Triệt, cuối cùng đã cảm động được Tây Vương Mẫu cai quản các nữ tiên, đặc biệt vào đêm lễ Thất Tịch năm Nguyên Niên thứ nhất (là năm 110 trước Công Nguyên), cửoi một vầng mây tím đến điện Thừa Hoa, cung Vị Hương ở Tràng An để gặp nhà vua. Trong lúc yến tiệc vui vẻ, Tây Vương Mẫu có đưa cho Hán Vũ đế ăn bốn quả đào tiên hình tròn sắc xanh to như trứng vịt.

Hán Vũ đế lúc ăn đào, thấy đào ngọt dướm, rất hợp khẩu vị. Lại muốn giữ hạt đào lại để tự mình ương ra cây đào. Tây Vương Mẫu bảo ông ta, cây đào tiên này 3000 năm mới kết quả, nhân gian đất xấu

có trồng cũng không được. Hán Vũ Đế nghe thế rất buồn bã.

Sau đó 24 năm, Hán Vũ Đế bảy mươi tuổi đã ngã bệnh mất ở cung Ngũ Tặc, cuối cùng chẳng thể đạt được giấc mộng trường sinh bất tử. Song cứ theo lời giải thích của các pháp sư, ông ta có thể hưởng được thất tuần đại thọ, là dựa vào công lực của bốn quả đào tiên kia.

Vốn Tây Vương Mẫu là người đàn bà ở ngôi vị cao trên thượng giới, ở tại núi Côn Lôn bên trái có ao Dao Trì, bên phải có Sông Thúi lượn quanh, phàm đàn bà thập phương tam giới đắc đạo thành tiên đều lệ thuộc ở bà. Khiến khách thập phương hâm mộ, nhất là bà trồng được 3600 gốc Bàn đào. Phía trước có 1200 gốc đào hoa nhỏ, quả bé, 3000 năm mới chín một lần, ăn song thân thể khỏe mạnh nhẹ như không, có thể hưởng tuổi thọ rất cao. Hán Vũ đế chắc là đã được ăn loại đào này. Ở giữa vườn có 1200 gốc đào hoa dày, vị ngọt, 6000 năm chín một lần, ăn song có thể bay lên mây, trường sinh bất lão. Như vậy gọi là đắc đạo. Phía sau cũng có 1200 gốc đào, vân tím hạt vàng, 9000 năm mới chín một lần, ăn song có thể thọ cùng trời đất, lâu dài với nhật nguyệt, mới kể được là thần tiên, cho nên mỗi lần sinh nhật Vương Mẫu, quần tiên đến chúc thọ tập hợp ở Dao Trì chính là bởi đang khi cùng vui mừng

với bà, có thể nhân cơ hội đó mà được hưởng một quả đào tiên, hoạt động chúc thọ này có thể coi là một lễ hội rất lớn ở tiên giới.

Người phàm trần không có duyên được dự lễ hội ấy, đành vẽ bức họa "Dao trì tập khánh" hay còn gọi là "Bàn đào đại hội" để ký thác ở đó khát vọng được mạnh khỏe và trường thọ.

*

* *



ĐÔNG PHƯƠNG SÓC THÂU ĐÀO

(Đông Phương Sóc trộm đào)

Đông Phương sóc là người thời Tây Hán làm thị vệ cho Hán Vũ đế ở trong hoàng cung. Ông ta giỏi nói năng, bác học đa tài, rất được sủng ái.

Song trong cuốn "Động minh ký" có chép, ông là Thái Bạch Tinh trên trời xuống trần. Tương truyền rằng người mẹ họ Điền là vợ của Trương Thiệu Bình, sau khi Trương Thiệu Bình mất, đã sang ở nhà vợ chồng con trai. Trong đêm nọ, Điền Thị chợt mộng thấy sao Thái Bạch sáng rực chiếu khắp thân thể mình, sau khi kinh hãi chợt tỉnh thì mang thai.

Điền Thị than thở rằng : "Chẳng có chồng, lại sinh con bé, người ta sẽ xem thường ta mất",

Bà chạy đến ở quận Đại (nay thuộc Hà Bắc), đến nơi gọi là làng Đông Phương thì ở lại đấy. Đến sớm ngày mồng một tháng Năm thì sinh được một đứa bé trai. Điền Thị lấy tên làng Đông Phương làm họ cho đứa bé, đặt tên là Sóc. Sóc là đại từ chỉ ngày thứ nhất.

Diễn Thị sau khi sinh hạ ba ngày thì mất, người con trai và con dâu bé Đông Phương Sóc về nhà nuôi dưỡng. Có một hôm, cậu bé chạy ra ngoài chơi, đến trưa thì về nhà đột nhiên thấy anh chị mình già đi rất nhiều. Đang lúc lạ lùng, người anh phen nản rằng : "Mày chạy những đâu, suốt năm không về, mà gọi mãi cũng không thưa, há chẳng để người ta phải chết ư ?".

Đông Phương Sóc lạ lùng nói : "Em sớm ra cửa, qua bãi Tử Nê, bị bắn quần áo phải đến Ngụ Uyên tắm, đến trưa thì về nhà, anh sao lại nói thời gian nửa ngày thành một năm không về nhỉ".

Anh chị nhìn cậu bé thần sắc tự nhiên, chẳng có vẻ nói dối, đều kinh ngạc không thôi, lại phỏng đoán em mình thân thể bất phàm, rất có thể là người kỳ lạ ít thấy ở đời.

Lại có một lần Đông Phương Sóc ra bờ sông Mông Hồng, đùa chơi, thấy có một người phụ nữ hái dâu bên sông, tiếp đến có một lão ông tóc vàng đi qua, chỉ người đàn bà hái dâu mà nói với Đông Phương Sóc : " Người đàn bà này quá khứ là vợ ta, đã tạo hình hài cho Sao Thái Bạch. Người là con của bà ta". Lại tự xưng mình vốn không ăn uống gì, chỉ cần nuốt không khí, hiện tại đã có hơn 9000 năm tuổi. Đông Phương Sóc nghe nói đến những đại danh kỳ dị, mà như phát điên cả người, ù cả đầu.

Đông Phương Sóc sau này khôn lớn, bởi học vấn uyên bác được Hán Vũ đế triệu vào cung cho làm quan thị thần bởi ông ta là sao sáng xuống trần, cho nên đối với những việc phát sinh trong quá khứ, thấy đều thấu hiểu, nên hỏi đến thì đáp trôi chảy, song truy nguyên lục vấn duyên cớ làm sao, đến ông ta cũng không nói rõ được.

Hán Vũ đế là hoàng đế rất tin vào thần tiên lễ Thất Tịch năm nọ, truyền thuyết cho rằng Tây Vương Mẫu cai quản nữ tiên đột nhiên ngự giá đến hoàng cung Trùng An cùng Hán Vũ đế bàn luận việc thần tiên, còn đưa mấy trái đào tiên cho đức vua ăn thử. Lúc đó Đông Phương Sóc đang đứng ở dưới cửa sổ nội cung, nhìn trộm vào bên trong, bị Tây Vương Mẫu phát hiện ra. Tây Vương Mẫu cười mà nói với Vũ đế : "Ta Trồng đào tiên ở vườn đào Dao Trì 3000 năm mới một lần kết quả. Thế mà có gã vô lại đang đứng ở ngoài song kia, đã ăn trộm đào tiên của ta ba lần đấy !"

Hán Vũ đế nghe được, đã nói ra lời đầu để thu lại đầu mối; vốn là Đông Phương Sóc ít ra cũng có 9000 năm tuổi, trách chi ông ta đối với những việc phát sinh trong lịch sử đều rất nắm vững, như người trong cuộc vậy.

Câu chuyện hoang đường này, tự nhiên đều là do các thuật sĩ bày đặt ra. Song chủ nhân của câu chuyện là Đông Phương Sóc lại bởi thế mà trở thành

một hình tượng trường thọ, bức vẽ ông ta ăn trộm đào tiên, đã thể hiện ra những lời chúc mừng hưởng thụ được nhiều tuổi thọ. Ngoài ra ở dân gian còn có bức vẽ "giặt áo ở Ngu Uyên" thuật lại câu chuyện giặt áo của Đông Phương Sóc, cũng thể hiện ra tâm trạng mong muốn được đến cõi tiên.

*

* *



PHƯỢNG CẦU HOÀNG

(Chim Phượng tìm chim Hoàng)

Thời Tây Hán, ở vùng Lâm Cung, quận Thục (nay là Tứ Xuyên) có một nhà đại phú hào là Trác Vương Tôn có một người con gái quý như hạt minh châu gọi là Trác Văn Quân, diện mạo như hoa, rất thích âm nhạc. Trác Vương Tôn không thể không cho con gái xuất giá, bèn cho kén rể. Nào ngờ chàng rể sau đám cưới không lâu lại từ trần, nàng Trác Văn Quân xinh đẹp năm nào trở thành quả phụ giữa độ thanh xuân.

Không lâu nhà thơ nổi tiếng thời ấy là Tư Mã Tương Như từ Thành Đô đến thăm người bạn của ông ta là quan lệnh Vương Cát. Vương Cát biết anh ta gia cảnh bần hàn, chẳng thể tự lập, mới phải đến đây nương nhờ, bèn bày kế lâu dài cho anh ta. Đợi Tương Như đã đến Lâm Cung, Vương Cát xếp đặt anh ta nghỉ lại ở chiêu đãi sở, sau đó bảo anh ta: Vùng này có một đại phú hào là Trác Vương Tôn, người con gái là Văn Quân dung mạo đoan chính, lại

vừa mới góa bụa, nếu như anh có thể lấy cô ta làm vợ, có thể được phân hồi môn kha khá, thật là được cả người lẫn của, sau này chẳng phải lo đến sự ăn mặc nữa.

Tư Mã Tương Như nghe nói, trong bụng rất mừng, vội hỏi lại : "Tôi là kẻ thư sinh nghèo hèn, Trác Vương Tôn sao chịu đem người con gái quý báu gả cho tôi ? Lại nghe nói Văn Quân mới ở góa, sống mãi trong khuê các sâu thẳm, tôi chẳng có duyên cơ gì gặp gỡ được, vậy làm sao kết thân với nhà này được ?".

Vương Cát cười mà rằng : "Chẳng ngại gì, chẳng ngại gì ! Tôi biết anh giỏi đánh đàn, lại nghe nói Văn Quân thích âm nhạc. Việc lương duyên cũng từ đó mà ra cả". Thế rồi, luôn vắng ở bên tai Tương Như, là những lời chỉ bảo ấy.

Sau đó Vương Cát hằng ngày đều đến chiêu đãi sở hội kiến với Tư Mã Tương Như. Lúc đầu Tư Mã Tương Như còn ra nghênh tiếp, sau đó thì lấy cớ ngã bệnh không ra đón; ông ta càng hóm hỉnh vẽ chuyện, thì thái độ của Vương Cát lại càng kính kính, cẩn cẩn, trong thành Lâm Cung truyền đi những lời đồn đại về chuyện ấy. Trác Vương Tôn vốn là người buôn bán, xưa nay không làm thơ phú, cũng không biết vì sao Tư Mã Tương Như bày đặt ra như thế, nghe nói có việc như vậy mới xảy ra thì cùng với một vị phú hào trong vùng là Trình Trình cũng trao đổi rằng:

Rõ ràng là đến như quan phụ mẫu cũng kính trọng ông ta như khách quý, chúng ta cũng mời ông ta một lần xem sao. Đây có thể là cơ hội tốt để kết thân được với quan lớn địa phương, nên Trình Trĩ không ngớt lời phụ họa theo. Tửu yến thì đặt ở nhà họ Trác, lại còn mời cả quan lệnh Vương Cát cùng đi với khách quý. Lời mời được gửi đến chiêu đãi sở, Tư Mã Tương Như mượn cớ đang nằm dưỡng bệnh từ chối. Lại phải nhờ Vương Cát đến lôi kéo ông ta. Những chuyện bày vẽ này, Trác Văn Quân lại chẳng hay biết ư ? Nàng bèn chạy đến ngoài cửa sổ nhà khách, nhòm khe cửa nhìn vào bên trong, thấy người cha của mình đang mời khách quý, lại thấy Tương Như dung mạo tuấn tú, nói năng phong nhã, không thể không thầm khen ngợi.

Vương Cát vẫn một lòng nghĩ đến gây chuyện tốt lành, sớm đã thấy Trác Văn Quân đang nhìn lên qua khe cửa, bèn vờ như tâm thần đang hưng phấn bởi rượu ngọt, lệnh cho người ta kiếm cây đàn, đốt trầm hương, lại vờ như muốn tấu lên một bản nhạc. Sau đó, lại nói với Tư Mã Tương Như rằng : "Sớm nghe nói tiên sinh khéo đánh đàn, ngài hãy đàn một bản nhạc để thêm hứng thú đi !"

Tương Như giả vờ từ chối, mà Vương Cát thì cố tình, Trác Vương Tôn và Trình Trĩ hai người cũng cùng nói vào, mới tháo gỡ được việc khó này. Cuối cùng thì đàn cũng được mang đến phòng khách.

Khúc đàn Phượng cầu hoàng do Tư Mã Tương Như soạn thảo, từ cây đàn "Ngô đồng" từ từ lan ra, lúc đầu như hoa rơi lất phất, nước chảy lơ thơ, rồi như trăng thanh gió mát, chim phượng tìm chim hoàng, dần dần mà bày tỏ những lời riêng với người con gái nào đó. Đợi đến khi nàng Trác Văn Quân ngoài cửa như đã cảm tình, khúc đàn cũng chuyển vào giai đoạn nồng nàn, cuối cùng hòa với tiếng hát cất lên thành thót :

*Có một người mỹ nữ, đã thấy thì không quên.
Một ngày không thấy mặt, nhớ nhung như hóa điên.
Chim phượng bay mỗi cánh, bốn biển vẫn triển miên.
Bên trong tường đông ấy, vẫn chẳng thấy giai nhân.
Tiếng đàn thay lời nói, muốn cạn hết nỗi niềm. Sao
mãi không thấy mặt, an ủi nỗi bàng hoàng. Ước gì
được kề cận, dắt tay chung một đường. Đợi mãi mà
chẳng thấy, khiến cho ta mỗi mòn.*

Trác Vương Tôn với khách khứa đầy nhà chỉ nghe thấy "í a" trong câu hát, họ còn đang ăn uống và viết lách như ngây như dại, đâu biết rằng tấm lòng thơm thảo của cô gái kia đã bị tiếng "í a" ấy cướp đi. Đêm hôm ấy, Trác Văn Quân đã một mình chạy đến chiêu đãi sở sống chung với Tương Như, chờ đợi ngày trở về Thành Đô.

Trác Vương Tôn được biết con gái đã trốn theo Tư Mã Tương Như, giận dữ không thôi, tuyên bố : "Ta tuy

chẳng nhân tâm giết nó đi, song quyết chẳng cho nó một đồng tiền hồi môn nào !".

Đâu biết rằng con gái và chàng rể vẫn ở lâm cung, mở một tiệm rượu nhỏ kiếm sống. Văn Quân thì đứng bán rượu, Tương Như thì mặc tạp dề làm một túm bảo đang giặt giũ, cọ rửa đủ việc, chính là chẳng cần đến sự giúp đỡ của Trác Vương Tôn; những tin tức mới mẻ này truyền khắp thành Lâm cung.

Ông già họ Trác thấy chẳng còn mặt mũi nào, đóng cửa không ra ngoài. Anh em họ mạc đều khuyên ông ta : "Ông đã có một trai hai gái, lại chẳng phải thiếu tiền tài. Tương Như tuy nghèo, song lại là người tài, lại là chỗ bạn thân với quan lệnh ở Lâm Cung, ông sao lại bức bách họ đến nỗi khốn khổ như vậy nhỉ ?".

Trác Vương tôn nghĩ đi nghĩ lại, bất đắc dĩ bèn cho Văn quân 100 người giúp việc và 100 vạn đồng làm của hồi môn, lại làm như nghi thức kết hôn lần thứ nhất, thế rồi Tương Như và Văn Quân cùng trở về Thành Đô.

Nhân dân lấy câu chuyện có thực này, vẽ thành bức họa "Phượng cầu Hoàng", "Văn Quân bán rượu" để biểu thị sự ca ngợi lương duyên mỹ mãn ở đời.

*

* *



ĐỒNG VĨNH NGỘ TIÊN (Đồng Vĩnh gặp tiên)

Thời nhà Hán dưới núi Lạng Sơn có một người bạn nhỏ gọi là Đồng Vĩnh, chăm chỉ làm lụng, một mình cây bừa nuôi dưỡng song thân. Năm đó, dịch bệnh tràn lan, cha mẹ của Đồng Vĩnh đều không may mắc bệnh, rồi cùng qua đời. Đồng Vĩnh không có tiền mai táng đành phải tự bán mình làm nông nô cho điền chủ để đổi lấy 80 quan tiền an táng cho bố mẹ được mồ yên mả đẹp.

Làm xong việc tang, Đồng Vĩnh đến nhà điền chủ làm lao dịch, mang nỗi đau mất song thân, lại nghĩ đến tình cảnh phải bán mình làm nông nô, chẳng thể không bật lên tiếng khóc nức nở ở nơi đồng vắng.

Tiếng khóc của Đồng Vĩnh làm kinh động cả tiểu nữ của Ngọc Hoàng đang đùa bỡn ở ao A Nhục, vội biến thành cô gái quê đến hỏi anh ta duyên cớ làm sao; sau khi biết được Đồng Vĩnh phải bán mình để lo mai táng cho song thân, tiên nữ rất cảm động

trước một việc hiếu thảo, bèn theo anh ta làm vợ, giúp đỡ vào công việc chuộc thân cho anh ta.

Từ đó Đồng Vĩnh làm việc cho điền chủ, còn tiên nữ ở nhà dệt gấm. Gấm của cô ta dệt ra thực mềm mại, mát cả tay, họa tiết rất tươi sáng, mang đến chợ bán được tiền nhiều, lại được hoan nghênh rộng rãi. Ngoài việc ngày đêm dệt gấm, tiên nữ còn giúp Đồng Hòa nấu cơm nấu canh, may áo quần, vợ chồng hai người cùng quan tâm đến nhau, yêu thương rất mực, không thể tả xiết.

Ba năm sau, tiên nữ đổ mồ hôi vất vả chuộc được tự do cho chồng, chuẩn bị cùng về núi Lang Sơn. Đúng lúc ấy, Ngọc Hoàng phát hiện việc con gái vụng trộm lấy một người phạm trần, nổi trận lôi đình lập tức phái lôi thần báo tin cho nàng. Phải ngay tức thì trở về thiên đình, nếu không sẽ bắt tội cả Đồng Vĩnh nữa !

Tiên nữ không biết làm sao, chỉ ứa nước mắt kể rõ lai lịch của mình với người chồng, sáng hôm sau, ở chỗ mà ba năm trước Đồng Vĩnh gặp tiên, vợ chồng cùng rơi lệ tiễn biệt. Tiên nữ trước lúc đi, có dặn sau này sẽ có lúc gặp lại nhau ở đấy.

Từ đấy về sau, Đồng Vĩnh thường đến chỗ ấy, khoanh tay ngẩng nhìn lên trời xanh, mong ngóng tiên nữ sẽ đặng vân giá vũ trở lại trần gian với mình.

Kết cục câu chuyện Đồng Vĩnh gặp tiên mang tính bi kịch. Song tình tiết tiên nữ xuống trần, làm người vợ hiền thảo, lại khiến người ta ham thích. Thế rồi bức vẽ Đồng Vĩnh gặp tiên ra đời, biểu thị sự tán tụng hôn nhân tốt lành, cầu được ước thấy.

*

*

*



THIÊN SƯ KHU ĐỘC

(Thiên Sư trừ tà giải độc)

Trong hệ thống các thần của Đạo Giáo, địa vị của Trương Thiên Sư không lớn, như ở Tây du ký gọi ông ta chỉ là một trong bốn vị thiên thần hộ vệ cho Ngọc hoàng đại đế ở điện Linh Tiên, chức vụ này cũng như là vệ sĩ ở nhân gian mà thôi.

Song ở tín ngưỡng dân gian ngày xưa, ông ta lại rất được tôn sùng. Nguyên nhân là, ngoài việc các con cháu những nhà thế tộc tôn sùng Thiên Sư làm thầy, bức vẽ Thiên Sư chém yêu ma cũng được lưu truyền rất phổ biến ở khắp nơi trong cả nước.

Tương truyền Thiên Sư vốn tên là Đạo Lăng, tên chữ là Phụ Hán, cũng là cháu đích tôn đời thứ tám của Trương Lương, một công thần khai quốc nhà Hán, ở vào năm Kiến Vũ thứ 10 đời Quang Vũ đế nhà Đông Hán (năm 34 sau Công Nguyên), ông ta được sinh ra ở núi Thiên Mục. Khi bảy tuổi đã thông thuộc "Đạo đức kinh", phàm những sách thiên văn

địa lý, kinh Dịch, đều rất uyên thâm. Bởi triều đình mấy lần mời ông ta ra làm quan, nên phải vào Tứ Xuyên luyện thuốc, học đạo, ẩn dật ở Hạc Minh Sơn. Thuốc luyện xong uống vào, thì khỏe như ngựa hay. Lại đến Bắc Tung, được chân nhân chỉ dẫn, tìm được những cuốn sách quý trong một ngôi nhà đá như "Tam hoàng nội văn", "Hoàng Đế cửu đỉnh", rồi cứ theo phép đó mà tu luyện, cuối cùng bay được, hóa thành tiên. Trương Đạo Lăng sau khi thành tiên, lại chẳng thể rời xa nhân thế, vẫn ở Hạc Minh Sơn như cũ, thường triệu vời thân binh diệt trừ Bạch Hổ ở Phòng Lăng, độc xà ở Tử Châu. Sau đó có Bát bộ quỷ soái, lục đại ma đầu cầm đầu các binh ma, cùng với số lượng muôn vạn, quấy rối khắp nhân gian, truyền bá những tai họa như tạp bệnh, ôn dịch, tả li, đau tấy, sốt rét, đỏ mắt, v.v..., giết hại nhiều dân lành, những kẻ chết oan không kể xiết. Thái Thượng Lão Quân bèn ngự giá đến Hạc Minh Sơn, trao cho Trương Đạo Lăng một cái sọt bắt yêu, ấn tín đô công, thanh kiếm thư hùng, lệnh cho tập hợp các chư thần, cùng quét sạch những yêu ma quỷ quái ấy.

Lúc đấy, Trương Đạo Lăng có công lớn được thăng thiên tôn phong làm Thái Huyền pháp sư, lệnh cho ông ta phải trở lại nhân gian. Vị Thiên Sư này chấp hành lời khuyến cáo về phương thức giặc ngộ trước đó, lại theo yêu cầu của nhân gian đã lập được nhiều

công đức, trừ yêu ma, đuổi độc hại; Trương Thiên Sư cầu đảo trừ ôn dịch được chép trong chuyện Thủy Hử, chính là lấy từ truyền thuyết này.

Dẫu sau, đã gọi là Thiên Sư, thì chẳng thể như người phàm tục mà có thể mời thần ngự giá được, thế rồi xuất hiện bức tranh "Thiên sư bắt tà" để thay Thiên sư ra oai với tà ma quỷ quái.

*

* . *



TÊ MAI CHÚC THỌ.

(Vườn mai đất Tê trường thọ)

Lương Hồng là một học giả thời Đông Hán, Tên chữ là Bá Loan, nhà ở Đình Lăng (nay là Hàm Dương) cũng bởi bản hàn mà không mất khí tiết nên nổi danh trong làng. Nhiều nhà hâm mộ danh tiếng muốn gả con gái cho làm vợ, song anh ta đều khéo léo từ chối cả.

Nhà họ Mãnh ở huyện ấy có một cô con gái, đã mập lại xấu, da đen như hun, khí lực mạnh mẽ có thể cử được cối đá. Người mối lái đã nói giúp nhiều đám hỏi đều bị cô ta từ chối, đợi đến năm 30 tuổi, vẫn chịu cảnh phòng không. Cha mẹ hỏi duyên cô, cô ta nói : "Muốn con xuất giá thì phải tìm được một hiền nhân như Lương Bá Loan". Có người nói đến tai Lương Hồng, chàng Lương vội phái người đến nhà họ Mãnh cầu thân, thế rồi dẫn đến việc cưới hỏi đàng hoàng sau đó.

Hôm xuất giá, cô nương họ Mãnh bôi phấn sáp, mặc áo lụa đẹp, rất để ý đến trang sức. Nào ngờ sau

đó chàng rể bấy ngày không ngó ngang gì đến nữa. Cô dâu hỏi duyên có làm sao, Lương Hồng mới ngẩng mặt lên nói rằng : "Ta muốn lấy một người vợ ưa mặc quần áo vải nâu sồng, đi dép cỏ, nguyện cùng với ta vào ẩn cư trong núi sâu, đâu ngờ nàng lại là người như vậy".

Cô dâu cười : "Thiếp cũng chỉ mượn việc ấy để thử xem chí hướng của chàng đấy thôi !"

Nói xong, lập tức cởi bỏ xiêm áo, mặc quần vải, rửa sạch phấn sáp, xắn tay áo, bắt đầu làm mọi việc trong nhà. Lương Hồng cả mừng : "Đấy mới thực là người vợ của Lương Hồng ! có thể cùng chung sống với ta vậy". Lại đặt tên cho nàng là Quang, tên chữ là Đức Diệu. Không lâu, hai vợ chồng cùng vào ẩn cư trong núi Bá Lăng, lấy cây bừa, dệt lụa làm nghề sống.

Đức vua nghe danh tiếng của Lương Hồng, phái người mời ông ta về triều làm quan. Lương Hồng không muốn thế, lại cùng nàng Mạnh Quang đến phương nam ẩn cư, lại mượn một gian nhà xép của người ta dựa vào đấy mà sống qua ngày bằng nghề giã gạo. Song rất khiến xóm giềng phải cảm phục là, cứ mỗi lần Lương Hồng giã gạo xong trở về nhà, Mạnh Quang đã làm xong cơm nước bưng đến bàn ăn (một loại mâm có chân), lại còn cung kính bưng ngang lòng mày, mời người chồng ăn cơm. Giai thoại truyền

lan ra, "nâng mâm ngang mày" trở thành một thành ngữ chỉ vợ chồng cùng kính trọng lẫn nhau rất mực. Sau này người ta lại căn cứ vào câu chuyện "bưng mâm ngang mày", vẽ thành một đôi chim quăn quýt cùng bay cùng đậu bên khóm hoa mai, hoặc cành trúc. Trong bức vẽ nhành mai chúc thọ, lấy chữ "mai" hài hòa với chữ "mi", lấy chữ "trúc" để hài hòa với lời "chúc", ngụ ý là vợ chồng cùng yêu thương kính trọng cho đến thừa bạch đầu giai lão, trăm năm vui vẻ vậy.

*

* *



QUAN THÁNH ĐẾ QUAN (Ông Thánh Quan Vũ)

Phong tục cũ lấy ngày 13 tháng Năm âm lịch làm ngày tế cúng Quan Vũ, phàm những nơi có miếu thờ Quan Đế, hội lễ theo lệ cử hành rất long trọng, như là dâng lễ cúng, diễn tuồng tích, đốt hương trầm, cùng các hình thức khấn vái khác. Đồng thời với việc ấy, nhiều nhà cũng treo tranh Quan Vũ, cúng bái rất cẩn thận. Truy tìm căn nguyên, nghe nói bắt đầu từ sự tích Quan Vũ một đạo "phó hội kỳ bàn".

Đầu mùa hạ năm Kiến An thứ 20 (là năm 215 sau Công Nguyên), Tôn Quyền được biết Lưu Bị đã chiếm được Ba Thục, lại nhận là Ích Châu mục, bèn phái Gia Cát Cẩn làm Sứ giả, đến gặp ông ta để đòi lại Kinh Châu. Lưu Bị bèn đáp ứng, trước đem giả ba quận Trường Sa, Linh Lăng, Quế Dương nhưng đương khi cầm tờ lệnh của Lưu Bị, đến Kinh Châu trao đổi thủ tục trao trả, Quan Vũ đang giữ Kinh Châu lại biến sắc mặt mà nói : "Tướng ở ngoài, lệnh vua có chỗ

không theo", rồi cự tuyệt không tuân lệnh, lại còn đẩy Gia Cát Cẩn ra khỏi công đường nữa.

Tôn Quyền cả giận, phái Lỗ Túc, người đã bảo lĩnh cho Lưu Bị mượn Kinh Châu, đến trách cứ Quan Vũ. Lỗ Túc bày yến tiệc ở ngoài trại Lục Khẩu gần bờ sông, phái người mời Quan Vũ đến dự yến tiệc, lại ngầm phục thích khách, dự định nếu như Quan Vũ không chịu trả Kinh Châu thì sẽ giết ngay giữa tiệc rượu. Quan Vũ sau khi tiếp được thiệp mời, dụng tâm phá âm mưu của đối phương, khảng khái nhận lời, đến lúc đó chỉ dẫn theo Chân Sương bưng một cây đại đao đi cùng một số người, vượt sông sang dự yến tiệc. Đợi đến khi Lỗ Túc trao đổi công việc giữa tiệc không thành, muốn phát ám hiệu để mưu sát Quan Vũ, ông ta vờ như say rượu, tay phải vung cây đại đao, tay trái túm lấy Lỗ Túc, bắt Lỗ Túc làm con tin, mở lối ra bờ sông, lên thuyền mà đi. Từ đó giai thoại "một đao phó hội", miêu tả sự can đảm của kẻ anh hùng, mãi còn lưu truyền nghìn năm.

Các vị phụ lão cũng nói rằng vào hôm Quan Vũ phó hội thị uy, chính là ngày 13 tháng Năm âm lịch. Sau khi Quan Vũ bị nạn hóa thành thần mỗi năm vào ngày ấy, đều phải rửa cây đại đao thanh long yểm nguyệt của ông, để làm lễ chém quỷ Bạt. Thật khéo phù hợp, hôm ấy lại khớp với ngày quỷ Bạt gây hấn hán tuần du, ách vận bám theo nó chính là cây đao thanh long kia vậy.

Dân gian có câu ngạn ngữ "đại hạn chẳng quá ngày 13 tháng 5", còn gọi mưa hôm ấy là mưa rửa đao của Quan Vũ.

Đương nhiên Quan Vũ trừ quỷ Bạt giải hạn, mài đao làm mưa, cũng thấy như có linh ứng, đây chính là duyên cớ khắp thiên hạ làm lễ tế Quan Vũ vào ngày 13 tháng 5. Đến như bức vẽ Quan Vũ treo ở trong nhà, lại càng như được hiển linh với những lễ cầu cúng, bao hàm ý nghĩa rộng lớn vì gia chủ mà trừ diệt tất cả tà ma, dẫn tốt lành đến nhà nhà.

*
* *



HẠNH LÂM XUÂN YẾN

(Én Xuân rừng mơ)

Thời đại Tam quốc ở đất Hâu Quan (nay thuộc Phúc Kiến) có một vị danh y họ Đồng tên Phụng, tên chữ Quân Di, có y thuật thực tài giỏi, chẳng kém với Hoa Đà phương bắc.

Có một lần thái thú Giao Chỉ của Đông Ngô là Sĩ Nhiếp bị bệnh ngỡ chết đã ba ngày, trong nhà đã chuẩn bị việc tang cho ông ta. Vừa gặp lúc Đồng Phụng đi ngang qua phủ thái thú bèn vội chạy đến, xem lại cho kỹ. Chỉ thấy ông ta, sau khi rõ Sĩ Nhiếp đang phải nằm ngay đơ trên giường, ông lấy ra một viên thuốc, hòa vào nước ấm, từ từ rót vào trong miệng bệnh nhân, đồng thời bê đầu người bệnh, lắc nhẹ nhẹ, để nước thuốc từ từ trôi xuống cổ. Qua một khoảng thời gian bằng một bữa cơm, mắt của người bệnh cũng mở ra, tay cử động được, sắc mặt từ tím tái trở thành hồng hào, lại qua nửa ngày cố gắng chữa chạy, cuối cùng người bệnh ngồi dậy được. Bốn ngày sau thì người bệnh lại đi đứng nói năng như

thường. Từ đó Đồng Phụng được truyền tụng là người tiên có thể cải tử hồi sinh cho người ta.

Đồng Phụng sau này đến định cư ở chân núi Lư Sơn, mỗi ngày chữa bệnh cho người ta đều không thu lệ phí khám bệnh, cũng không lấy tiền thuốc, chỉ cần người đã khỏi bệnh đến sườn núi sau nhà trồng mấy cây mơ. Người bệnh nặng thì trồng từ ba đến năm cây, người bị bệnh nhẹ thì trồng một cây cũng được.

Mấy năm sau, cây mơ được trồng khắp nơi, đông đúc thành rừng, đấy là di tích "rừng mơ Đồng Tiên", hiện còn thấy thắng cảnh này ở Lư Sơn mà danh từ "rừng mơ" cũng được chỉ đấy là "nhà thuốc". Mọi người ca tụng y thuật tài giỏi, y đức cao thượng, luôn luôn ưa dùng những câu rừng mơ xanh tốt, một vùng trồng mơ, đều là rút từ điển cổ này ra vậy.

Sự tích Đồng Phụng được Cát Hồng đời Tống viết trong cuốn "Thần tiên truyện". Nhà nào có bệnh nặng thường có tâm lý cầu tiên, tập tục này làm nảy sinh việc vẽ ra bức vẽ rừng mơ và Đồng Phụng, nhờ ông ta giải trừ tật bệnh cho mình.

Sau này ở trong rừng mơ lại vẽ thêm chim én, lấy én chỉ mùa xuân, hàm ý Đồng Tiên ra tay, diệu thủ hồi xuân, rất gợi xuân ý.

Khi bức vẽ được ổn định với hình tượng én bay ở rừng mơ, giới hạn nội hàm văn hóa cũng đột phá

khỏi vấn đề tìm thuốc chữa bệnh, mà còn có một công năng khác là cầu phúc trừ tai họa nữa.

Những bức họa loại này thường thấy ở những tranh giấy trổ mang tính điêu khắc, song hoa mơ đầy cành đại biểu cho rừng mơ, én thì bay thành đôi, nên bởi thế mà được gọi là "Hạnh Lâm Song Yến".





LAN QUẾ TÊ PHƯƠNG

(Lan Quế đều thơm)

Cao Mạc viết tiếp Hồng Lâu Mộng lấy Lan Quế cùng thơm, gia đạo hồi phục làm kết cục, tức là hai anh em Giả Lan, Giả Quế đều trúng tuyển, hy vọng cùng sửa sang lại Giả phủ. Ý tứ lan quế cùng thơm này, được đặt tên cho một bức vẽ cát tường vẫn lưu hành rộng rãi trong dân gian.

Lan tức là lan thảo, cổ nhân thường lấy nó và chỉ thảo gộp lại gọi là chỉ lan, để ví với người có tài học thành đạt. Theo sử liệu, danh tướng thời Đông Tấn là Tạ Huyền khi còn trẻ đã được xem là thông minh dĩnh ngộ, cùng với người anh là Tạ Lăng được người chú là Tạ An rất quý mến. Có một hôm Tạ An và các cháu cùng đàm luận, trước là căn dặn họ phải chăm chỉ học tập, tự mình tư dưỡng, sau lại đề nghị họ rằng : "Các cháu đều chưa thành nhân, học hành ra sao, cũng chưa nghĩ ảnh hưởng gì đến cha chú, vậy ta có thể mong gì ở các cháu nhỉ ?".

Các cháu đều đưa mắt nhìn nhau, lúc đó còn chưa biết trả lời thế nào. Tạ Huyền bảo rằng : "Đấy cũng ví như nói đến chi lan (mượn âm chỉ lan) và ngọc quế, là những cây cỏ tốt đẹp mà mọi người cũng đều mong được nhìn thấy, song ai cũng đều hy vọng thấy nó ở trong sân nhà mình vậy !"

Người sau đã lấy chi lan, ngọc quế để ví với những con em có hy vọng, làm rạng nghiệp nhà.

Nói đến quế là nói đến hoa quế. Theo sử liệu thì vào thời Tây Tấn, Tấn Vũ đế yêu cầu trăm quan phải tiến cử kẻ sĩ hiền lương ưa nói thẳng. Thái thú Tế Âm là Văn Lập tiến cử một người trong vùng là Khuốc Tiễn để dự tuyển.

Phương thức thi tuyển là hoàng đế đề ra vấn đề trong chiếu thư, người dự tuyển viết đối sách giải đáp. Đối sách của Khuốc Tiễn đưa ra, rất được Vũ đế tán thưởng, xếp vào bậc nhất, rồi trao cho quan chức, sau này Khuốc Tiễn được bổ nhiệm Thứ sử Ung Châu, Vũ đế thân hành tiễn chân anh ta, có hỏi rằng : "Khanh thấy như thế nào về bản thân mình ? Nếu nói theo ngôn ngữ hiện nay thì cảm giác riêng của mình ra sao ? Khuốc Tiễn trả lời ngay rằng : "Đối sách cử hiền tài của thần, là phải đứng đầu thiên hạ, giống như một cành trong rừng quế, một viên ngọc ở núi Côn Sơn vậy".

Người sau lấy bề quế để nói đồ đạt khoa cử, mà

hoa quế cũng kiêm cả ý nghĩa tượng trưng tương tự.

Cổ nhân có sở trường dùng vật cụ thể để ví von bóng gió, vẫn dùng hoa quế và lan thảo để hợp thành bức vẽ cát tường, cũng muốn nói đến lời chúc mừng con em trong nhà đều được thành tài, bức vẽ còn được gọi là "Lan Quế đều thơm".

Hồng Lâu Mộng dùng Lan Quế để đặt tên cho con em của Giả phủ, lại sắp đặt họ được trúng tuyển, đấy là hình tượng hàm ý tượng trưng của bức họa này được diễn tả bằng lời.

Ngoài ra, trong dân gian còn có bức vẽ "Thiềm cung bẻ quế" lấy lời nói của Khước Tiễn làm ý tứ vẽ một đứa bé đùa chơi dưới gốc quế, có ý chúc tiền đồ con em sẽ như hoa gấm vậy.

*

* *



MA CÔ HIẾN THỌ (Ma Cô mừng thọ)

Ở phía tây huyện Nam Thành của vùng Giang Tây có một ngọn núi Ma Cô hình dáng kỳ lạ, cảnh sắc rất tươi đẹp, được gọi là Động nổi tiếng thứ 28 trong số 36 Động trong thiên hạ, là phúc địa thứ 10 trong số 72 vùng nổi tiếng. Sự nổi tiếng của ngọn núi này, là bởi nữ tiên Ma Cô theo phái Đạo Giáo từng tu luyện ở đây. Nhà văn nổi tiếng đời Đường là Nhan Châu Khanh khi làm quan ở đây, từng soạn ra bài viết ở tám bia "Ma Cô tiên đàn", hiện nay vẫn còn giữ được, trở thành một văn vật quý hiếm.

Thân thế của Ma Cô có nhiều truyền thuyết khác nhau. Có một truyền thuyết giàu ý tứ là :

Cách đây hơn 1600 năm về trước, ở phương bắc có một chính quyền gọi là Triệu quốc, lịch sử gọi là "Hậu Triệu". Hậu Triệu có một viên quan gọi là Ma Thu, Ma Cô là người con gái độc nhất của Ma Thu, Ma Cô lớn lên thì rất xinh đẹp, tâm tính hiền lành. Nhưng phụ thân của cô ta thì trái lại, tính tình tàn bạo,

hung ác có tiếng. Có một năm Ma Thu phụng mệnh hoàng đế nước Hậu Triệu, bắt dân phu xây đắp thành trì. Bởi muốn xây dựng khẩn trương để dâng công với hoàng đế, ông lệnh cho đốc công đôn đốc dân phu làm việc sớm tối, cho đến khi gà gáy canh một mới được nghỉ ngơi. Chẳng được mấy hôm, đã có không ít người phải bỏ mạng ở ngay công trình ấy.

Ma Cô nhìn thấy dân phu gặp hoạn nạn, rất thương họ, bèn khuyên phụ thân nên khoan dung một chút. Ma Thu chẳng nghe nửa lời, lại còn chửi mắng con gái một trận. Ma Cô thấy khuyên ngăn cũng chẳng được, bèn nghĩ ra một biện pháp giúp đỡ dân công. Lúc đó đốc công ở công trình thường dựa vào tiếng gà gáy sang canh mà cho nghỉ. Ma Cô thường ngày chạy đến làng Thảo Tùng ở gần công trình ấy, học tiếng gà gáy. Một tiếng gà gáy cất lên thì cả đàn gà đều gáy theo. Đốc công ngỡ trời sắp sáng, bèn y lệ cho mọi người nghỉ tay.

Trong một thời gian dài, đốc công mới phát hiện ra sự lạ, bèn lưu ý kiểm tra, rồi mau chóng tìm ra bí mật là Ma Cô đã bắt chước tiếng gà báo sáng. Con gái của quan trên làm loạn, đốc công không dám tự mình xử lý, vội báo cáo lên Ma Thu. Ma Thu cả giận, đứng lên vung kiếm, muốn chém chết con gái. Các dân phu biết Ma Cô vì giúp đỡ họ mới đắc tội với cha, liền vội kiếm một con ngựa để cô ta cưỡi lên nó mà chạy vào trong núi.

Ma Thu dẫn thuộc hạ tìm kiếm không ra con gái, cuối cùng hạ lệnh phóng hỏa đốt cả vùng rừng núi ấy; trong chớp mắt, lửa cháy lan ra khắp núi sáng rực, nhìn thấy thế hẳn là Ma Cô đã bị thiêu sống ở trong núi rồi.

Đang lúc tình thế nguy ngập trước mắt, Tây Vương Mẫu từ Dao Trì cưỡi xe mây đi qua vùng đó. Vừa thấy hạ giới khói lửa cuộn cuộn, lửa núi bùng bùng, lập tức giáng một trận mưa rào.

Sau khi Vương Mẫu hiểu được nhân quả của việc này, không ngớt khen ngợi Ma Cô có thiện căn, quyết định tại chỗ, thu làm đệ tử, muốn nàng đi tu đạo ở một ngọn núi phương nam. Ngọn núi này chính là ngọn núi Ma Cô ở phía tây huyện Nam Thành. Núi Ma Cô có mười ba con suối đẹp, nước trong, vị ngọt. Ma Cô vừa tu luyện vừa dùng nước suối nấu ra rượu Linh Chi.

Sau 13 năm, Ma Cô tu luyện thành được chân tiên, rượu Linh Chi cũng ủ xong. Có thiên Sứ đến truyền lệnh rằng : Vương Mẫu triệu Ma Cô về dự tiệc mừng thọ ở Dao Trì. Ma Cô bèn mang theo rượu quý để làm lễ vật mừng thọ Vương Mẫu. Khi tiệc rượu bắt đầu, mới thấy mầu rượu óng ánh, hơi rượu nồng đậm hương hoa, các thần tiên đến dự tiệc chúc thọ, đã không ngớt lời khen ngợi. Vương Mẫu rất vui mừng, lập tức phong Ma Cô làm Hư-tịch-chân-nhân. Cho

đến nay, Ma Cô tửu được nấu từ nước suối ở núi Ma Cô vẫn là đặc sản nổi tiếng khắp nước.

Cùng với Ma Cô tửu có ảnh hưởng rộng rãi, bức vẽ Ma Cô hiến thọ lấy đề tài Ma Cô dâng rượu, nói chung thường được dùng trong các lễ đại thọ.

Người đời cho rằng Ma Cô là chân tiên bất tử, ở đâu nhận được lời chúc thọ của Ma Cô, tự nhiên cũng có thể trường sinh bất lão, hơn nữa còn giống như Ma Cô xinh đẹp, sẽ mãi mãi là tuổi thanh xuân.

*

* *



LỰU KHAI BÁCH TỬ (Lựu nở trăm con)

Cách đây hơn 1400 năm về trước, phía bắc nước ta có một quốc gia có vương triều phong kiến gọi là Tê, thủ đô là Nghiệp Kinh (nay thuộc Hà Bắc), hoàng đế khai quốc tên là Cao Dương, lịch sử thường gọi là Tê Văn Tuyên đế.

Cao Dương có một người cháu là Cao Diên Tông, được phong là An Đức Vương. Tiểu Vương gia này, từ nhỏ đã được Cao Dương tự mình nuôi dưỡng, rất được sủng ái, năm 10 tuổi, vẫn cười lên bụng hoàng đế mà đái tè, mới qua tuổi 16, hoàng đế đã vội nghĩ đến lấy vợ cho anh ta, đối tượng là một cháu gái của hoàng hậu Lý Thị. Đầu tiên theo qui củ cũ, nhà trai đưa lễ vật đến nhà gái cầu thân. Tiếp đó chọn ngày lành tháng tốt dùng nghi thức kiệu hoa rước dâu. Hai lễ mừng Vương gia kết hôn và sắc phong Vương phi cùng tổ chức một lúc. Sáo thổi trống khua cực kỳ vui vẻ, khiến cho Nghiệp Kinh náo nhiệt suốt mấy ngày. Lúc đó phụ thân của Cao Diên Tông là Cao

Trùng đã mất mấy năm. Bởi thế sau lễ kết hôn không lâu, lấy chút danh gia trưởng đưa chàng rể "đi lại mặt" ở nhà cô dâu, cuối cùng đích thân nhà vua dẫn theo rất đông đại thân và thị vệ lên đường.

Tuyên đế tự mình đến nhà để dự lễ lại mặt, đối với phụ thân Lý Tổ Thu của Vương phi mà nói đương nhiên là một việc vô cùng vinh dự cho thể diện. Những việc lễ nghi đón tiếp long trọng, yến tiệc linh đình thôi thì khỏi phải nói. Song một việc lạ là : Sau khi được ba tuần rượu, mẫu thân của tân nương Lý Phi là Tống Thị tự mình đưa lại một mâm quả, cung cung kính kính quỳ dâng lên hoàng đế. Trong mâm quả có bảy hai trái thạch lựu lớn. Cùng lúc ấy đội nhạc đứng dưới thêm cử khúc Bát Âm, ca nữ trước thêm cao giọng hát mừng, thoát chốc huyền não cả. "Như vậy có nghĩa là gì nhỉ ?" Hoàng đế cầm lên một trái Thạch lựu ngắm kỹ, vẫn không rõ được việc dâng lựu là ý tứ gì. Lại quay sang hỏi các quan chức đứng hầu xung quanh, cũng không biết ra sao. Cao Dương chẳng thấy hứng thú bèn lệnh cho thị vệ cầm mâm quả đi. Đúng lúc ấy sư phụ của hoàng thái tử là Ngụy Thu cũng chạy đến nhà họ Lý để góp vui. Ngụy Thu là người học rộng tài nhiều, lại là một cao thủ về giải đố. Hoàng đế bèn hỏi ông ta duyên cớ mẹ Vương phi dâng quả thạch lựu có ý gì.

Ngụy Thu cười mà đáp rằng : "Thạch Lựu chỉ sự giàu có mà đông con, hơn nữa lại bao bọc ở trong

phòng. Điện hạ mới kết hôn, mẫu thân của Vương phi dâng thạch lựu, chính là mong mỗi con rể cũng giống như quả lựu này, lắm con cháu, cành vàng lá ngọc giầu có mãi.

Mọi người đều khen Ngụy Thu giải thích rất hay, cùng cất tiếng chúc mừng hoàng đế. Cao Dương cả mừng, lập tức bảo Ngụy Thu cất quả lựu đi, sau đó cùng mọi người nâng cốc uống cạn, không khí vui mừng dâng đến cao trào chưa từng thấy.

Sau này phong tục khi đính hôn hoặc rước dâu đem tặng quả lựu, thấy rất phổ biến trong dân gian, lại dễ tượng trưng cho lắm con lắm phúc nên đã được vẽ thành bức họa "lựu khai bách tử" để mong mỗi tốt lành. Bức vẽ này thường thấy ở hai loại hình. Một loại vẽ một cành lựu quả liền với lá, loại khác vẽ những đứa trẻ con đang đùa chơi dưới gốc lựu hoặc lấy hoa quả lựu làm trang sức xung quanh.

*

* *



SƯ CỐN TÚ CẦU

(Sư tử vờn quả Cầu)

Trung Quốc cổ đại phải chăng có Sư tử xuất hiện, giới học thuật vẫn còn đang tranh luận. Song trong phong tục tín ngưỡng của nhân gian nó là con thú tốt lành đã ổn định vững vàng. Bức vẽ "Sư tử hí cầu" lưu truyền rất rộng, đã là một hình tượng điển hình. Nghe nói nguồn gốc câu chuyện này, bắt đầu từ danh tướng Tôn Khắc đời Nam Bắc triều.

Trong cuốn "Tống thư" có chép, năm Nguyên Gia thứ 22 (tức là năm 445 sau Công nguyên), nhà Tống Nam Triều cùng với nước Lâm Ấp ở phía nam nổ ra một cuộc chiến tranh, thống soái quân Tống là Lưu Nghĩa Cung thấy Tôn Khắc có dũng mãnh và mưu lược, phái làm tướng tiên phong. Sau khi giao chiến, quả nhiên là đánh như gió lướt, sắc bén khó địch nổi, liên tiếp giành được hai tòa thành. Song sau đó nước Lâm Ấp đưa ra một đội quân voi lớn, xông xáo sa trường như vào chốn không người, quân Tống nói

chung chẳng thể ngăn cản được.

Tôn Khắc sau mấy lần vấp ngã, liền nghĩ ra được diệu kế. Ông triệu tập các tướng sĩ rồi bảo : "Ta nghe nói oai của Sư tử đủ trấn áp được trăm loại thú". Rồi mau chóng lệnh cho mọi người lấy gỗ đục đẽo, tạo ra đầu sư tử với mặt mũi khá giống, lại cho khoác áo vàng, sau đó cùng đối trận với đội quân voi. Đám voi thấy rất đông Sư tử xông ra, đều kinh hãi bỏ chạy tan tác cả. Tôn Khắc nhân cơ hội chỉ huy đội quân chém giết, giành được toàn thắng.

Sau này, sư tử trong mắt nhìn của mọi người, còn có tác dụng đuổi tà trấn quỉ, cuối cùng hóa thành sư tử đá trông nhà, giữ cửa.

Cũng lúc này, để tái hiện tình hình đội quân sư tử dũng mãnh phá quân voi, trong quân đội cũng sáng chế ra một loại múa sư tử do người đội lột làm sư tử, dần dần lưu truyền vào dân gian, lại còn tăng thêm những động tác liếm lông, gãi ngứa, lăn mình, biến hình tượng con mãnh thú hung ác trở thành khả ái. Thế rồi lại diễn ra thành tập tục sư tử đem đến điềm tốt lành nữa.

Để biểu thị sự cảm ơn sư tử, (thực tế là phần thưởng đối với người múa sư tử) mọi người còn phát minh ra việc treo phong bao lên cao, dưới hình thức quả cầu có đựng tiền thưởng, làm biện pháp hấp dẫn sư tử đoạt lấy quả cầu đó.

Đấy chính là lai lịch việc biểu diễn trò múa Sư tử vờn quả cầu lụa. Những người cả tin cho rằng, sư tử thuận lợi ngậm được phong bao là điềm tốt lành đến nhà, cho nên lại có câu rằng : "Sư tử vờn tú cầu, việc tốt thấy trước mắt".

Ngoài ra, bởi chữ "sư" liên với chữ "sự", nên ở bức vẽ "sự sự như ý" có một đôi sư tử cùng vờn múa; lại còn bức họa "Hảo sự bất đoạn" vẽ sư tử đeo dây thao đỏ, hoặc như bức vẽ "tử tự xương thịnh" hàm ý chúc con cái trưởng thành thì vẽ một đôi sư tử bố mẹ và một chú sư tử con ở bên cạnh góp vui nữa.





NGUYỆT HÀ LÃO NHÂN

(Ông tơ bà nguyệt)

Đầu thời nhà Đường ở Đỗ Lăng có một người tên gọi Vi Cố từ lúc nhỏ đã mồ côi bố mẹ, ông ta muốn lấy vợ sớm, song vẫn chưa tìm được đối tượng vừa ý.

Năm Trinh Quan thứ 2 (tức là năm 628 sau công nguyên), Vi Cố đến xứ Thanh Hà du ngoạn, khi đi qua Tống thành, có vào ngủ trọ ở một nơi gọi là Nam Điểm. Một vị khách cùng ở Nam Điểm biết anh ta muốn lấy vợ, muốn làm môi giới, bèn giới thiệu con gái của Tư Mã Phan làm quan ở Thanh Hà cho anh ta, ước hẹn sáng hôm sau sẽ gặp lại ở trước cửa Hưng Long tự ở phía tây Nam Điểm. Vi Cố bởi nóng vội, ngay đêm đó đến địa điểm ước hẹn. Đang khi mặt trăng đã chênh về Tây vẫn còn tỏa sáng, thấy có một lão ông khoác một túi vải, đang ngồi ở bậc thềm trước cửa Hưng Long tự, nhìn lướt qua một cuốn sách mở trước ánh trăng. Khi Vi Cố đến bên nhìn thử thì không nhận ra được chữ nào cả.

"Xin hỏi lão ông, người xem sách gì vậy ? " Vi Cố

cung kính xin thỉnh giáo. "Tôi là Vi Cố ở Đồ Lăng, từ nhỏ đã khổ học, chữ nghĩa không phải không đọc sách được, ngay cả chữ phạm của Ấn Độ, cũng biết không ít, duy có cuốn sách mà ông đang cầm thì chưa được thấy bao giờ !"

Lão ông dưới trăng cười mà nói rằng : "Đây chẳng phải là sách của nhân gian, đương nhiên anh làm sao thấy được !"

Vi Cố lấy làm lạ : "Chẳng phải là sách của nhân gian ư ? Vậy là ...".

Lão ông bảo với anh ta, đây là sách của cõi U minh, tự mình cũng là người cõi U minh, chuyên nắm sổ sách về hôn nhân của nam nữ ở dương thế.

Vi Cố nghe nói lão ông trông coi việc hôn nhân, thập phần hoan hỉ, vội kể hết việc mình đã nhiều năm phiên nã không tìm được đối tượng, lại hỏi về người con gái của Tư Mã Phan mà có người mới giới thiệu, chưa biết có thành được không ?

Lão ông dưới trăng (Nguyệt lão) cười mà nói rằng : "Không thành được, người vợ của anh, hiện nay mới lên ba tuổi, phải đợi đến năm mười bảy tuổi mới có thể vào cửa họ Vi, bấy giờ sẽ kết hôn với anh ".

Vi Cố nghe thế nửa tin, nửa ngờ, lại hỏi lão ông, trong cái túi vải kia có vật gì ? Lão ông nói : "Đấy là sợi chỉ đỏ (hay là xích thề), dùng để buộc chân vợ chồng, một khi thấy được nhân duyên của họ, thì

ngâm dùng chỉ đỏ để buộc họ với nhau. Chẳng ngại là oan khiên đôi đầu, quý tiện chênh lệch, xa cách chân trời góc bể, cự li nghìn dặm, chỉ cần buộc sợi chỉ đỏ, cuối cùng sẽ thành ra vợ chồng. Chân anh đã buộc vào một chân người khác, giờ có cầu mong gì cũng chẳng có tác dụng nữa !"

Vi Cố lại hỏi : "Vậy thì người sẽ thành vợ của tôi, hiện giờ đang ở đâu ? Nhà cô ta làm gì ?".

Lão ông nói : "chính là cô bé của bà già bán rau ở cạnh Nam Điểm".

Vi Cố càng lấy làm kỳ lạ, lại hỏi : "Có thể gặp cô gái được không ?" Lão ông bảo cứ đi sẽ thấy.

Khi trời hửng sáng, lão ông thu sách vở lại, đeo túi vải rồi đi, Vi Cố vội chạy theo sau, đến tận chỗ bán gạo thóc, rau củ. Chỉ thấy một bà già mù một mắt đang ôm một đứa bé gái, ngồi ở hàng rau, mặc quần áo rách nát, hình dáng rất xấu xa. Lão ông lấy tay chỉ vào đứa bé nói với Vi Cố rằng: "Đấy sẽ là vợ anh."

Lão ông nói dứt lời, thì trời cũng vừa sáng, Vi Cố đến Hưng Long tự cầu thân với con gái nhà Tư Mã, song chưa có kết quả gì. Sau này lại có không ít người mối lái cho anh ta, chẳng phải anh ta không xem trọng người ta, mà là người ta không xem trọng anh ta, việc hôn nhân cứ như thế nhùng nhằng mãi. Dầu sao, Vi Cố cũng không tin một cô gái bán rau sẽ thành vợ anh ta.

Mười bốn năm sau, Vi Cố nhờ được lộc của phụ thân đã làm quan, đến Tương Châu nhận chức tham quân (một chức trong trưởng phủ). Thứ sử Tương Châu và Vương Thái phái anh ta giúp việc ở dinh thự. Sau khi làm được một thời gian, thấy anh ta rất cố gắng bèn lộ ra ý tứ muốn gả con gái cho anh ta. Người con gái khuê các này chừng 17 tuổi, dung mạo diễm lệ, rất hợp với tâm ý của Vi Cố. Thế rồi việc lương duyên mỹ mãn được tác thành xong xuôi mau chóng.

"Chà, lời nói của vị lão ông dưới trăng kia, đâu có phải là bói toán nhỉ ?" Chàng rể mới Vi Cố, ngắm cô dâu có nhan sắc lại là con cái nhà sang không như cô gái mình vẫn nhớ hôm nào gặp ở gần Nam Điểm, đất Tống thành xưa xa.

Sau đám cưới hơn một năm, người vợ kể thân thế của mình với chồng. Nguyên nàng là cháu gái của Vương Thái, người cha khi trước làm trưởng quan ở Tống thành, bị bệnh mất khi tại chức, lúc đó nàng còn đang tuổi bé ẵm. Tiếp đó mẹ và anh cả đều từ trần cả, từ đấy phải sống với vú em là Trần Thị qua ngày, bán rau cỏ để sống ở gần Nam Điểm, cho đến khi người chú đến làm Tiết độ sứ ở phương bắc, đóng trị sở ở gần Tống thành. Lúc đó mới tìm đến nương nhờ. Rồi cuối cùng được coi là con gái mà gả cho Vi Cố.

Vi Cố bấy giờ cả kinh, lại hỏi có phải vú Trần bị mù một mắt ? Người vợ nói là đúng vậy, lại hỏi vì sao

mà biết rõ như thế. Vì Cố bèn mang chuyện cũ nói với nàng nghe, cả hai đều kinh ngạc mãi không thôi.

Trưởng quan ở Tống thành bấy giờ nghe chuyện ấy, đổi Nam Điểm thành "Định Hôn Điểm". Trong dân gian Trung Quốc thường gọi người mai mối là nguyệt lão, là do điển ấy mà ra.

Sau này, đề tài lại biến thành bức vẽ cát tường để nói đến sự vui mừng một hôn nhân tốt lành, ngầm nói rằng sự kết hợp của hai người, bất kể thông qua phương thức gì đều là duyên phận tốt lành mà trời cao đã buộc sẵn. Những bức vẽ loại này thường được gọi với nhiều cách như "chỉ đỏ buộc chân", "Trời định duyên lành", "Nhân duyên nghìn dặm vẫn gần", phương thức biểu hiện cũng thập phần phong phú.

*

* *



HÒA HỢP NHỊ TIÊN (Hòa hợp hai tiên)

Vào đầu đời nhà Đường, ở chùa Quốc Thanh trên núi Thiên Đài, có một thiền sư là Phong Can; khi đi hành đạo khát thực, có lượm được ở bên đường một đứa bé trai bị người ta vứt bỏ. Thiền sư không nỡ nhả tâm bèn ôm đứa bé về chùa Quốc Thanh nuôi dưỡng. Đợi đến khi đứa bé được bảy tuổi, bèn cho đến nhà bếp trong chùa làm việc vặt, các tăng ni trong chùa bởi thế mà không biết cha mẹ và lai lịch của nó, gọi là "Thập Đắc".

Ở bên ngoài chùa Quốc Thanh cũng có một đứa bé ăn xin, độ tuổi cũng như Thập Đắc, lai lịch cũng không rõ ràng. Chỉ biết khi nó còn rất bé, thường đến trước miếu trên chóc tăng ni. Các hòa thượng quát mắng nó, thì nó lại cười hơ hớ, chẳng sợ hãi gì. Sau này các tăng ni mới phát hiện đứa bé ăn xin ấy sống ở một hang đá trong Hàn Nham, bèn gọi nó là Hàn Sơn.

Sau khi Hàn Sơn và Thập Đắc biết nhau, tình

đầu ý hợp thân nhau như huynh đệ. Hàn Sơn thường chạy bữa vào trong chùa, rủ Thập Đắc cùng đi chơi. Thập Đắc thường đem phần cơm chay của mình đựng trong một cái liễn hình tròn, mang đến tận hang đá nơi Hàn Sơn ở, cùng chia phần với nhau.

Hoa nở rồi lại tàn, đông qua xuân đến, đôi bạn trẻ trở thành những chàng trai bước vào tuổi trưởng thành, lúc nào cũng thấy cười nói, không biết gì là ưu sầu; song có một ngày, trong đời sống của họ xuất hiện một cô nương, oái ăm thay cả hai người cùng yêu cô nương ấy, bèn xuất hiện phiền não tức thời, thập phần nan giải.

Hàn Sơn quyết ý cắt đứt tơ tình, để Thập Đắc được cùng ở với cô gái trong sơn thôn. Chủ ý đã định, anh ta bèn lặng yên rời bỏ hang đá, một mình đến bên bến Phong Kiều ở Tô Châu dựng lều cỏ tu hành. Thập Đắc thấy đột nhiên mất tung tích của Hàn Sơn thì lo lắng không thôi, sau khi biết được sự thực thì rất cảm kích. Sự việc này làm tiêu tan hết cả tư tình của anh ta. Tiếp đó lại cầm liễn cơm lên, đi xuống dưới núi Thiên Đài.

Thập Đắc sau khi rời xa chùa Quốc Thanh, trên đường khát thực của kẻ tu hành, vẫn thường nghe ngóng tin tức của Hàn Sơn. Bởi vì hình dạng và tính tình của hai người rất giống nhau, cho nên khi hỏi han thì thập phần thuận lợi. Chẳng bao lâu, Thập Đắc theo lộ trình mà Hàn Sơn đã đi, đến được Tô

Châu. Lúc đó Hàn Sơn cũng nghe nói Thập Đắc đến tìm tin tức của mình, vội bẻ một cành hoa sen đang nở, ra đón tận ngoài 5 dặm. Khởi phải kể sự vui mừng của hai người khi gặp gỡ. Hàn Sơn lấy lá sen phẩy bụi cho Thập Đắc, còn Thập Đắc bung liền cơm ra cùng anh ta hưởng phần cơm rau mới quyên được, nói nói cười cười, rất mau chóng về đến nơi lều cỏ vô tư lự.

Trải qua sự việc nhỏ này, hai người thiếu niên thiên tư thông minh lại có huệ căn, triệt để giải thoát được trần duyên. Từ đó bèn cùng kết bạn tu hành, quyên góp lập miếu, đấy tức là nơi "Cô tô thành ngoại Hàn Sơn tự", nổi tiếng trong thơ Đường và khắp cả thiên hạ.

Sau này Hàn Sơn và Thập Đắc thường nói cười vui vẻ, là những cao tăng vui với mọi người, giải trừ hoạn nạn được dân gian gọi là thần hoan hỉ, lại lấy hình tượng hai người khi còn trẻ vẽ thành bức họa, thường treo trong nhà có hôn lễ để biểu thị sự chúc phúc. Hàn Sơn tay cầm "hoa sen", hài hòa với chữ "hợp", Thập Đắc cầm "hộp cơm" hài hòa với chữ "hợp", ngụ ý rằng phu thê hòa hợp mãi mãi. Lại vẽ thêm những con dơi từ hộp cơm bay ra, lấy chữ "phúc" chỉ "con dơi" và "phúc đức", tượng trưng cho sự mỹ mãn và hạnh phúc.

Thời nhà Thanh, phong tục nhân gian được của

quan thừa nhận. Năm Ung Chính thứ 11 (là năm 1733) Thanh Thế Tông hạ chiếu chỉ, phong Hàn Sơn là Hòa Thánh, lại phong Thập Đắc làm Hợp Thánh, cho nên bức họa vẽ "Hòa hợp nhị tiên" cũng được gọi là "Hòa hợp nhị thánh".





TÂN QUỲNH – UẤT TRÌ (Tân Quỳnh và Uất Trì)

Tân Quỳnh và Uất Trì Cung là hai vị dũng tướng của vua Đường Thái Tông Lý Thế Dân, trong phong tục dân gian, thì họ là môn thần trừ tà, trấn quỷ được vẽ thành tranh thờ, truyền thuyết chuyển hóa từ người đến thần, vẫn mang sắc thái đậm đà huyền thoại. tương truyền lão Long ở sông kinh với thuật sĩ đánh bạc, làm trái điều lệ nhà trời, chẳng theo thời gian quy định về rải mây rắc mưa, Ngọc Hoàng nổi giận lệnh cho Đường Thái Tông truyền mệnh lệnh cho thuộc hạ là danh thần Ngụy Chính phải xử chém Lão Long. Lão Long báo mộng cho Đường Thái Tông, xin ông ta bảo Ngụy Chính tha cho mình tội chết. Đường Thái Tông nhận lời, vội bảo Ngụy Chính rút quân về, muốn ông ta không hành trình nữa. Ngờ đâu khi Ngụy Chính đang ngủ, hồn phách lên chơi thiên đình, lại phải theo lệnh Ngọc Hoàng mà làm như án cũ, chẳng tha thứ chút nào.

Lão Long sau khi chết biến thành quỷ, giận vua

Đường Thái Tông đã nói mà không giữ lời, bèn tức thì nhân đêm tối vào Cung điện của Thái Tông, ném gạch ngói, khóc lóc kêu gào, nạt nộ làm nhà vua ngủ không yên, tâm thần hoảng hốt, bèn đem duyên cớ và kết cục của việc ấy nói với đại thần thân tín.

Tân Quỳnh tự bày tỏ sự hăng hái mà nói rằng :
"Hạ thân bình sinh chém người như bổ dưa, thấy xác chết nhiều như đàn kiến, hỏi còn sợ gì quỷ Vồng quỷ Lượng ? Xin nguyện cùng Uất Trì Cung đứng cạnh cửa cho bệ hạ thâu đêm !"

Uất Trì Cung cũng lập tức hưởng ứng theo.

Đêm đó, Tân Quỳnh và Uất Trì Cung mang giáp trụ, cầm búa tâm sét mạ vàng, một người đứng bên trái, một người đứng bên phải cùng canh giữ cửa cung điện. Quả nhiên cả đêm ấy chẳng thấy tà quỷ đến, Đường Thái Tông ngủ ngon giấc, nhưng lại chẳng nhẫn tâm để hai vị tướng quân đáng yêu kia đứng hầu suốt đêm vất vả. Thế rồi cho vời một họa sĩ, lệnh cho ông ta lấy hình tượng Tân Quỳnh và Uất Trì Cung mặc võ phục đang nổi xung, vẽ thành bức họa treo ở cửa cung. Biện pháp quả nhiên cũng linh nghiệm, quỷ ma đứng từ xa mà nhìn, như thấy đây là người thực, bị bắt nạt mà không dám tiến đến gần cửa ra vào.

Tài nạt nộ các loại quỷ "lị, mị, vồng, lượng" này, rất mau chóng được trăm họ làm theo. Nếu ai đó sợ

ác quỷ tà ma tìm đến cửa, cũng đều cho vẽ hình ảnh Tần Quỳnh và Uất Trì Cung dán ở trước cửa. Để cảm ơn họ giữ cửa vất vả, thường vào dịp cuối năm, còn bày mâm rượu cúng lễ, tín ngưỡng lấy hai vị đó làm môn thần đã được hình thành như thế từ xa xưa.

Ngoài ra, dân gian còn dựa theo hình ảnh Triệu Tử Long trong "Tam quốc diễn nghĩa" một mình cưỡi ngựa giữ quân môn, hoặc Tôn Tản trong "Phong thần diễn nghĩa" biến mình làm then cửa, để vẽ họ thành những môn thần. Phàm là những bức họa dán của loại này, đều biểu thị tâm nguyện : mọi người nhờ các mãnh tướng trừ tà trấn quỷ, bảo vệ cho sự bình yên của nhà mình được lâu dài mãi mãi.

*
* *
.



HỖ THUỐC ĐĂNG CHI (Chim Thuốc báo hỷ đầu cành)

Quan niệm tin rằng chim Thuốc có thể báo được điềm lành, sớm đã được lưu truyền trong dân gian từ hơn 2000 năm trước. Thời nhà Đường, có một câu chuyện ứng nghiệm liên quan được truyền bá rộng rãi mà người kể câu chuyện ấy, đều cho rằng là có người thực việc thực.

Nhà văn Trương Trạc sống ở đời Đường, trong cuốn "Triều dã thiêm tải", có chép :

Cuối đời Trình Quan (năm 627 đến 649), ở quận Nam Khang (nay là tỉnh Giang Tây) có một người gọi là Lê Cảnh Dật rất yêu chim chóc. Trên cây trước nhà họ Lê, có một tổ chim Thuốc.

Ông thường dùng cơm dứt cho chim non trong tổ ăn trong thời gian dài như thế, chim và người có cảm tình với nhau. Chim Thuốc thường bay đến bên cửa sổ, kêu lách cách, co chân đuổi cánh, cho đời sống đơn độc của ông ta có thêm chút hứng thú vui vẻ.

Không lâu, ở gần đó phát sinh một vụ án. Người bị bắt trộm vào cửa quan vu cáo rằng Lê Cảnh Dật có liên can. Lê Cảnh Dật bị tống vào ngục trong quận Nam Khang, bị tra hỏi theo hình luật song ông ta không chịu nhận, viên quan ở đấy phải kéo dài việc tra xét. Như thế đã hơn một tháng, đang lúc Lê Cảnh Dật rất chí thống khổ, hốt nhiên bên tai nghe những tiếng chim kêu lích chính quen thuộc; đưa mắt nhìn lên, thấy còn chim Thuộc mà mình vẫn cho ăn ở trên cây ngoài song tù, đang nhìn vào mà vui vẻ kêu mãi không thôi.

"Đại khái có tin tức gì chẳng". Lê Cảnh Dật vừa vẫy tay ra hiệu cho chim Thuộc, lại vừa ngâm gủi gắm suy nghĩ. Tiếp đó, anh ta nghe thấy các lính canh ngục nói với nhau, đã có người thấy ở trong triều một người mặc áo xanh, cổ áo trắng; sau khi nghe người ấy kể lại, triều đình đã ban bố lệnh đại xá.

Lê Cảnh Dật nghe nói thế, chợt như hiểu ra: chim Thuộc cũng có bộ lông màu xanh như thế, mà ngục cũng có màu trắng nhỉ ?

Ba ngày sau, quả nhiên có lệnh đại xá gửi đến quận Nam Khang. Như "nghĩ án" của Lê Cảnh Dật đương nhiên là lập tức được miễn tội. Thế rồi anh ta vui vẻ bước ra khỏi nhà ngục về nhà.

Sau đó cũng ở thời nhà Đường, Triệu Lân có viết cuốn "Nhân thoại lục" trong đó có chép :

Giám quan Khổng Ôn Dụ bởi phê bình những thiếu sót chính trị, đắc tội với Hoàng đế, bị giáng chức đến vùng Bân Châu, hàng ngày ngồi râu rĩ, rất chi khổ não. Sau đó có những tin tức truyền đến, có người nói Ngự Sử đài tiến cử ông ta làm Thị ngự sử, lại có người nói, Tể Tướng cho ông ta làm xá nhân giúp việc trong phủ. Song chỉ là mới nghe sấm rền chưa thấy mưa rào, khiến cho ông ta và gia quyến thắc thỏm chờ đợi tin tức mãi.

Bỗng có một ngày, có một con chim Thuộc bay đến chỗ Khổng Ôn Dụ ở, đậu trên cái cây trước cửa, không ngừng vẫy cánh như là có ý muốn nói, gia quyến họ Khổng chợt nghĩ đến truyền thuyết chim Thuộc báo điềm lành vội chạy đến gốc cây vãi lạy con chim : "Xin sớm được làm quan !".

Thật kỳ lạ, con chim thuộc ấy há miệng, nhả ra một cuộn giấy nhỏ, trên đó có viết hai chữ "Bổ khuyết", Khổng Ôn Dụ và gia quyến kinh hãi không thôi, song mãi không ra được ý tứ hai chữ ấy.

Không lâu chiếu chỉ của triều đình đưa đến Bân Châu. Vốn là chức quan phủ doãn ở Hà Nam đang thiếu, Đường Tuyên Tông bổ nhiệm Khổng Ôn Dụ vào chức ấy. Chức phủ doãn Hà Nam là một ngôi vị rất cao đối với triều đình nhà Đường, đấy có thể coi là một vinh dự rất lớn.

Căn cứ vào những chuyện vừa rồi, bức họa chim

Thuốc báo diêm lành thành ra phong tục lưu truyền rất rộng, có nhiều loại hình : như hai con chim Thuốc châu đầu vào nhau, gọi là "Hỷ tương phùng"; hoặc như hai con Thuốc ngậm một dây tiền cổ, gọi là "Hỷ tại nhân tiền"; vẽ một con chó ở dưới gốc cây và một con chim Thuốc ở trên cành cây gọi là "Hoan thiên hỷ địa" (là một cách chơi chữ mượn từ đồng âm nói ý).

Lưu truyền rộng rãi nhất là bức họa chim Thuốc đậu cành mai báo hỷ, lấy chữ "mai" hài hòa với chữ "mi" mà gọi là "Hỷ thuốc mi sao" (tốt lành thấy ở trước mắt).

*

*

*

...



CỬU THẾ ĐỒNG CU (Chín đời ở một nhà)

Năm Tân Đức thứ 3 đời Đường Cao Tông (là năm 666), đầu mùa xuân Cao Tông Lý Trị và hoàng hậu Vũ Thị cùng đến núi Thái Sơn dự đại lễ phong thiên, đi qua Vạn Châu (nay thuộc Sơn Đông), quan địa phương ra nghênh giá. Hoàng đế hỏi phong tục dân tình ở đây, trưởng quan thưa rằng, ở đây có nhà họ Trương, tổ tôn, phụ tử, chú cháu, anh em đều cùng ở một nhà, đã được 9 đời; thời Bắc Tề, Đông An Vương Cao Vĩnh Lạc đã có sắc phong biểu dương nhà ấy. Đến thời Tùy Văn Đế lại đặc biệt sai Thiện Dương Công Lương Tử Cung làm sứ giả, đến nhà họ Trương hỏi thăm và biểu dương. Đến đời Trinh Quan nhà Đường, tiên đế (tức Đường Thái Tông) cũng lại phái quan địa phương gia phong nữa.

Cao Tông sau khi nghe tâu bày, trong lòng bỗng xúc động. Ông làm thiên tử cao quý, song mối quan hệ cha con, anh em trong nhà, lại đến mức thập phần căng thẳng. Con không dám nhìn cha, mẹ giận không nuốt được con, chị em oán nhau đến tận xương tủy.

Sự tranh đoạt quyền lợi đảng nhà vợ, lại là chuyện anh chết tôi sống. Vì sao họ Trương có mấy trăm nhân khẩu ở nhiều đời lại có thể hòa thuận với nhau nhỉ ? Cao Tông quyết định tự mình đến xem thử.

Hoàng đế đến nhà dân thường, đây có thể coi là việc đại sự ở đất Vạn Châu chưa từng thấy.

Khỏi cần phải nói việc tiếp đón long trọng ra sao. Chỉ kể riêng việc sau khi Cao Tông đến nhà họ Trương, quả nhiên thấy một ngôi nhà lớn với những gian liên mái, rui mè nối nhau liên tiếp, lại chỉ có một cửa lớn ra vào. Người gia trưởng dẫn mấy trăm người già trẻ lớn bé trong nhà ra bái lạy đức vua là một lão ông cừu tuần chống gậy trúc. Cao Tông sau khi lệnh cho ông lão ngồi, cất lời thỉnh giáo bí quyết đại gia đình sống nhiều đời với nhau mà vẫn bình an vô sự. Lão ông cho người đem giấy bút lại, viết lên đó hơn 100 chữ "nhẫn" (tức là nhường nhịn). Cao Tông vô cùng cảm động cuối cùng quá xúc động mà tuôn nước mắt, lại lệnh cho quan thị mau đem lụa quý tặng cho ông già.

Việc này có ghi chép trong cuốn "Cựu Đường thư" về sau căn cứ vào sử liệu, vẽ thành bức vẽ có 9 con chim "am thuận" xúm xít quanh mấy khóm hoa cúc, lấy am để hài hoà với an, lấy cúc để hài với cư (ý tứ là an cư lạc nghiệp), còn số chín để chỉ chín đời; bức họa "cửu thế đồng cư" dùng để chúc tụng một nhà đoàn tụ, cùng hòa thuận với nhau.



QUAN CƯ NHẤT PHẨM (Chúa hoa đẹp nhất trong Vườn)

Tương truyền nữ hoàng Võ Tắc Thiên sau khi lên ngôi vua, Quý Trụ Từ Kính Nghiệp, không chịu phục tùng tụ tập binh mã làm phản, chưa được khoảng thời gian hai tháng đã bị dẹp yên; khi tin thắng trận truyền đến Tràng An đang lúc cuối đông, Võ Hoàng đang vô cùng đắc ý, cuối cùng hạ lệnh rằng : "Triều đình sẽ đến chơi vườn thượng uyển, nay hoả tốc báo tin xuân. Hoa phải nở ngay trong đêm nay chẳng được đợi sáng mai mới nở".

Thần hoa tiếp được chỉ thị, triệu đủ trăm tiên hoa nói rằng: "Tuy nói là hoa nở hoa tàn đều có thời tiết riêng, nhưng hoàng đế là chúa tể 4 biển, 9 châu, thay trời biến hóa, huống chi người đàn bà này lại đặc biệt nghiêm khắc, nếu như không nghe sắc chỉ, ắt sẽ mang họa. Các người đợi đến khi trời sáng, cùng nở hoa một lần đấy !"

Sáng hôm sau, Võ Tắc Thiên quả nhiên dẫn các quan, sớm đến vườn thượng uyển ngắm hoa nở.

Song trong lúc thấy trăm hoa nở độ, muôn hồng nghìn tía, chỉ có mẫu đơn vẫn là mấy gốc đơn sơ, đến như lá xanh cũng chẳng có. Nữ hoàng cả giận lập tức lệnh cho hỏa thiêu mẫu đơn dám kháng lệnh chỉ, lại còn nhổ bật gốc, lưu đày đi Lạc Dương. Mẫu đơn trông ở Tràng An, cũng đều theo lệ ấy cả. Sau đó nữ hoàng bày yến tiệc ở thượng uyển, vừa uống rượu, vừa phẩm bình về trăm hoa, sắp xếp tại chỗ trăm loại hoa thơm, nghìn loại cỏ lạ, làm thành cuốn Quân Phương phá với thứ tự tam đẳng, cửu phẩm. Còn riêng hoa mẫu đơn bị đày đi Lạc Dương kia, tự nhiên là bị trục xuất khỏi ngôi thứ ấy, đến cả tư cách được ghi vào sách cũng chẳng có. Mẫu đơn được sống yên ở Lạc Dương, song từng bị hỏa thiêu, mà có nhiều loại khác nhau, song ở thành Tràng An chẳng có ai dám trồng nó cả.

Thời gian trôi nhanh, 60 năm đã qua. Năm Thiên Bảo thứ tư (tức năm 745), trước tiết mưa rào, Đường Huyền Tông được Dương quý phi làm lễ mừng thọ, các nơi đều tranh nhau dâng lễ chúc mừng, trong đó có vô số kỳ hoa dị thảo, bày đủ cả vườn thượng uyển, song rõ ràng chẳng có loại nào được quý phi để mắt đến.

Đường Huyền Tông đang ảo não, Cao lực sĩ qui xuống tâu rằng: "Lạc Dương vừa có mấy chậu cây đẹp dâng lên, song không thấy ghi trong Quân phương phá cho nên không đem vào".

Đường Huyền Tông vội bảo : "Mau mang đến xem sao ?"

Mẫu đơn tiên tử bị đẩy khỏi Tràng An năm nào lại trở về với vườn thượng uyển. Mới vừa thấy, quả nhiên là một loài hoa tôn quý, vẻ đẹp át cả trăm hoa. Dương phi nhìn thấy chợt ngưng cười nói, chẳng thể rời mắt. Đường Huyền Tông lại không ngót tán tụng thêm. "Đúng đầu trăm hoa như thế, đúng ở ngôi nhất phẩm, sao lại không thấy đưa vào đây nhỉ ?"

Thế rồi giáng chỉ trùng tu lại "Quần phương phủ", lấy mẫu đơn làm chúa tể.

Từ đây về sau, phẩm giá của mẫu đơn được đề cao, được gọi là vua của các loại hoa trong thượng uyển, từ quan đến dân đều lấy đó làm tượng trưng cho sự giàu sang mà vẽ thành bức vẽ cát tường, lại mượn lời Đường Huyền Tông phẩm bình mà gọi là Quan cư nhất phẩm (ngôi thứ bậc nhất) để biểu thị sự chúc tụng đối với người ra làm quan.

*

* *



BÁCH SỰ NHƯ Ý (Mọi sự đều như ý)

Sau khi hoàng đế sáng lập nhà Đường là Lý Uyên mất, được tôn làm Cao tổ. Nơi ở ngày xưa khi ông ta còn chưa làm Hoàng đế cũng được dùng để thờ phật, gọi là Hưng Thánh tự. Trong Hưng Thánh tự có một cây thị, tương truyền rằng Cao tổ đã tự tay ươm trồng, vẫn xanh tốt, đâu ngờ đến khi Võ Tắc Thiên xưng làm Hoàng đế muốn đổi nhà Đường thành nhà Chu, đột nhiên khô héo mà chết. Không ít người cho rằng thiên hạ nhà Lý cuối cùng đã đến chỗ suy vong.

Việc đời có nhiều chuyển biến. Năm Trảng An thứ tư (là năm 705), Tể tướng Trương Giản Chi nhân cơ hội Võ Tắc Thiên đang bệnh nặng, phát động cuộc chính biến, ủng hộ việc đưa Trung Tông lên ngôi, thủ tiêu Võ Chu trước đó. Không lâu, Võ Tắc Thiên mất bởi bệnh nặng, song thế lực họ Võ vẫn còn mạnh, từ đây cuộc đấu tranh trong cung đình diễn ra không thôi, đến như Trung Tông cũng bị giết hại.

Cuối cùng Đường Duệ Tông được người con là Lý Long Cơ đưa lên ngôi vua. Vận nước của họ Lý nhà Đường như lại có không khí hưng thịnh dần.

Nói về một việc kỳ lạ, là lúc ấy, cây thị trong Hưng thánh tự đã chết khô 20 năm, đột nhiên sống lại. Các đại thần tranh nhau dâng lời tấu mừng, nói rằng cây thị có 7 đức tốt, một là trường thọ, hai là bóng rợp, ba là không có hóc lõm, bốn là không có trùng hại, năm là lá bóng ứa nhìn, sáu là quả ngọt như mật đọng, bảy là lá rụng thêm màu mỡ cho đất, đáng ghi vào sách vở. Nay cây khô mà lại phục sinh chính là điềm lành, quốc gia trung hưng vậy.

Đường Duệ Tông cả mừng lại lệnh cho đại xá thiên hạ, xuống chiếu chỉ cho quân dân toàn quốc ăn uống vui vẻ ba ngày liền cùng chúc mừng vận hội đất nước. Không lâu, ông nhường ngôi cho thái tử Lý Long Cơ, tức là Đường Huyền Tông, từ đấy mở ra thời đại thịnh Đường rất phồn vinh.

Bởi một cây thị sống lại ra quả, toàn quốc cùng mừng 3 ngày, dẫn đến đại xá, canh trường đại chính sự theo đạo thiên, tiếp nối thấy có ứng nghiệm, việc này gây cho người ta một ấn tượng rất sâu sắc. Cây thị trước đó được xem là phạm tục, bỗng thành đề tài bàn tán huyền ảo. Từ đấy được xem là cây quý, quả lành.

Hơn nữa trong bức họa cát tường, nó còn được

các hoa thơm quả lạ phụ họa vào. Ví như vẽ hai quả thị cùng nắm linh chi liên kết, gọi là "Sự sự như ý", lại ví như vẽ quả thị, hoa bách hợp và nắm linh chi thì gọi là "Bách sự như ý" đều là lấy chữ thị "hài hòa với chữ "Sự", những bức vẽ này có thể dùng trong các lễ chúc mừng như mừng năm mới, mừng sinh nhật, mừng tân hôn v.v...

*

* *



HỖ TÔNG TIÊN GIẢNG (Niềm vui đến từ Trời)

Dựa vào cuốn "Thái lan tạp chí" có thể thấy : Thời cổ xưa, có người mẹ xa cách đã lâu mà chưa thấy mặt con; khiến cho người mẹ chỉ ngày đêm nhớ đến con, mong nó sẽ sớm trở về.

Có một đêm, người mẹ ngồi trước cây đèn dầu khâu vá, ngẫu nhiên phát hiện có một sợi tơ nhện ở trên áo, bèn ngược mắt nhìn lên: ồ, có một mạng nhện giăng tơ trên mắc áo, riêng có một sợi tơ thả dài xuống để nó bám lấy. Bà ta nghĩ : "Chẳng phải đó là con ta muốn trở về ư ?"

Ngày thứ hai, người con mà bà ta sớm tối nghĩ đến quả nhiên đã trở về. Bà mẹ mừng đến khóc, lại đem chuyện nhện thả tơ tới qua nói với anh ta. Người con vừa kinh ngạc vừa vui mừng nói : "Mẹ à, tối qua con cũng gặp sự lạ nhện thả tơ như thế".

Sau khi chuyện này lan ra, con nhện lại có biệt hiệu là "hỗ tử", "hỗ mẫu" hoặc "hỗ trùng". Sự xuất

hiện đột nhiên của nó được nhận là dự báo có việc vui mừng sắp đến. Dấu sao tập tục vẽ con nhện báo điềm lành trong tranh cát tường, thì mãi đến đời Đường mới phát sinh, hơn nữa cũng thấy ghi chép trong cuốn Triều dã thiêm tải của Trương Trạc.

Buổi sớm một ngày tháng 8 năm Cảnh Vân thứ 2 đời Đường Duệ Tông (là năm 712), quan trông coi Hồng Lô tự là Trương Văn Thành vừa tỉnh dậy bước ra khỏi phòng ngủ chợt phát hiện có một con nhện to bằng hạt dẻ đương chăng lưới ngang khung cửa, vừa khéo treo ngang tâm mắt, ông ta hào hứng gọi vợ dậy, bảo vợ đến nhìn xem". Chỉ là một con côn trùng treo ở cửa có gì phải xem nhỉ ?" Người vợ nổi cáu, còn chửi mắng thêm nữa.

"Đấy là hỷ trung đấy !" Trương Văn Thành vui vẻ hua chân múa tay, "Hỷ trùng từ trời xuống, điềm lành cũng từ trời xuống".

Mấy ngày sau, thấy ứng nghiệm ngay, vốn là Đường Cao tổ ngày xưa có cây thị trong vườn cũ đã khô chết từ lâu, nay nó sống lại như một sự kỳ lạ. Nhà Vua cho là điềm lành ban chiếu chỉ đại xá thiên hạ, lại cho trăm quan được thêm thứ bậc. Trương Văn Thành theo lệ được nâng bậc mà chẳng phải xin, song đáng vui mừng nhất là người con của ông ta là Trương Bất Tể mới đến tuổi được bổ dụng nghiễm nhiên đã được giao cho chức huyện úy.

Người nghe nói đến việc này, đều hy vọng điềm tốt lành đó có thể xuất hiện ngay ở nhà mình.

Song muốn để một con nhện chăng lưới ở trên không rồi đu mình xuống, có thể chẳng dễ thấy một đường tơ phóng túng như vậy. Có người đã vẽ con nhện đem điềm lành đến rồi dán lên vách nhà. Thế rồi trở thành phong tục, bức vẽ điềm lành con nhện giăng mùng đã ra đời, được gọi là Hỷ tòng thiên giáng (điềm lành từ trời xuống).

*

* *



BÁT TIÊN KHÁNH THỌ

(Tám vị Tiên mừng thọ)

Câu chuyện bát tiên, đã lưu truyền trong nhân gian từ đời Đường xa xưa, song họ tên nhân vật có chỗ không giống nhau ; bức vẽ Bát tiên đời nhà Minh, đa phần gồm có Lý Thiết Quả, Chung Li Quyền, Trương Quả Lão, Lã Động Tân, Hà Tiên Cô, Lam Thái Hòa, Hàn Tương Tử, và Tào Quốc Cửu cả thảy tám người, song cũng có bức vẽ bớt Trương Quả Lão mà thêm Lưu Hải Thiêm.

Thời gian mà tám vị tiên đắc đạo có phân biệt trước sau, lai lịch từng người cũng xin kể rõ như sau :

Người có tư cách nhất là Lý Thiết Quả, vốn là một trang hán nam tử có hình thể khôi ngô, được Tây Vương Mẫu dạy thành tiên, ẩn cư ở núi Đãng Sơn tu hành, có biệt hiệu là Ngưng Dương Tử. Có một hôm, ông ta được Thái Thượng Lão Quân và Trương Quả Lão mời du hành đến núi Hoa Sơn. Trước lúc lên đường có dặn dò Tiểu đạo sĩ thay ông

ta làm các việc vặt : "Nếu như ta bảy ngày không về, thì đem thể xác của ta mà thiêu đi".

Chẳng ngờ đến ngày thứ 6, anh trai của Tiểu đạo sĩ đến báo rằng mẹ ở nhà bị bệnh rất nguy kịch. Tiểu đạo sĩ rất muốn về thăm nhà, suốt đêm không ngủ. Đến giữa trưa hôm sau, thấy linh hồn của lão Lý vẫn không về, đã đem thể xác của ông ta mà thiêu đi, rồi vội lên đường về nhà thăm mẹ. Đến tối hôm ấy hồn vía của lão Lý trở về Đãng Sơn, chẳng thấy thân xác, mất thể phách chẳng nung nấu được, đang lúc hoảng hốt, đột nhiên phát hiện bên đường có một người chết đói, vội đẩy cửa nhảy vào, mặt mũi xấu xí lại còn khoèo chân nữa. Lão Lý đến lúc ấy thì rất lo lắng, muốn hết phiên nào bèn đến kêu khổ với Tây Vương Mẫu. Vương Mẫu nói đây là tiền định, chẳng nên phiền não làm gì, đưa cho ông ta một cây gậy sắt, lại phong làm Đông hoa giáo chủ. Từ đó ông ta nổi danh với tên gọi Lý Thiết Quả, hay còn gọi là Thiết Quả Lý.

Thiết Quả Lý chẳng thể về lại Đãng Sơn được phải xuống tận Chung Nam dựng nghiệp hành đạo. Đến thời nhà Đông Hán, có một vị thiên tướng Chung Li Quyền, bởi xuất chinh thất bại phải chạy trốn vào núi Chung Nam. May gặp được Hồ Tăng mách bảo cho ông ta: "Đông Hoa Chân Nhân đang ở đây, sao không thờ thầy học đạo".

Chung Li Quyền tỉnh ngộ, tìm kiếm ở trong núi

nhiều ngày, cuối cùng gặp được Lý Thiết Quả xin học tập, sau khi đắc đạo, có biệt hiệu là Chính Dương tử. Đến thời nhà Đường, Chung Li Quyền phục mệnh sư phụ du hành ở Tràng An cứu giúp dân lành, tự xưng là "Đô Tán Hán", cho nên dân gian gọi là Hán Chung Li.

Hán Chung Li truyền thụ cho một người nữa gọi là Lã Động Tân. Lã nguyên là thư sinh, hai khoá thi tiến sĩ đều không trúng tuyển. Khi gặp được họ Chung, đang giữa lúc say sưa ăn uống ở quán rượu Tràng An. Hán Chung Li lấy những vấn đề bệnh, tài lộc, thanh, sắc khảo nghiệm anh ta 10 lần, anh ta đều vẫn giữ được tỉnh tâm, nên được họ Chung truyền cho phép tiên, đạo hiệu là Thuần Dương Tử.

Song Thuần Dương Tử không giống như sư phụ của anh ta thường ở ẩn mà thường ngao du giang hồ, giải thoát cho người ta những nguy ách. Ngày nọ đến chơi ở Lạc Dương, may gặp người cháu của đại văn hào Hàn Dũ đời Đường là Hàn Tương Tử bởi đánh bạc hết cả tiền bị người ta làm khó. Lại thấy người ấy có căn tu, bèn giải khó hộ anh ta, rồi cũng lãng du Lĩnh Nam. Sau khi đến Quảng Châu, thấy có một cô gái khoảng 14 tuổi, theo cha rao bán bánh hấp. Họ Lã thấy cô gái ấy có tiên chất, bèn cùng Hàn Tương Tử vờ làm ăn xin ngày ngày đến hàng của cô gái xin bánh hấp.

Cô gái này không lo bị cha rầy la, nếu xin bánh

thì cho, chẳng hề keo kiệt chút nào. Lã Động Tân thấy có cơ hội, cho cô ta ăn một quả đào tiên, sau khi ăn thì giác ngộ, cùng theo Lã, Hàn đến Chung Nam Sơn tu đạo. Người con gái này cùng với Hàn Tương Tử tu luyện thành tiên, đấy là Hà Tiên cô, là người phụ nữ duy nhất trong bát tiên.

Khi Lã Động Tân dẫn đồ đệ về Chung Nam Sơn, Thiết Quả lão tổ đang vân du nơi xa, còn thu được đồ tử là Lam Thái Hòa. Tương truyền rằng Lam là người thời ngũ đại, từ nhỏ đã bị ruồng bỏ, thường xuyên phải mặc áo rách xin ăn ở chợ, một chân đi giày, một chân đi đất. Khi Lý Thiết Quả xuống trần, mọi người đều xem ông ta là người tàn phế xin ăn, chỉ có Lam Thái Hòa với ông là tâm đầu ý hợp, một kẻ dở hơi và một kẻ tập tễnh, đánh bạn cùng hành khất, dần giác ngộ mà thành tiên.

Trước đó, Chung Li Quyên dẫn đồ đệ cùng xuống núi tìm kiếm Thiết Quả lão tổ. Lúc ấy người đời đã từ thời ngũ đại bước sang đời nhà Tống. Họ ở vùng Hoàng Hà đang vượt sông gặp được thân thích của Tống Nhân tông là Tào Quốc Cửu. Tào Quốc Cửu đang muốn ẩn dật ở chốn Sơn Lâm để học đạo, Chung Li Quyên và ông ta đàm đạo một hồi lâu, khen ông ta có thể hiểu được đạo lý gốc rễ, đã nhận ông ta vào nhóm tiên. Sau đó họ ở Đông Kinh tìm được Lý Thiết Quả và Lam Thái Hòa. Đang lúc tiệc tùng vui vẻ, thì Trương Quả Lão năm nào đã cùng

lão Lý lăng du Hoa Sơn cưới lửa chột đến, nói là Tây Vương Mẫu đang làm lễ mừng thọ, thế rồi bát tiên cùng đến Dao Trì để chúc thọ Vương Mẫu.

Nội dung bức vẽ "Bát Tiên khách thọ" thể hiện khung cảnh quần tiên tụ hội ở đài Tùng Bách, ngẩng nhìn xứ mây, mồm tụng niệm chúc mừng. Bức họa này thường được sử dụng ở những dịp mừng thọ. Ngoài tám vị tiên đang chúc tụng, bức họa còn thể hiện những cảnh vật như tùng bách thọ thạch, tiên cầm bàn đào, tường vân thụ ái (cây tùng bách, chim hạc và mây lành...), có hàm nghĩa chúc thọ trong phong tục truyền thống văn hóa cổ xưa.

Ngoài ra, dân gian còn đem những pháp bảo riêng của bát tiên mà đặc tả ra, làm thành một tập tục được thể hiện dưới hình thức trang sức khác, gọi là Ám bát tiên đồ (ngâm nói về bát tiên) có ý nghĩa tượng trưng rộng rãi rất ưa nhìn.





BÁT TIÊN QUÁ HẢI

(Tám vị tiên qua biển)

Tương truyền Bát tiên cùng đến hội Dao Trì, để chúc thọ Tây Vương Mẫu, trên đường đi qua Đông Hải có không ít trở ngại. Theo lễ hành đạo thì họ đều đã thành tiên, vốn có thể đằng vân giá vũ mà bay qua biển lớn, nhưng Lã Động Tân lại đưa ra đề nghị, sao nổi người không lấy pháp bảo của mình để vượt biển, điều ấy đều được quần tiên hưởng ứng ngay.

Thế rồi Lý Thiết Quả cưỡi hồ lô, Trương Quả Lão cầm mõ, Chung Li Quyền vẫy quạt quì, Lã Động Tân múa bảo kiếm, Lan Thái Hòa cầm giỏ hoa, Hàn Tương Tử thổi tiêu, Hà Tiên Cô đứng trên hoa sen, Tào Quốc Cửu cầm phách gõ, mỗi người đều thể hiện rất riêng, đều cùng cười nói rất chi huyền ảo, lại còn pha trò nữa.

Những tiếng huyền ảo kinh động Long Cung ở Đông Hải. Thái tử Long Cung thêm rõ ràng trước những bảo bối của bát tiên, liền phái ngư tinh đoạt lấy ống tiêu của Hàn Tương Tử mang xuống đáy

biển. Bát tiên cả giận, kéo thẳng đến Long Cung, mau chóng triển khai một trận ác chiến tại Đông hải môn sông cả giữa Bát tiên và Thủy tộc dưới biển. Lã Đông Tân vùng kiếm chém ngư tinh, lại làm bị thương cả thái tử. Đông Hải Long Vương vội triệu tập Long Vương bốn biển điều binh, khiển tướng tập trung đánh Bát tiên.

Bát tiên ít người không địch nổi số đông, vội chạy lên thiên đình cầu cứu, liền có Tứ Trữ Công Tào, lục đình lục giáp, nhị thập bát tú rối rít chạy đến giúp đỡ. Long Vương bốn biển cũng cầu cứu thiên quan, địa quan, thủy quan, e vị quan ấy cũng đến trợ chiến, hai bên ác chiến mấy ngày khó phân thắng bại. Lý Thiết Quả nóng tính, cuối cùng dùng hồ lô phun lửa, hỏa thiêu Đông Hải. Lửa sáng tận tầng mây cao, bị Thái Thượng lão Quân phát hiện, vội chạy đến bắt dừng lại, hòa giải hai bên. Sau khi thái tử Long Cung nhận lỗi, hai bên cùng cười nói vui vẻ rồi cùng đến chỗ Vương Mẫu dự tiệc mừng chúc thọ.

Câu chuyện bát tiên quá hải được lưu truyền trong dân gian rất rộng, tình tiết cũng không giống nhau; lại còn có thành ngữ "Bát tiên quá hải, các biển thân thông", tỉ dụ như khi khó khăn thì cùng khắc phục, mỗi người đều biểu thị bản lĩnh riêng của mình. Bát tiên quá hải vẽ thành tranh cát tường, hàm chứa ý nghĩa mong nhận được sự thân thông giúp đỡ của quần tiên với các pháp bảo trừ tà, khử tai họa rất chi linh diệu.



HẠC LỘC ĐỒNG XUÂN

(Hạc và hươu trường thọ)

Tín ngưỡng phong tục coi hạc là chim tiên, hươu là con thú tốt lành.

Sự thần kỳ của hạc có thể thấy ở cuốn sách Tùng hạc trường xuân. Còn sự lạ của hươu, cuốn Thuật dị ký có nói đến, động vật này sống đến 1000 tuổi, thì lông màu xanh, sống đến thêm 500 tuổi nữa thì lông màu trắng, còn nếu sống đến 2000 năm thì lông màu đen. Cuốn "Thụy ứng đồ" có nói, nếu như đế vương chính đáng, điều hành hợp với ý thánh hiền, chẳng có sai sót gì, sẽ có hươu trắng xuất hiện, đấy là điềm quốc thái dân an, mọi sự hòa hợp.

Tương truyền vào những ngày hưng thịnh năm Khai Nguyên đời Đường Minh Hoàng (713-741), từng có may mắn thấy hai loại cầm thú này, song phúc của ông ta không đầy, trái lại còn phạm phải những lầm lỗi nữa.

Chuyện Đường Minh Hoàng thấy hươu quý, có

chép ở cuốn Tương thất chí. Vào mùa thu năm Khai Nguyên thứ 23 (năm 735), sáng trong gió lành, sắc thu cao mà ngựa béo mập, Đường Minh Hoàng cao hứng dẫn cung thủ đi săn ở Hàm Dương. Trong lúc vây thú, ông ta phát hiện có một con hươu lớn vạm vỡ, chẳng những vượt hẳn đồng loại, mà tướng mạo cũng rất kỳ dị khiến người ta phải chú ý. Đường Minh Hoàng vội lệnh cho tay cung thủ giỏi nhất bắn con hươu đó. Sau đó trở về trong cung điện, lột da, nấu thịt để các tân phi, thị vệ cùng được hưởng phần.

Lúc này Trương Quả Lão là một người trong số Bát tiên đang làm tân khách trong hoàng cung, cũng nhận được một đĩa thịt hươu thơm lừng. Song ông ta mới nhìn màu sắc thịt hươu, lập tức trách Đường Minh Hoàng rằng : "Sao ngài lại giết hại con thọ lộc nhỉ ?".

Đường Minh Hoàng không tin : "Con hươu này về hình dáng có đặc biệt một chút, song chẳng có gì là điềm thọ lộc cả".

Trương Quả Lão nói : "Tôi biết con hươu này vào mùa thu năm Nguyên Thú thứ 5 đời Hán Vũ đế (là năm 118 trước Công nguyên), Vũ đế săn thú ở Thượng Lâm Uyển, từng đuổi bắt con hươu này. Lúc đó tôi cũng ở đấy, bảo ông ta con hươu đó đã sống 1.000 tuổi, mau thả nó ra, Vũ đế đang muốn trường sinh bất tử bèn nghe lời khuyên của tôi, thả nó về rừng.

Đường Minh Hoàng càng không tin lời, nói rằng từ năm Nguyên Thú thứ 5 đến nay cũng đã hơn 800 năm chẳng nhẽ trong thời gian dài như vậy, con hươu này chưa bị người săn bắt ư ?

Trương Quả Lão bảo ông ta, năm xưa Hán Vũ đế trước khi thả con hươu này, từng buộc ở sừng trái của nó một thẻ bài bằng đồng có khắc niên hiệu, có thể lấy đó làm chứng.

Đường Minh Hoàng vội gọi người đến phòng ngự thiện lấy đầu hươu để xem, quả nhiên trong lớp da bên sừng trái, có miếng đồng buộc ở đấy khắc mấy chữ Nguyên Thú ngũ niên (năm Nguyên Thú thứ 5).

Bắn nhầm phải hươu thợ, khiến Đường Minh Hoàng rất ảo não. Chẳng ngờ không lâu sau đó, khi ông ta săn thú ở Sa Khân, lại bắn trúng phải một con hạc trắng. Vốn là con hạc trắng này hóa thân của đạo sĩ Từ Tá Khanh ở Ích Châu, sau khi trúng tên nén đau bay về Tứ Xuyên, rút tên ra giao cho đệ tử mà nói rằng : "Sau này chủ nhân của mũi tên ấy cũng phải như vậy, có thể dành mũi tên cho ông ta".

Hơn 20 năm sau, loạn An Sử nổ ra. Đường Minh Hoàng vội chạy khỏi Tràng An đến Tứ Xuyên lánh nạn. Đệ tử của Từ Tá Khanh đã nhầm ông ta mà bắn mũi tên ấy, để báo ứng về luật nhân quả bởi trước đó Sư phụ khi hóa làm hạc đã bị trúng tên.

Đường Minh Hoàng vừa kinh hãi vừa hối hận. Câu chuyện này có ghi trong cuốn "Thần dị lục".

Câu chuyện Đường Minh Hoàng nấu hươu bắn hạc, thực ra là do những thuật sĩ viết ra để dạy đệ tử. Song người mong mỗi có duyên thấy hươu thỏ, hạc tiên rất nhiều ở đời, thế rồi người ta vẽ hươu và hạc cùng ở dưới gốc ngô đồng, lấy chữ "ngô đồng" để hài hòa với "đồng nhất", dùng để chỉ điểm lành mong được trường thọ.

*
* *



CHUNG THỦ TRÓC QUỈ

(Chung Thủ bắt quỉ)

Dựa theo những cuốn "Mộng Khê bút đàm", Tam giáo nguyên lưu ghi chép. Vào khoảng năm Nguyên niên đời Đường, Đường Huyền Tông Lý Long Cơ đến núi Ni Sơn kiểm tra diễn tập quân sự rồi trở về Tràng An, tình hình sức khỏe xấu đi, mau chóng phát sinh bệnh sốt rét, rất nóng mà không hạ sốt, kéo dài hơn một tháng. Ngự y và thầy cúng đều đã làm hết cách song không kiến hiện.

Tối hôm đó, Đường Huyền Tông sốt cao không rút rồi hôn mê thiếp đi, chợt thấy một tiểu quỉ đi vào trong cung điện, mặc một cái áo đơn, có mũi như bò, chỉ độc có một chân, chân thì đi hài, còn một chiếc hài thì đeo ở lưng, cài một cái quạt giấy ở sau lưng, thò tay lấy trộm túi gấm của Dương Quý Phi và sáo ngọc của Huyền Tông. Đường Huyền Tông đang buồn rầu vội quát hỏi : "Mi là ai ? " Tiểu quỉ vội nói rằng : "Ta là Hư Hao. Hư thì lấy đồ vật của người ta mà không ai biết, như đùa bỡn vậy; Hao thì chuyển

việc tốt lành của người ta thành hao tổn, khiến người ta đang mừng rỡ phải ưu sầu".

Huyền Tông cả giận, gọi võ sĩ đến đuổi quỉ, chỉ thấy lại có một con quỉ lớn chạy vào trong điện, tóc rối râu rồng, mặt mũi đáng sợ, đầu có sừng, mặc áo xanh để lộ một cánh tay, để lộ cả ống chân, một ống tay tóm lấy tiểu quỉ, khoét mắt rồi nuốt đi.

Huyền Tông rất kinh hãi vội hỏi: "Còn người là ai?". Con quỉ lớn này vội thi lễ trước Huyền Tông mà nói rằng: "Thần là Chung Thủ ở Chung Nam Sơn. Khoảng năm Võ Đức đời Cao Tổ, về Tràng An thi võ không đỗ, hổ thẹn nên chẳng về cố hương, đã đập đầu vào bậc đá trước cung điện mà chết. May được Cao tổ cho áo xanh, mai táng giúp, khiến thần cảm ơn đức không thôi đã thể giúp đại Đường trừ hết yêu ma hư hao trong thiên hạ!"

Nghe như có tiếng chuông lớn bên tai, khiến Đường Huyền Tông chợt tỉnh. Rồi xoa bóp thân thể, cuối cùng đổ mồ hôi lạnh, bệnh sốt rét bỗng nhiên khỏi hẳn.

Hoàng đế cho vời danh họa Ngô Đạo Tử vào hoàng cung, đem giấc mộng trước đó kể cho ông ta, muốn ông ta vẽ một bức họa như cảnh trong mộng. Ngô Đạo Tử phụng mệnh, mơ màng một lúc, rồi hạ bút vẽ xong bức họa, trình lên Huyền Tông xem thử, Huyền Tông giương mắt cứng lưỡi, rồi cảm thán

rằng : "Chẳng nhẽ người cũng cùng thấy giấc mộng đó như trầm ư ? Làm sao lại vẽ giống như vậy !"

Ngô Đạo Tử nói: "Bệ hạ lo lắng vất vả sớm tối, cho nên bệnh sốt rét mới nhân cơ hội mà xâm nhập. Hiện nay đã có vật đuổi tà, bảo vệ thánh đức, là điềm tốt lành mong mỗi bệ hạ sống muôn vạn tuổi vậy !"

Lời này nghe rất hợp, Huyền Tông thưởng cho Ngô Đạo Tử 100 lạng vàng, lại cầm bút đề lên bức họa rằng :

Hiển linh ứng mộng, bệnh tật cũng xong.

Liệt sĩ trừ quỷ, thực đáng biểu dương.

Vẽ ra bức họa, linh hiển rõ ràng,

Rất nên phổ biến, trước ngày đầu xuân,

Trừ ma đuổi quỷ, không khí phồn xương,

Bố cáo thiên hạ, sắc lệnh tỏ tường.

Bộ môn hữu quan phụng chỉ, lấy bức họa Ngô Đạo Tử vẽ Chung Thủ bắt quỷ in ra, thế rồi cả câu chuyện này cũng lưu truyền rộng rãi trong thiên hạ. Mọi người thường dán trước cửa để đón năm mới, với tinh thần xua tà, đuổi quỷ.

Sau bức vẽ Chung Thủ bắt quỷ này, còn có những bức như Chung Thủ chém yêu, Chung Thủ xuất hành v.v... cũng đều nhằm tác dụng xua tà đuổi quỷ. Trong bức "đưa quỷ mị" lấy việc đưa dâu làm ý chính, cho thấy trăm họ lương thiện sợ quỷ lại không

dám dắc tội, đành dùng phương thức lấy lễ mà đưa khỏi cửa, rất có ý vị, song nói chung cũng không thoát khỏi tình trạng chung là giúp Chung Thủ đuổi quỷ. Song các tiểu quỷ trương cờ giương ô, khiêng kiệu hò reo ở bức tranh ấy, thì lại khiến bức họa về quỷ có thêm không khí vui vẻ. Những bức vẽ khác như Chung Thủ tróc quỷ, Thần đồ - Úc Lũy cùng loại này đều dựa vào đuổi hung thần ác sát để giải tai ách làm chủ đề chính, biểu thị ra một sự hứng thú đặc biệt.

*

* *





TẢO SINH QUÍ TỬ

(Sớm sinh được quý tử)

Cuối đời nhà Đường, có một người nông dân ở huyện Hoa Âm tỉnh Thiểm Tây gọi là Triệu Tư Hối, trước nhà có trồng một cây táo, cành lá lòa xòa, quả sai trĩu trĩu. Có một người thuật sĩ giỏi xem vừng khí phong thủy đi qua đây, thấy điềm lành báo với người ta rằng : "Nhà này sẽ có tể tướng, song không phải bây giờ mà phải đến đời con cháu mới thấy".

Ở một nhà nông dân mà có Tể Tướng há chẳng phải là chuyện buồn cười ? Chẳng ai tin vào những lời quí quái của thuật sĩ cả !

Không lâu Triệu Tư Hối sinh được một người con trai đặt tên là Triệu Oánh. Sau này khôn lớn, trước làm quan với nhà Lương, nhà Đường, song chỉ là chức quan nhỏ. Đêm nọ nằm mộng thấy thần núi Hoa Sơn là Kim Thiên Vương cho vời ông ta đến đưa một cây kiếm và một cái thẻ hốt, lại bảo rằng : "Người rất có tiền đồ, rất nên cố gắng vậy".

Sau này ông ta đi theo Thạch Kính Đường, rất

được tín nhiệm. Cuối cùng sau khi Thạch Kính Đường lập ra triều đình nhà Tấn, ông ta cũng dần dần được đề bạt lên rất cao, đến khi Tấn Thiếu Đế lên ngôi vua, quả nhiên ông được phong làm Tể Tướng.

Lúc đó người Hoa Âm đều nghĩ đến lời dự đoán về cây táo trước nhà họ Triệu thuật sĩ năm nào, lưu truyền điển cố "sân nhà họ Triệu xum xuê cây lá", đều tin quý tử họ Triệu là từ cây táo sinh ra. Thế rồi cây táo trong phong tục dân gian lại có công năng sinh ra quý tử.

Rất nhiều nhà khi có việc hôn nhân tốt lành, ưa dùng cành táo và cành vải, hoặc cành hạt dẻ bày vào mâm quả, để hàm ý sân Triệu xum xuê, lại bởi lấy những đồng âm "táo" và "tảo", "lệ" và "lập" mà ghép thành những "tảo lập tử" (sớm sinh con) để mong mỗi chúc tụng sớm có con trai; cũng có khi dùng táo và lạc, vỏ quế xếp thành mâm quả để nói ý nghĩa sớm sinh quý tử. Song trong bức tranh cát tường sớm sinh quý tử, nói chung chỉ lấy cành táo phối hợp với vỏ quế, bởi dựa vào điển tích cây táo nhà họ Triệu làm chính cho nên không vẽ thêm hoa trái để nói đến sẽ sinh quý tử là mong mỗi hàng đầu vậy.

*

* *



LƯU HẢI HÝ THIÊM (Lưu Hải bốn Cóc)

Lưu Hải là người thời Ngũ đại theo Yên Vương Lưu Thủ Quang làm đến tướng công, lúc thư nhàn thích đàm đạo về tính mệnh, rất tôn sùng Đức Hoàng Lão. Có một hôm một trong những vị Bát tiên là Chính Dương Tử Chung Li Quyền đến thăm ông ta, bảo với ông ta rằng, hãy lấy 10 đồng tiền và 10 quả trứng gà, cứ một đồng tiền xếp liền với một quả trứng, chống lên thành một cái cột. Lưu Hải kinh hãi mà rằng "rất nguy hiểm vậy !" Chính Dương Tử cũng cười mà nói : "Tướng công bây giờ còn nguy hiểm hơn thế".

Lưu Hải chợt tỉnh ngộ, bèn từ bỏ quan chức, ngao du học đạo, cuối cùng được Thuần Dương Tử Lão Động Tâm phổ độ thành thần tiên. Bởi muốn người đời cũng giống như mình, sớm tỉnh ngộ thoát khỏi vòng công danh lợi lộc, Lưu Hải thường đi khắp chốn đô thành, dùng sợi dây xâu những đồng tiền vàng để đùa nghịch, ngầm nói rằng tiền tài cũng chỉ là một

vật ngoài thân; Bởi hiểu rõ cõi hồng trần mà thoát khỏi bờ bến dục vọng, mới là sự thấu tỏ để sinh mệnh được vĩnh hằng vậy.

Theo cuốn "Phong hạ bút đàm" có chép, Lưu Hải từng mang tên là A Bảo, có đến nhà phú thương Bối Hoành Văn ở Tô Châu, làm lao công mà không cần tiền công lại thường có những cử chỉ khiến người ta lấy làm kỳ lạ, ví như khi cọ rửa dìm một cái thùng gỗ lớn xuống nước, mà cứ như một cái túi vải mềm dễ vò xát vậy. Không lâu khi ông ta đào giếng cho nhà họ Bối, mò được trong giếng một con cóc lớn 3 chân, lấy sợi dây mấy thước buộc lấy nó rồi cao hứng đùa nghịch, lại bảo với nhà ấy rằng đây vốn là chủ ý của anh ta, đã bôn tẩu hơn một năm nay cuối cùng mới tìm được nó. Khi phố phường kéo đến huyện nào ngó nhìn vào, ông ta cười lên lưng con cóc, sau khi đã cảm tạ Bối Hoành Văn, thì từ sân nhà ấy mà từ từ bay lên tầng không rồi dờn khỏi đấy.

Lúc ấy họ Bối mới biết A Bảo vốn là thần Lưu Hải bởi đi tìm con cóc lạ mà vào làm ở đấy.

Bức vẽ Lưu Hải bốn cóc, trên thực tế là lấy hai việc Lưu Hải đùa bốn với tiền vàng và Lưu Hải đùa bốn với cóc trộn làm một, vẽ Lưu Hải cầm một sợi dây xâu những đồng tiền vàng đang đùa bốn với một con cóc 3 chân, cho nên bức vẽ này cũng được gọi là Lưu Hải đùa bốn với tiền tài. Hàm nghĩa của bức vẽ, cũng theo sự lý giải của mỗi người mà rất khác nhau.

Có người thấy ở đó một phong thái thần tiên của Lưu Hải không lo không nghĩ hoạt bát đáng yêu, dẫn ra những ý tưởng nhàn hạ muốn được phiêu du cùng thần tiên, đã xem đấy là điểm cát tường. Lại có người thấy ở đấy những đồng tiền vàng trong tay ông ta, đã lấy chữ "bám tiền" thay cho "bốn tiền", hàm ý bám tiền mãi không thôi, như vậy nghiêm nhiên Lưu Hải trở thành hóa thân của thần tài vậy.

*

* *



TRƯƠNG TIÊN XẠ CẦU (Trương Tiên bắn chó ngao)

Thời Ngũ đại ở núi Mi Sơn tỉnh Tứ Xuyên có một người họ Trương tên là Viễn Tiên, người đời gọi là Trương Tứ Lang, rất giỏi bắn cung, tài bắn chim bắn thỏ thì bách phát bách trúng. Trong mấy năm chim bay, thú chạy ở vùng Mi Sơn, bị ông ta làm cho hồn bay phách lạc, nếu chẳng bị bỏ mạng về tên bắn, đều bỏ chạy cả. Ở quê hương chẳng còn vật gì có thể bắn được, Dương Tứ Lang bèn lên đường đi săn. Có một hôm ông ta đến dưới núi Thanh Thành thấy một lão ông cầm một cây cung trúc và 3 mũi tên sắt muốn bán với giá 300 nghìn đồng tiền. Những người xung quanh đều cười giễu ; cho rằng cái đồ trò chơi ấy có gì đáng quý ? Trương Tứ Lang chăm chú nhìn lão ông, thấy ông ta hình dung cổ quái, mỗi mắt có 2 con ngươi, ngầm hiểu là người kỳ lạ, đã không tiếc gì mà đưa tiền ra mua lấy bộ cung tên của ông ta. Lão ông cao hứng nói : "Ba mũi tên sắt của tôi, có thể phá tan tai ách, xua đuổi

tà dịch, ông đã có được một bảo bối đáng quý vậy".

Người khác đều cho rằng lão ông nói quá lời, chỉ có Trương Tứ Lang chịu nghe theo. Thực kỳ lạ, từ lúc ông ta có cây cung trúc này, tài bắn cung ngày mỗi sắc bén, thị lực cũng đột ngột tăng lên đến như chim bay tít trên tầng mây cao, cũng nhìn được rất rõ, một mũi tên bắn ra thì chim đã rơi xuống đất. Nhưng còn ba mũi tên sắt thì ông ta chưa dùng đến.

Ba năm sau, Trương Tứ Lang lại đến núi Thanh Thành, lại gặp được lão ông mắt có hai con ngươi. Lão ông sau khi kiểm tra tài nghệ và thực lực của anh ta cười mà rằng: "Đệ tử có thể bảo được, đáng truyền cho phép cứu nhân độ thế".

Trương Tứ Lang bèn theo ông ta học pháp thuật ba năm như thế, đã nhìn được đến những vì sao xa xôi, thấy rõ được cả ma quỷ, rút tên giương cung, mũi tên vút đi như ánh chớp.

Lúc ấy Trương Tứ Lang mới biết rằng câu nói "mũi tên sắt kia có thể bắn được quỷ mị" là đúng. Dẫu sau, bởi phép thần thông và sức vóc của ông ta, dùng những viên đất tự mình chế ra đã có thể cho thấy thân Uy, nên 3 mũi tên sắt kia, vẫn được giữ bên mình làm bảo bối.

Sau khi chỉ bảo cho Trương Tứ Lang biết pháp thuật và cách bắn quỷ để giúp đời, lão ông mắt có hai con ngươi không biết đi đâu mất. Trương Tứ Lang

cũng không bắn chim, bắn thỏ nữa, chuyên tâm tu đạo, mấy chục năm sau đắc đạo thành tiên, có đến núi Bạch Hạc chơi, nhìn thấy người ở đấy đều cúng bái một pho tượng đá gọi là lão ông bốn mắt, mới chợt hiểu ra, vội quì trước pho tượng đá mà vái lạy tạ ơn xưa.

Sau này, Trương Tiên ở Sùng Châu quán thuộc ấp Ngang, những nhà trong vùng trăm dặm thẳng hoặc bị ma quỷ đến quấy phá, đều đến nhờ ông ta ra tay bắt quỷ. Có khi, người ta thấy ông ta cầm cây cung trúc ấy, bắn tên lên trời cao, bèn hỏi ông ta bắn vật gì vậy. Trương Tiên nói bắn cô thần quả tú đang ở tận trên trời, có thể khiến người không có con ở hạ giới sinh được con cái, nghe nói cuốn Tập thuyết thuyên chân có chép, người sau khi cày ruộng thường vẫn thấy những viên đất mà Trương Tiên bắn lên trời rồi rơi xuống, trên đó có chấm đỏ, cứng rắn khác thường, những người phụ nữ lấy chồng mà không có con, nếu mang theo viên đất ấy thì có thể có thai. Như vậy Trương Tiên ở vùng Ba Thục đã trở thành con người thần kỳ được người đời yêu kính. Nghe nói Tô Tuấn thời Bắc Tống sau khi kết hôn đã lâu mà không có con, bèn cầu xin Trương Tiên giúp đỡ bằng một lễ cầu đảo rất thành kính. Một đêm nằm mơ thấy Trương Tiên cầm cây cung trúc với hai mũi tên, đấy là điềm báo trước sẽ sinh Tô Đông Pha và Tô Triệt. Bởi thế Tô Tuấn đã có ý đặc biệt viết ra

thiên sách "Trương Tiên tán" đưa vào trong tập sách "Gia hữu tập" của mình.

Gia Hữu là niên hiệu đời Tống Nhân Tông Triệu Trinh, vào thời kỳ này, Trương tiên có cơ hội nêu rõ thần đạo nổi tiếng từ Thục Trung lan ra toàn quốc. Theo cuốn "Thần tiên thông giám", Tống Nhân Tông khi ở ngôi vua không có con, đành lập người cháu là Triệu Thự làm thái tử. Hôm ấy vừa mới ngủ, chợt thấy một người đàn ông tuần tú với mặt hoa da phấn, râu 5 chòm cầm cung tên bước đến nói rằng: "Cung mệnh của ông có con chó ngao nhòm ngó cho nên chẳng có con".

Tống Nhân Tông vội bảo : "Nói thế là nghĩa làm sao ? Vậy tiên sinh là ai ?".

Người cầm cung nói: "Tôi là Trương Tiên ở cung Quảng Hàn, chó ngao là con vật tàn ác, gây họa ở trên trời, đã nhiều ngày tháng; nó xuống nhân gian làm điều ác, hay nuốt trẻ con. Chỉ cần đức vua rộng thi hành chính sách nhân ái, tôi sẽ vì trăm họ đại Tống mà đuổi bắt kẻ hãm hại sinh mệnh con cái của họ".

Tống Nhân Tông muốn đứng lên cảm tạ, chợt đạp chân mà tỉnh dậy, thực ra chỉ là một giấc mộng mà thôi.

Song tình cảnh trong giấc mộng như hiện rõ trước mắt, bèn lệnh cho họa sĩ trong hoàng cung cứ

theo lời kể của mình, vẽ ra bức họa treo ở trong cung điện.

Sau đó không lâu, bức họa này được lưu truyền đến dân gian, lại dựa theo những truyền thuyết khác, nảy sinh ra các bức vẽ Cát tượng như "Trương Tiên trừ tà", "Trương Tiên đưa trẻ con đến", trong đó ảnh hưởng lớn nhất thì phải kể đến bức họa Trương Tiên bắn chó ngao.

Bức họa ấy vẽ Trương Tiên giữa một đám trẻ con hồn hỏ, đang giương cung, bắn chó ngao đang có ý muốn ăn con trẻ, ngầm có ý nhờ ông ta bảo vệ trẻ con khỏi bị làm hại, khỏe mạnh khôn lớn.

Trong phong tục dân gian, thời kỳ dán bức tranh ấy phân nhiều vào dịp tết Nguyên Đán, thông thường lại còn phối hợp câu đối, hoành phi nữa. Câu đối có ghi : "Đánh đuổi chó ngao chạy, cho trẻ con vui đùa"; bức hoành phi có ghi : "Con cháu dài lâu"

Nếu như nhà nào còn chưa có con nối dõi, thì dán bức họa ấy sau cánh cửa, hai bên có đôi câu đối ghi : "đánh đuổi chó ngao chạy, dẫn quỷ tử lại nhà", đấy vừa có ý thờ cúng Trương Tiên vừa cầu mong ông ta bảo hộ cho gia đình.

*

* *



NGŨ TỬ ĐĂNG KHOA (Năm con đỗ đạt cao)

Vào đời hậu Chu thời Ngũ Đại, phủ Yến Sơn (nay thuộc Bắc Kinh) có một người tên gọi là Đậu Vũ, tự cật có tài võ dũng, thường hoành hành xưng hùng xưng bá ở làng. Đã quá 30 tuổi, mà anh ta vẫn không có con nối dõi, thường lấy đó mà cảm thấy ân hận, mỗi lần cầu cúng tổ tiên lại xin được ban phúc cho mình.

Có một đêm hôm ấy, Đậu Vũ đang ngủ ở quê, chợt thấy tổ phụ hiện về. Tổ phụ bảo anh ta : "Người làm những việc phóng túng, tạo oan nghiệt đã nhiều, cho nên chẳng những không có con nối dõi, đến tuổi thọ của mình cũng khó được lâu dài.. Nếu cứ như vậy, thì hương hỏa nhà họ Đậu ta sẽ đứt đoạn bởi tay nhà ngươi đấy !" Nói xong giờ gậy mà vụt anh ta, Đậu Vũ kinh hoàng kêu to, chợt tỉnh dậy, lại hóa ra chỉ là một giấc mộng.

Từ đó Đậu Vũ vội sửa đổi lỗi lầm, cố gắng đọc

sách, lại tu thân hướng thiện, vui vẻ làm những việc tốt cho làng xóm, dần dần có được tiếng tốt với xung quanh.

Ba năm sau, anh ta lại nằm mơ thấy tổ phụ hiện về.

Tổ phụ nói : "Người mấy năm tu thân tích đức, tăng thêm được vài ba chục tuổi thọ, hương hỏa của nhà họ Đậu cũng có cơ hội tiếp nối".

Quả nhiên sau đó vợ anh ta liên tục sinh được năm người con trai.

Đậu Vũ luôn ghi nhớ lời tổ phụ bảo, dạy các con ngừng mộ thánh hiền, khắc khổ học tập, biết sống vì người khác, không để hổ thẹn với những việc đã làm. Kết quả năm người con của ông ta đều học giỏi, được chọn làm tú tài, làm cho gia đình được hưng thịnh một thời. Bản thân Đậu Vũ cũng được hưởng thọ đến 82 tuổi, rồi không đau ốm gì mà mất. Thái sư đương triều là Phùng Đạo còn đặc biệt viết bài thơ rằng :

*"Ở núi Yến Sơn, có Đậu Lang,
Dạy bảo con cái rất rõ ràng,
Riêng một cây xuân thực trường thọ,
Năm cây đàn quế càng ngát hương".*

Sau này cuốn "Tam tự kinh" cũng lấy câu "Đậu Nghĩa Sơn, đáng nêu gương, dạy con giỏi, danh lừng thơm" để ca tụng việc làm ấy; lại dần dần xuất hiện

ra bức vẽ cát tường năm con đỗ đạt", để ký thác mong mỏi của nhiều nhà là con em sẽ giống năm người con của nhà họ Đậu, đã liên tiếp giành được công danh như thế.

Bức vẽ năm con đỗ đạt thường thấy có hai loại, một loại vẽ một con gà trống dáng vẻ oai phong đang đứng trên cao gọi năm chú gà con đang kiếm mồi, nô rôn trong sân, để nói ý tứ dạy con đỗ đạt. Một loại vẽ năm đứa bé trai đang tranh giành một chiếc mũ khôi khoa để chỉ điềm tốt lành con cái sẽ cố gắng đọc sách, trúng được ngôi thủ khoa trong thi cử. Cho nên bức họa này cũng có tên là năm con đoạt mũ khôi khoa.

*

*

*



THƯỢNG THƯ HỒNG HẠNH (Ông Thượng thư Hồng Hạnh)

Vào đời Nhân Tông thời Bắc Tống, có hai viên quan ở văn phòng Thượng Thư đặc biệt chuyên coi xét bộ Công, rất giỏi uốn những đoạn văn mà nổi tiếng ở văn đàn. Một người là Lang Trung Trương Tiên, khi đang làm phán quan ở Hạ Hòa (nay thuộc Triết Giang) từng viết bài thơ Thiên tiên tử trong đó có câu "Mây tan, trăng lại, hoa lồng bóng", rất được kẻ sĩ tán thưởng, còn có một vị là Viên ngoại lang Tống Kỳ, trong bài "Ngọc lâu xuân" của mình, có câu thơ bảy chữ "Hồng Hạnh cảnh xuân rộn ý tình" là câu thơ hay, truyền tụng nghìn năm. Người nắm chức vụ ở bộ Công bấy giờ, cứ theo Tam Ty mà định án, cho nên chức quan cũng không dẫu, bởi thế Trương Tiên và Tống Kỳ đều có công tác thực tế riêng, chứ không làm việc ở cùng nha phủ với nhau.

Có một hôm, Tống Kỳ đến thăm nhà Trương Tiên, đến trước cửa, lớn tiếng nói với linh hồn rằng : "Ta muốn thấy ông lang trung "Mây tan như trăng

lại hoa lồng bóng!" Người xung quanh còn chưa rõ việc gì, Trương Tiên ở trong nhà đã nghe thấy, lập tức cao giọng hỏi lại rằng có phải thượng thư "hồng hạnh cành xuân rộn ý tình" đến đó chăng?

Sau khi đoạn đối thoại hứng thú này lan truyền, Tống Kỳ lại có thêm danh hiệu là Thượng thư Hồng Hạnh, thực ra là cách gọi thay cho "Thượng thư Viên ngoại lang". Thực khéo là, Thượng thư lại là tên gọi một cuốn sách cổ mà mọi người thường gọi "kinh thư" trong "Tứ Thư, ngũ kinh". Cho nên vẽ sau lợi dụng quan hệ song song ngữ nghĩa này đưa ra điển cổ "Thượng thư Hồng Hạnh", bức vẽ Hồng Hạnh cầm cuốn sách cổ, thông thường vẽ một thư phòng có trổ cửa sổ, giá sách và án thư bao hàm ba ý nghĩa sau:

- Một là, tán dương người đọc sách có chân tài giống như Tống Kỳ vậy.

- Hai là, Hồng Hạnh là một mỹ từ chỉ mỹ nhân, lại có nghĩa là sách cổ, là một loại ám tỉ không khí "Đêm thanh đọc sách ngát hương mơ".

- Ba là, theo lịch sử ghi chép thì Tống Kỳ thừa nhỏ hàn vi, cùng với người anh cả là "Tống Tường" sống gửi ở nhà ngoại mà khắc khổ đọc sách, cuối cùng nhờ đỗ đạt khoa cử mà "cá vượt Vũ môn" Bởi thế bức họa "Thượng thư Hồng Hạnh" là lời chúc tụng những chàng trẻ tuổi đọc sách mai này sẽ đỗ đạt, công thành danh toại thỏa nguyện.



NAM CỤC LÃO NHÂN

(Cụ già ở Nam Cục)

Hoàng đế của nước Bắc Tống phần lớn đều rất tin vào đạo giáo, những đàn tế lễ rải khắp các châu huyện, ở kinh thành còn mọc lên hơn 300 tòa đền thờ gọi là những cung "Thượng thanh Thái Bình". Những đạo sĩ mũ vàng rồi rít kéo đến, cũng có người tự xưng là thần tiên trên trời, khiến người ta thực khó phân biệt thật giả.

Mùa đông năm Gia Hữu thứ 8 (là năm 1063) lại có một lão đạo sĩ không biết từ đâu đến xuất hiện ở cửa ô kinh thành. Ông lão này người lùn đầu to, trán dô trông giống như một cái bươu. Tóc trắng râu dài, tay cầm một cây gậy cong queo, nghiêm nhiên có phong thái tiên ông. Lão đạo sĩ này không vào cung quán ngủ lại, mà chuyên đến các tửu lâu lấy bói quẻ đoán mệnh cho người ta làm nghề sống. Sau khi dự đoán sự việc có đúng hay sai, đương nhiên chẳng thể chứng nghiệm, song nói tới những việc trước của người ta, như kể ra được những vật báu của nhà họ,

chẳng sai chút nào, khiến người ta không thể không bái phục. Có được tiền bói quẻ, thì lại vào quán mua rượu uống, xem cách uống rượu của ông ta, dầu có uống đến một biển rượu cũng được, người xem chẳng thể không tấm tắc khen là kỳ lạ. Có người hiếu kỳ lên vẽ trộm dáng vẻ cổ quái của ông ta.

Không lâu danh tiếng của lão đạo sĩ truyền đến Hoàng Cung, Tống Anh Tông Triệu Thự mới lên ngôi đang muốn biết mình thọ được bao nhiêu tuổi vội sai người vời lão đạo sĩ vào cung. Lão đạo sĩ trước yêu cầu của hoàng đế chỉ cười mà không đáp lại "xin hoàng đế cho rượu uống. Tống Anh Tông biết ông ta uống được, lệnh cho người ta khiêng đến một thùng rượu quý, nhưng ông ta chỉ uống không đến 7 đấu bèn cáo rằng say rượu rồi đi.

Hôm sau, Ty thiên đài bẩm báo rằng: Đêm hôm qua xem thiên tượng thấy Nam Cực thọ tinh bay đến vùng "đế tọa", chẳng biết bệ hạ đã thấy được điềm gì ?

Ái chà ! Phải chăng ông lão ấy chính là Sao Thọ xuống trần ? Tống Anh Tông kinh hoàng chợt hiểu ra, vội phái người lại tìm lão đạo sĩ, nhưng ông ta đã đi đâu chẳng rõ nữa.

Việc kỳ lạ này được ghi chép trong cuốn "Hiển văn lục" đời Tống, hình dáng lão đạo sĩ được người thời bấy giờ vẽ trộm thì được xem là chân dung của

ông Sao Thọ; lại căn cứ vào đấy mà vẽ ra bức họa cát tường cầu mong trường thọ.

Những vật như con dơi, hươu sao vẽ trong bức họa, lấy hài âm để chỉ phúc và lộc biểu thị được trường thọ mà lại lắm phúc nhiều lộc vậy.

Trong thuyết Tinh Tú của Trung Quốc cổ đại, ông Sao Thọ được gọi là Nam Cực lão nhân, nên bức họa về ông sao thọ cũng được gọi là "Nam Cực lão nhân" hoặc Nam cực tiên ông".

Như vậy ông Sao Thọ ở Hoàng cung uống mấy đấu rượu là có ý tứ gì nhỉ ? Có người phỏng đoán rằng, đấy chính là ngầm nói rằng Tống Anh Tông chỉ có thể sống được tăng ấy năm nữa thôi.

*

* *



LIÊN TRÚNG TAM NGUYÊN (Trúng liên thủ khoa ba đợt thi)

Vương Tăng là một đại thần nổi tiếng thời Bắc Tống, tương truyền phụ thân ông thấy sách vở cũ rách đều đóng, dán lại, một chữ một lời cũng không dám vứt đi. Một đêm nọ, Khổng tử báo mộng cho ông ta: "Ông biết tiếc sách vở của ta như thế, ta sẽ cho Tăng Sâm đầu thai làm con ông".

Sau đó, vợ ông quả nhiên có thai, sinh được một đứa con trai, bởi thế đặt tên là Tăng.

Rõ ràng, bố mẹ của Vương Tăng chẳng có phúc phận nhìn thấy con mình thành tài, khi con mình còn rất bé, cả hai người đều nhiễm bệnh mà mất. Vương Tăng trở thành đứa bé mồ côi, phải dựa hoàn toàn vào sự chu cấp của ông bác, phần chí mà gắng đọc sách, lúc đó có một thương nhân là Phụ Giác từ Nội Hoàng đến Thành Châu, quê hương của Vương Tăng để buôn bán, đoán rằng đứa bé này tương lai sẽ đem lại mối lợi lớn cho mình, vẫn thường mua sách vở bút mực cho nó. Song cũng có nhiều người

cho rằng Phụ Giác là hồ đồ không đâu, thường lấy đó làm trò cười. Những lời dự đoán của Phụ Giác quả nhiên ứng nghiệm. Vương Tăng mới 20 tuổi đã đỗ đầu trong khóa thi hương tức là đỗ giải nguyên. Sau đó được vào kinh tham gia khoá thi do bộ lễ chủ trì, lại chiếm ngôi đầu bảng, được gọi là "Hội nguyên". Lại tiếp sau đó còn có một lần thi đình do Tống Chân Tông tự mình ra đề thi, đề bài là "Hữu giáo vô loại" (nói về việc giáo dục). Sau khi Vương Tăng nộp quyển trong đó có câu văn nổi tiếng "Bẩm báo việc thần tiên, là muốn có thể cầu được ; dặt cỏ đâu biết còn hơi thơm trong lúc nghỉ ngơi", chọn làm bài đỗ cao nhất, tức là đỗ trạng nguyên. Như vậy chàng tuổi trẻ Vương Tăng đã trở thành ông tam nguyên đầu tiên của nhà Tống từ trước đến giờ, có cả giải nguyên, hội nguyên, trạng nguyên leo đến đỉnh chóp của Kim Tụ tháp khoa cử.

Tin mừng truyền về quê hương của Vương Tăng, quan dân sở tại đều xem là vinh dự to lớn nghìn năm khó thấy. Quan tri châu ở Thanh Châu đặc biệt đến quê hương của anh ta, cho treo một tấm biển thếp vàng ghi mấy chữ Tam nguyên phùng (đặt Tam nguyên).

Người hiếu kỳ thì vẽ bức họa có 3 thứ vỏ quế, cành vải và quả hạch đào, lấy hài âm và con số để chỉ tam nguyên có ý liên tục 3 lần đỗ đầu. Những

người cùng làng khua chiêng, gõ trống ra đón tận ngoài cửa thành, chẳng ngờ quan tân trạng chỉ mặc thường phục, vòng đường khác mà vào thành. Ông ta nói : "Tôi là người được đất quê hương nuôi lớn, may trúng liên 3 lần đỗ đầu, lẽ ra phải vì dân vì nước mà vất vả, đâu dám phiền phụ lão hương thôn ra tận ngoài xa để đón ?"

Sau này Vương Tăng đã làm không ít việc tốt cho dân làng. Bức họa "liên trúng tam nguyên" cũng theo giai thoại lưu truyền, phần lớn vẽ sách vở bút mực để gửi gắm mong ước của kẻ sĩ ngày xưa muốn được đỗ đạt cao trong thi cử.

*
* *



SONG HỖ LÂM MÔN

(Hai niềm vui lớn cùng đến cửa)

Người Trung Quốc khi có dịp cưới xin vui mừng, đều ưa dán chữ "Song hỷ" ở cửa vào, cửa sổ, nhà khách và phòng ngủ. Nghe nói tập tục này có quan hệ với nhà đại chính trị, đại văn học thời Bắc Tống, đấy là Vương An Thạch. Tương truyền, mùa xuân năm ấy, Vương An Thạch từ quê hương Giang Tây đến kinh thành Biện Lương ứng thí, giữa đường thấy một nhà giàu sang họ Mã có treo ở trước cửa một chiếc đèn kéo quân, trên đèn có viết nửa vế câu đối "Tẩu mã đăng, Đăng mã tẩu, đăng túc mã đình bộ" (Đèn tẩu mã, ngựa chạy vòng, đèn tắt thì ngựa cũng nghỉ).

Vốn là nhà ấy có một người con gái tài sắc song toàn đang kén chồng, tiểu thư tự mình nghĩ ra nửa vế đối này, thách ai đối được thì sẽ được kết làm vợ chồng. Vương An Thạch thích vế ra ấy ý tứ sâu xa mà lời lẽ khéo léo, Ngâm ái mộ người sáng tác. Song anh ta nghĩ mãi không ra vế đối thích hợp, lại sợ nhỡ kỳ thi đành xếp lại câu chuyện chiếc đèn kéo quân

mà lên đường đến thẳng Biện Kinh; Vương An Thạch vào trường thi, thuận lợi vượt qua 3 cửa ải thơ, phú, văn sách chẳng ngờ quan chủ khảo năm nay là người tinh tường, còn đề ra một lần thi vấn đáp để xem xét sự ứng đối sắc bén. Khi đến lượt Vương An Thạch, quan chủ khảo chỉ lá cờ mảnh hổ cắm ở trước nha môn, ra một vế đối rằng : "Phi hổ kỳ, kỳ hổ phi, kỳ quyển hổ tàng thân" (cờ phi hổ, hổ phi tới, cờ cuốn thì hổ giấu mình).

Vương An Thạch ứng đối mau lẹ, lấy nửa vế đối của tiểu thư họ Mã mà đối lại. Quan giám khảo cả mừng, liên tục khen là cực hay.

Vương An Thạch sau khi ra khỏi trường thi, không đợi kéo bằng đã rời kinh thành, ngày đêm không nghĩ về thẳng nhà họ Mã. Chợt nhìn đèn tẩu mã của cô gái ấy vẫn còn ở đấy, Vương An Thạch đã dùng vế ra của quan chủ khảo để đối lại. Tiểu thư họ Mã nói đối rất khéo, phụ thân của cô ta cũng lập tức cho vời Vương An Thạch làm rể.

Hôm ấy đang lúc làm lễ lạy trời đất, chợt có tin truyền đến rằng: Vương An Thạch đã thi đỗ, bằng vàng đã đề danh ! Đấy thật là đã vui lại càng thêm vui vậy. Vương An Thạch không còn gì vui hơn lập tức cho lấy một vuông giấy hồng hươ bút viết ra hai chữ "hỷ" liên nhau, cho dán ở cửa. Lại viết một bài thơ rằng :

*Khéo đôi thành ra khúc hỷ ca,
Ngựa phi, hổ chạy thực giao hòa
Động phong hoa trúc, tên đề bảng
Tiểu đấng khoa lại đại đấng khoa.*

Chữ "Song hỷ" phản ánh tâm lý mọi người mong
mỗi việc mừng vui sóng đôi cùng đến, rất mau chóng
truyền lan ra, trở thành một phong tục truyền lan
rất có ý nghĩa của Trung Quốc.

*
* *





NHẤT CẨM NHẤT HẠC (Một đàn, một chim hạc)

Triệu Biện là một đại thần nổi tiếng thời Bắc Tống làm quan thanh liêm, người đời thường gọi ông ta là "Long đồ cát học sĩ".

Theo sử liệu thì Triệu Biện thường ngày không lo đến sản nghiệp, cũng không cần danh tiếng. Năm Trị Bình thứ nhất (là năm 1064), Tống Anh Tông lệnh cho ông ra trấn thủ Thành Đô. Ông chỉ mang theo một chiếc đèn Lôi Thị và một con hạc trắng bên mình. Lúc ấy trong nha môn ở Thành Đô vẫn có 10 cô gái nhà lành chuyên giặt giũ may vá, đều gương mẫu làm việc, vẫn là người được quan tri châu trước đây là Trương Vĩnh nuôi dưỡng. Có người thấy Triệu Biện không mang theo gia quyến, chắc rằng sẽ chọn một, hai người phục vụ sinh hoạt hằng ngày. Nào ngờ Triệu Biện bắt họ rút hết khỏi dinh thự, chỉ sống một mình mà thôi.

Quan Tri Châu như vậy, ngoài lúc làm việc còn có lúc nào rỗi nhỉ ! Những nha lại trong phủ vẫn

thấy trưởng quan vẫn vui vẻ được đều lấy làm kỳ lạ. Vốn là Triệu Biện mỗi lúc thư nhàn ngoài giờ làm việc, chỉ cần đọc sách ngâm thơ, hoặc là đốt trầm đánh đàn. Rất khiến người ta phải khâm phục chính là, Triệu Biện làm quan rất thanh liêm, đến như con hạc trắng kia mà ông ta nuôi cũng thanh liêm như nước trong, cuối cùng vẫn không mổ tôm cá ở cái ao trong phủ, cũng không chịu ăn bữa một chút thức ăn do người khác đem đến cho.

Mấy năm sau, Tống Thần Tông lên ngôi, Triệu Biện được triệu về kinh, vẫn là một đàn, một hạc bên mình. Khi vào hầu trong triều, Tống Thần Tông đặc biệt đề cập đến việc ấy rằng: "Nghe nói hiền khanh một ngựa vào đất Thục, chỉ mang theo độc mỗi đàn và hạc". Rồi vội ban lệnh tại chỗ cho các châu, quận trong thiên học, muốn mọi người lấy tác phong ấy của Triệu Biện làm gương, mà 4 chữ "một đàn, một hạc", đã thành ra thành ngữ để ca tụng sự thanh liêm, giản dị của người làm việc ở nơi của quan.

Hình tượng cây đàn và chim hạc trong bức họa "một đàn, một hạc" cũng từ điển cố này mà có, ý nghĩa của nó là ca tụng công đức. Ngoài ra chim hạc trong văn hóa dân gian truyền thống của Trung Quốc, thường tượng trưng cho việc lên tiên trường thọ, còn cây đàn thì vẫn lưu truyền là do thánh

nhân sáng chế ra, có đức của thần tiên hòa hợp với trời đất (theo cuốn Tân luận của Hoàn Đàm) cũng là một khí cụ thần tiên, cho nên bức họa ấy cũng gọi mở ý nghĩa chúc thọ.

*

* *



TUẾ HÀN TAM HỮU

(Ba người bạn mùa đông giá rét)

Năm Nguyên Phong thứ 2 đời Thần Tông của thời Bắc Tống (là năm 1079), đại văn hào Tô Đông Pha (Tô Thúc) đương bị hãm hại, tống giam trong ngục, được Vương An Thạch cứu giúp mới được giảm tội, phải quản chế ở Hoàng Châu. Hoàng Châu tức là huyện Hoàng Cương tỉnh Hồ Bắc ngày nay. Khi Tô Đông Pha làm kẻ tội nhân mới đến đây, tâm tình rất khổ não. Trong bài thơ "Bốc toán tử" (bói quẻ) viết ở Hoàng Châu, ông tự ví mình như con nhạn cô đơn buồn bã lượn trên không, trong lòng vô cùng oán hận song chẳng có ai hiểu cho.

Sau đó không lâu, gia quyến cũng đến đó, bạn bè lại thăm hỏi, tâm tư của Tô Thúc dần dần chuyển biến tốt, song về sinh hoạt lại phát sinh những khó khăn, bèn hướng lên quan phủ Hoàng Châu xin mấy chục mẫu đất hoang để khai khẩn trồng trọt, mong mỗi nhờ đó cải thiện một chút.

Vùng đất này, người ở đây gọi là Đông Pha (sườn núi phía đông). Tô Thúc bèn lấy địa danh ấy mà đặt

biệt hiệu là Đông Pha cư sĩ, sau này đại danh Tô Đông Pha còn có ảnh hưởng sâu rộng hơn tên thật của ông. Tô Đông Pha trồng ở đám ruộng phía đông đủ cả lúa, mạch, dâu, táo, không lâu lại làm rào quanh, tạo ra nhà cửa. Nhà ấy gọi là tuyết đường, bốn bên tường đều có hoa tuyết, ở trong vườn thì mọc đầy những cây như tùng bách trúc mai ; mùa xuân năm ấy, tri phủ Hoàng Châu là Từ Quân Du đặc biệt đến tuyết đường thăm ông ta, có nói trêu rằng : "Ngôi nhà này của ông, từ sáng đến tối, nhìn khắp xung quanh thấy đâu cũng là tuyết. Lúc đang giá lạnh tuyết rơi, dấu chân người khó thấy, phải chăng đã hiểu được cái giá lạnh là thế nào ư ?"

Tô Thúc chỉ hoa cỏ trong vườn, thoải mái cười lớn mà rằng : "Gió và suối hòa tấu, trúc tùng là bạn thân". Có ý nói tiếng gió và tiếng suối góp lên chương nhạc về sự tĩnh mịch, tùng bách cành lá luôn xanh tươi, cây trúc suốt mùa đông chẳng đổi thay và hoa mai như ngạo cùng sương tuyết, chính là ba người bạn thân lúc đông hàn.

Từ Quân Du nghe lời, thấy Tô Thúc lấy ba người bạn thảo mộc để tự khích lệ, quyết tâm gìn giữ tiết tháo cao thượng vượt qua mùa đông rét mướt lưu lại hương thơm, mà bỗng nhiên tràn đầy sự kính phục, từ đó lại càng lưu ý chiều cố cho ông ta.

Bức họa "Tuế hàn tam hữu" gồm tùng, trúc, mai,

nói chung đều thấy ở đĩa chén, xiêm áo và vật kiến trúc. Kẻ sĩ nhân ái lý giải nó, là mượn hình thể ấy mà thể hiện phẩm cách cao thượng ngạo mạn Sương tuyết, lòng băng dạ sắt; còn trăm họ thì thấy ở đấy sự trường xuân bất lão, giá rét chẳng đổi, vẫn vươn dậy một sức sống mạnh mẽ, cho nên "Tuế hàn tam hữu" cũng thành ra hình ảnh tượng trưng sự tốt lành trường cửu mãi.

*

* *



ĐỘNG THIÊN NHẤT PHẨM

(Đá quý bậc nhất)

Mễ Đế là một tài tử lớn thời Bắc Tống, giỏi thơ văn, tinh tế cả về nhận xét, có tài về thư hoạ, lại là người tin theo những điều quái dị, thường có những lời nói việc làm khiến người ta không thể không dị nghị, cho nên có biệt hiệu là "Mễ điên". Ông ta thích sưu tầm những cổ vật về kim loại, đồ đá, hơn nữa lại rất thích những khối đá kỳ dị, về mặt này đã tạo ra không ít lời đồn đại. Theo sử liệu thì khi ông ta làm tri phủ Liễn Thủy, nhân được thuận lợi về địa lợi, đã sưu tầm không ít đá ở Thái Hồ, thường vẫn bày đây những khối đá trong thư phòng, để ngắm nghía thỏa thích, còn để thơ tán dương, phong cho đá những mỹ từ, thậm chí suốt ngày không ra khỏi đấy.

Quan ngự sử Dương Giai giám sát vùng ấy biết được việc này, đặc biệt đến Liễn Thủy trách cứ ông ta : "Triều đình giao phó đất nghìn dặm cho ông, lẽ ra phải dốc toàn lực để làm việc công, còn luôn lo

lăng có sai sót gì, đâu có thể suốt ngày ngắm nghía những khối đá nhĩ ?"

Ông ta cuối cùng chỉ cười hì hì rút từ ống tay áo ra một khối đá kỳ lạ óng ánh để Dương Giai cùng xem, lại bảo "đấy là mỹ thạch, ông thấy lại có thể không yên, không tán tụng được ư ?"

Sau đó không lâu, Mễ Đế lại chọn được một khối đá lớn ở núi Con Giải trong Thái Hồ, như luôn thấm ướt, dáng trực mà lồi lõm, sáng lấp lánh, có hang động đủ cả, thích đến nỗi hua chân múa tay, lúc đó như phát điên, lập tức lấy bút đề mấy chữ "Động thiên nhất phẩm" có ý đẹp đến như thế là cùng cực, đủ đứng đầu tất cả các khối đá.

Đối với khối đá ấy, Mễ Đế như lạc vào một mê cung quên mất chính mình, song trên thực tế còn phải ăn cơm, còn phải ngủ, việc công còn phải làm. Thế rồi đạo yêu đá của ông mỗi ngày càng tăng thêm. Sau khi đã mặc triều phục đằng hoàng, trước tiên đến trước "Động Thiên nhất phẩm" thực hiện đại lễ ba quì chín lạy, sau đó mới bắt đầu công việc một ngày. Tất cả thầy già trẻ lớn bé trong phủ, cả những viên nha lại nữa không thể không che miệng cười rằng : Quả nhiên "Mễ điên" là danh bất hư truyền.

Chuyện Mễ đế lạy đá sau này được người đời vẽ thành bức họa. Dầu sao bức họa này được diễn thành diễm tốt lành trong dân gian cũng có duyên cơ riêng.

Tương truyền khi Đại Vũ trị thủy ở Thái Hồ, dùng búa thần bặt một khối đá lớn chẹn ngang dòng nước, đấy chính là nguồn gốc núi con Giải trong Thái Hồ rất nổi tiếng; một khối đá như vậy được nước hồ mài dũa, đã trở thành khối đá nói ở trên. Bởi thế khối đá Thái Hồ này có cùng thể với khối đá mà Đại Vũ đã dùng búa thần bửa ra, nên có hàm nghĩa là đá thọ.

Mễ Đế lễ bái "Động thiên nhất phẩm" là hướng đến sự lớn lao, cũng là "bái thọ".

Cho nên bức vẽ này đã trở thành tượng trưng cho lời chúc trường thọ.

*

* *



HÒA KHÍ SINH TÀI

(Hòa khí thì sinh vàng quý)

Trình Hiệu là một học giả trứ danh thời Bắc Tống, người đời gọi là Minh đạo tiên sinh. Ông ta trước có làm quan ở trong triều đình. Bởi không hợp chính kiến với tể tướng, bị giáng chức đến vùng biên giới xa xôi. Một mình phiến muộn chẳng vui, thường đến nơi phật tự cùng các lão tăng nói về lẽ thiện và dịch lý, để giải tỏa ưu phiền trong lòng mình.

Có một hôm Trình Hiệu đến phật tự đánh cờ, khi đứng lên, thì trời đã đầy sao, các thầy tăng trong chùa bèn lưu ông ta ngủ lại trong phật điện. Đến nửa đêm Trình Hiệu đang lúc ngủ ngon đột nhiên bị những tiếng lôi kéo soàn soạt làm chột tỉnh bèn thấp nển lại xem, chỉ thấy một con chuột già đang từ trong bụng tượng phật kéo ra một cuộn giấy. Ông ta vội đoạt lấy cuộn giấy trong miệng chuột, đọc kỹ dưới ánh đuốc, vốn là một cuốn Đan thư giảng về phép tu luyện. Thế rồi thâu đêm sao chép lại, rồi trả

lại nguyên kiện như cũ cho tượng phật, hôm sau lại mời người đến vá lỗ hồng ở bụng pho tượng ấy.

Sau đó, Trình Hiệu cứ theo ghi chép ở cuốn Đan Thư, tu luyện không mỗi, mới hơn một tháng, đã có thể cải lão hoàn đồng, tướng mạo tươi trẻ hẳn; bụng oán hận trước đây cũng không biết tiêu tan từ lúc nào. Không lâu học sinh của ông là Tạ Lương Tá đến thăm thầy cũ, trở về nói với mọi người rằng: "Minh đạo tiên sinh hiện nay ngồi cùng một pho tượng đất, đợi người đến đàm đạo, mặt mũi hiền từ, đều là một vẻ hòa khí tự lại". Sau đó không lâu, Trình Hiệu đang bí mật làm theo Đan thư tu luyện, không biết thế nào, cuối cùng lại bị tiết lộ ra. Lại có người nói rằng, phàm những vật chế bằng bạc được đựng đến thì đều biến thành vàng cả. Hoặc nói rằng là do hòa khí chung đúc, nên gọi là hòa khí sinh tài. Lại có người ở trong núi đã nhiều năm tu luyện mà không nắm được then chốt, đã cùng với Trình Hiệu có quan hệ, sau khi nghe chuyện ấy, vội tìm đến xin được truyền thụ. Đợi đến khi gặp mặt, thì Trình Hiệu đã ngồi thiền mà đi vào cõi vĩnh hằng, chẳng nói năng gì được nữa, thật giống như một pho tượng đất. Đạo sĩ tìm thầy học đạo không may kia ân hận suốt ngày, song người sau lại dựa theo truyền thuyết ấy vẽ Trình Hiệu thành một ông phỗng tròn có hình dáng trẻ con mà diêu mạo rất hiền lành, hai tay đang mở một cuộn giấy tượng trưng cho cuốn Đan thư đã thất truyền.

Trên giấy có viết những chữ như "hòa khí sinh tài", "hòa khí cát tường", Bảo tụ tài phong", bức họa lấy đó là mong mỗi cát tường, hòa lạc, viên mãn, hưng vượng, mà tên gọi của bức họa, cũng theo những chữ ghi trên giấy mà biến hóa theo.

*

*

*



TỰ BẢO BỒN

(Chậu sinh của báu)

Thời Nguyên mạt, ở Giang Tô có một người nông dân tên là Thẩm Phú, tên chữ là Trọng Vinh sống ở vùng Ngô huyện, tuy gọi là phú thực ra nhà rất bần hàn, đến như cái vòng bạc mà vợ anh ta đeo trên tay, cũng là của nhà ngoại cho khi về nhà chồng. Song Thẩm Phú có tấm lòng lương thiện, thấy có những việc bắt giết rùa đen, ếch xanh, thấy đều đến ngăn cản, hoặc mua lại rồi phóng sinh cả.

Đêm hôm ấy, Thẩm Phú trong giấc mộng thấy một trăm đứa trẻ mặc áo xanh, xin ông ta cứu giúp tính mệnh. Hôm sau sáng sớm ra cửa, thấy có một ngư ông bắt được 100 con ếch xanh, đang đợi làm thịt. Thẩm Phú bỗng cảm động mà hiểu ra ngay, vội đốc túi mua lấy, rồi đem những con ếch ấy thả xuống cái ao trước cửa. Đương đêm trong ao bỗng rộ lên tiếng ếch kêu, liên tục cho đến sáng, làm cho Thẩm Phú suốt đêm ngủ không yên giấc. Đợi đến sáng, tức thì đến bên ao để đuổi chúng đi. Khi đến gần thoảng

nhìn, chỉ thấy một trăm con ếch xanh đang vây quanh một cái bồn sành, hò hét không thôi, việc lạ kỳ này thực chưa thấy bao giờ.

Thẩm Phú rất kinh ngạc bề cái chậu sành ấy về nhà, để dùng rửa mặt hằng ngày.

Một hôm người vợ của Thẩm Phú đang dùng cái chậu ấy giặt giũ, ngẫu nhiên đánh tuột cái vòng bạc trên tay vào trong chậu. Trong chớp mắt, trong cái chậu sành ấy bỗng xinh đầy ắp những vòng bạc, người vợ kinh hãi thở không được vội gọi chồng đến xem. Thẩm Phú dốc những vòng bạc ra, lại bảo vợ quảng cái trâm bạc cài trên đầu vào trong chậu. Cũng chỉ trong chớp mắt, trước mắt hai vợ chồng là một chậu đầy những chiếc châm bạc. Thực ra đấy là một cái chậu sinh ra báu vật !

Thẩm Phú và vợ mừng vui vạn phần, chẳng thể hình dung được. Từ đó Thẩm Phú dùng cái chậu ấy để sinh ra nhiều vàng bạc, mua ruộng làm nhà, tiền tài hàng muôn triệu, giàu có nhất xứ Đông Nam, lịch sử đời Nguyên mạt gọi là Phú gia bạc nhất Giang Nam, ghi ở cuốn "Bồng hiên biệt ký". Thế rồi gia đình ông ta từ Ngô huyện dời đến Kim Lăng. Theo cuốn "Ngũ tạp trở" ghi lại, Hậu Hồ ngày nay (hồ Huyền Vũ) chính là vườn hoa của nhà ấy; tập tục khi ấy, gọi nhà giàu là vạn hộ, Thẩm Phú được gọi là Thẩm Vạn Hộ, lại dựa vào Ngũ Hành Dịch Lý mà gọi là Thẩm Vạn Tam.

Thẩm Vạn Tam nổi tiếng giàu có lúc bấy giờ; Chu Nguyên Chương khởi binh đánh được Kim Lăng, không lâu muốn lập ra nhà Minh, lấy Kim Lăng làm kinh đô gọi là Nam Kinh. Vị Hoàng đế khai quốc này bận tâm rằng Nam Kinh vốn nhỏ hẹp, quyết định khuếch trương thêm. Nhưng đại loạn mới yên, kho tàng nhà nước trống rỗng, lấy đâu ra nhiều tiền nhỉ ? Có người hiến một kế sách: Thẩm Vạn Tam giàu có sánh được với quốc gia, có thể bảo ông ta quyên góp tiền của để khuếch trương thành trì. Thế rồi Chu Nguyên Chương bèn cho gọi ông ta đến, cùng giao ước với ông ta rằng, nếu hoàn thành việc xây dựng kinh đô, sẽ chia làm hai phần, nửa Đông Nam do Thẩm Vạn Tam phụ trách, nửa Tây Bắc do quốc gia phụ trách.

Ý vua là ý trời, Thẩm Vạn Tam sao dám không tuân chỉ ? Lại nữa ông ta có nguồn bất tận, dùng chậu quý sinh sôi của cải, chẳng lo hết, sẽ hoàn thành được công trình này đúng hẹn.

Việc xây dựng công trình lớn hiếm thấy trong lịch sử do quan và dân cùng chịu trách nhiệm được bắt đầu. Từ năm Hồng Vũ thứ 2 (là năm 1369) khởi công từ tháng 9, đến đúng tháng 9 năm 1375 thì xây xong, kể ra công trình này kéo dài suốt 7 năm; đến khi xây tường thành phía nam do Thẩm Vạn Tam phụ trách thì xuất hiện một việc lạ: theo thiết kế mặt thành ấy xây kiểu thành ống nối liền với 3 mặt

kia, bề mặt rộng một trăm mười tám mét, ở cửa thành chính rộng một trăm hai mươi tám mét, luôn xây luôn đổ, làm thế nào cũng không xây được. Sở thời hạn công trình không kịp hoàn thành, mà như thế có thể bị tội nặng! Thấm Vạn Tam lo nghĩ muốn chết. Vợ ông ta bảo "Nghe nói quân sư Lưu Bá Ôn biết việc 600 năm trước, lại biết việc 600 năm sau, sao không tìm đến ông ta mà thỉnh giáo?"

Thấm Vạn Tam vỗ đùi mà rằng : "Chà làm sao ta chẳng nghĩ đến việc này nhỉ?"

Thế rồi chở theo một xe đầy châu ngọc, Thấm Vạn Tam tìm đến quân sư họ Lưu để xin ý kiến. Lưu Bá Ôn bấm độn rồi nói: "Nhà ông có một chậu quý sinh ra của, mười năm trước bọn ếch xanh mượn của thủy quái để báo ơn ông. Nay thủy quái muốn đòi lại cái chậu ấy, cho nên móc lỗ hổng dưới cửa Nam để đối phó lại ông. Nếu ông mang cái chậu quý ấy chôn dưới tường thành, thì cửa ấy có thể xây xong".

Thấm Vạn Tam mới nghe nói thế, mặt mũi bỗng tái mét, vội sụp xuống đất dập đầu bái lạy. Sau đó theo chỉ giáo của quân sư, đào đất chôn cái chậu kia đi, chà, thật linh diệu ! Thành trì to lớn đều thuận lợi hoàn thành. Từ đó, cửa chính Nam của Nam Kinh được gọi là "Tụ Bảo Môn" (cửa tụ châu báu), đây cũng là lai lịch mà các cụ già Nam Kinh thường gọi "cửa Trung Hoa" thành ra cửa Tụ Bảo.

Cửa Tự Bảo xây xong, bí mật về cái chậu quý của Thẩm Vạn Tam cũng bị tiết lộ ra ngoài thiên hạ có bao nhiêu người ngày mơ đêm tưởng, muốn được lại nhìn thấy nó. Thế rồi muốn thảo nguyện, vẽ ra bức họa "Tự Bảo Bồn": Chậu chất đầy những vàng ngọc, đứng trên đó là một đứa bé, trên đầu có mấy chữ hiển nét "Hoàng Kim Vạn Lạng", tay cầm một lá cờ viết mấy chữ "Nhật Tiến Đẩu Kim" (ngày có đẩu vàng) xung quanh vẽ những vật Bát bảo như ý, để diễn đạt một nguyện vọng, chẳng nói cũng đã rõ.

Bức họa ấy gọi là Hoàng kim vạn lạng "hay Nhật Tiến Đẩu Kim.

*

* *



THỌ SƠN PHÚC HẢI (Núi Thọ, biển Phúc)

Các bậc phụ lão còn truyền tụng rằng, hoàng đế Chu Nguyên Chương lập ra nhà Minh vốn là một chú tiểu ở chùa Hoàng Giác. Vào những năm cuối nhà Nguyên, thiên hạ đại loạn, ông ta cũng lôi kéo mọi người đứng lên khởi nghĩa.

Đương thời hạo hán các nơi dấy binh chống Nguyên như Bành Hòa Thượng, Chi Ma Lý, Quan Tiên Sinh đều nghe theo Tiểu Minh Vương Hàn Lâm Nhi và thừa tướng Lưu Phúc Thông hiệu triệu, nên Chu Nguyên Chương cũng không ngoại lệ. Sau này, những người kia đều tử chiến ở Sa Trường, chỉ có thế lực của Chu Nguyên Chương càng ngày càng lớn mạnh. Chu Nguyên Chương binh nhiều tướng lắm, muốn được xem là đứng đầu, trừ bỏ Tiểu Minh Vương, để tự mình làm Đại Minh hoàng đế.

Chu Minh Vương làm sao trừ khử được Tiểu Minh Vương nhỉ ? Ông ta phải người thân tín vốn là thuộc hạ, là Liêu Vĩnh Trung đến Trừ Châu, nghênh tiếp

Hàn Lâm Nhi và Lưu Phúc Thông đến Nam Kinh là cơ sở của mình, lại ngầm cho Liêu Vĩnh Trung một tờ mệnh lệnh, yêu cầu ông ta trên đường đi phải dìm hai người Hàn, Lưu xuống giòng sông sâu.

Sau khi Liêu Vĩnh Trung nhận lệnh, nghĩ đi nghĩ lại, hiểu rằng làm như vậy rất tổn hại đến lòng trung nghĩa. Cho nên đương lúc hộ giá đội thuyền ngủ đêm ở bến Qua Châu, ông ta tự mình kiếm một chiếc thuyền nhỏ, nhờ đêm tối che chở đưa Hàn Lâm Nhi và Lưu Phúc Thông đến một hòn đảo vắng trong vùng Tiên Sơn. Ngay đêm đó cho đục một lỗ hổng lớn trong thuyền long phượng mà Tiểu Minh Vương vẫn ngồi. Hôm sau mọi người mới phát hiện thuyền long phượng đã chìm dưới đáy sông, chỉ nghĩ rằng Tiểu Minh Vương và thừa tướng đã gặp nạn, vội chạy về Nam Kinh bẩm báo. Chu Nguyên Chương như mở cờ trong bụng bên ngoài thì khóc lóc âm ỉ, lại còn truyền lệnh cho toàn quân để tang hai vị kia.

Chu Nguyên Chương vẫn nghĩ Hàn Lâm Nhi, Lưu Phúc Thông quả thực đã chết đuối ở Trường Giang, lại qui trách nhiệm hộ giá không xong lên đầu Liêu Vĩnh Trung, trị tội ông ta đùa bỡn với chức vụ, giết người bịt khẩu, quan giám sát pháp trường chính là quân sư Lưu Bá Ôn nổi tiếng.

Liêu Vĩnh Trung sợ tội tru di cứu tộc, đương nhiên không dám kêu oan. Song ông ta nghĩ quân sư thông minh quá người ta, chẳng ngại giao bí mật chỉ

có riêng mình biết cho ông ta. Bao quanh pháp trường, đều là những đặc vụ của Chu Nguyên Chương, vậy phải làm gì nhỉ ? Liêu Vĩnh Trung bèn nói có di ngôn muốn dâng lên đại vương, xin quân sư đưa cho ông ta giấy bút.

Lưu Bá Ôn bảo người cầm giấy bút đến. Liêu Vĩnh Trung cầm bút lên, một chữ cũng không viết, lại vẽ một hòn đá ngằm vượt lên sóng lớn, ở bên khóm cỏ linh chi có mấy con dơi bay quanh hòn đá. Sau đó vái chào quân sư, vươn cổ chịu chém.

Lưu Bá Ôn là con người thấu tỏ mọi việc, vừa thấy bức họa đã biết rõ ý tứ : chữ "linh" của linh chi gọi chữ "lâm" của Hàn Lâm, chữ "phúc" gọi Lưu Phúc Thông; đá ngằm trong sóng cả có ý nói đến cô đảo. Cả bức tranh muốn nói rõ: Hàn Lâm Nhi và Lưu Phúc Thông đã được an trí ở một hòn đảo nhỏ trên sông Trường Giang.

Hiểu được ý nghĩa từ bức họa, Lưu Bá Ôn thập phần lo sợ. Ông ta không dám để Chu Nguyên Chương biết rằng mình đã biết rõ đầu mối của việc ấy. Lúc đó bỗng nảy ra mưu cơ, vội cầm bút lên, viết thêm 8 chữ "phúc như đông hải, thọ tử nam sơn" (phúc như biển đông, thọ như núi nam), Sau đó mang đến Chu Nguyên Chương, giải thích rằng đây là khối đá thọ ở giữa biển đông; cỏ linh chi tượng trưng cho ý ấy, con dơi có ý chúc phúc, ý tứ ở đây là người được trường thọ mà có nhiều phúc. Liêu tướng

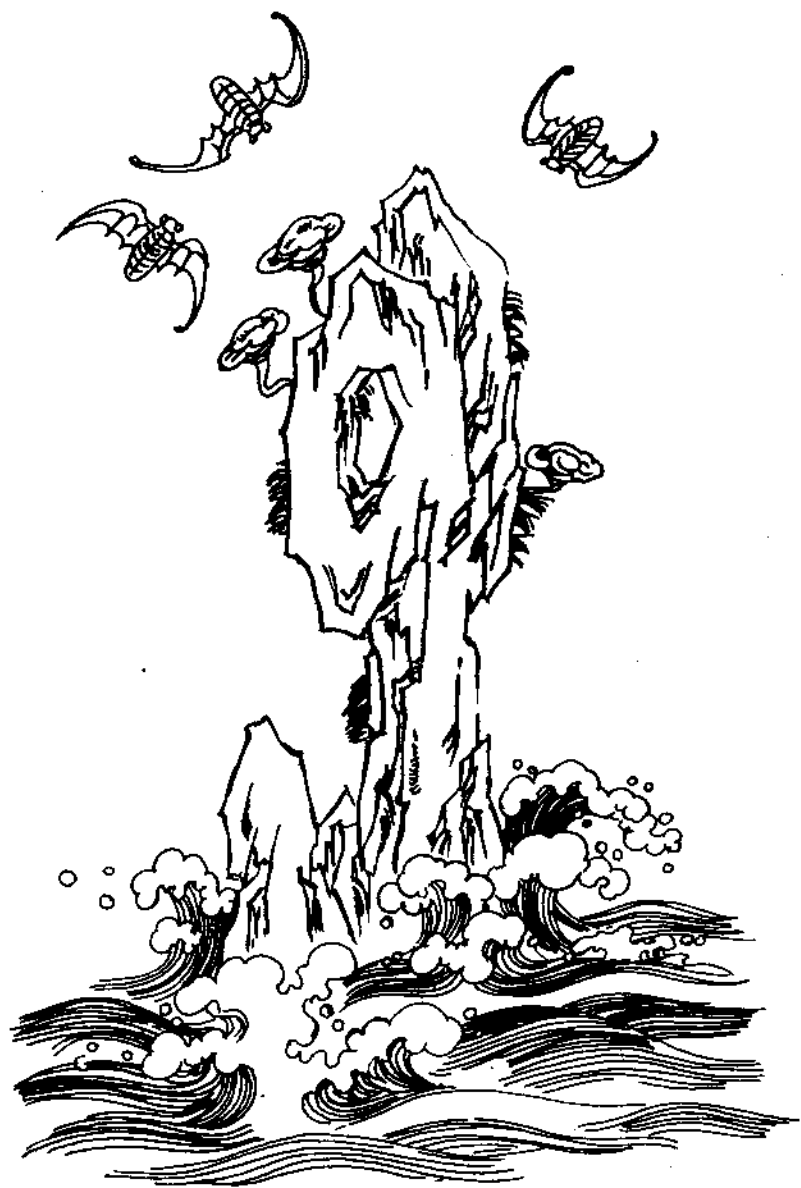
quân chết mà không oán, còn muốn bày tỏ hết lòng trung thành, cầu chúc cho tuổi thọ của đại Vương bền lâu như núi Nam Sơn, phúc vận giống như biển đông bát ngát vậy.

Chu Nguyên Chương đương nhiên biết rằng Liêu Vĩnh Trung là người bị oan uổng, sau khi nghe lời giải thích của Lưu Bá Ôn lại thực sự thương tâm. Thế rồi lệnh cho hậu táng đối với Liêu Vĩnh Trung, vỗ về vợ con của ông ta. Lại lấy bức vẽ đầy làm trang trí, treo ở trong phòng của mình để cầu phúc. Lại nhờ vậy, Hàm Lâm Nhi và Lưu Phúc Thông mới được yên ổn sống giữa nhân gian. Bức họa này cũng được lưu truyền rộng ra, trở thành bức vẽ tốt lành chúc tụng phúc thọ lâu mãi mãi.

*

*

*



PHÚC ĐÁO NHÃN TIỀN (Phúc đến trước mắt)

Khi đón xuân đến, nhiều nhà thường dán ở cửa lớn một chữ phúc lộn ngược, nói rằng đây là phúc đảo nhãn tiền (phúc đến trước mắt) nghe nói tập tục này bắt đầu từ đời Minh. Lại nghe nói rằng sau khi hoàng đế Chu Nguyên Chương lập ra nhà Minh tế trời lên ngôi, phong cô nương họ Mã người Hoài Tây lấy từ thời nghèo hèn làm chính cung Hoàng hậu.

Mã Hoàng Hậu là con nhà nghèo từ nhỏ làm a hoàn bán cho người ta, bởi vậy phải làm nhiều việc lặt vặt, chẳng giống như những tiểu thư khuê các nói chung có đôi chân nhỏ nhắn. Nói chung, những người con gái nhà nghèo lúc đó phần lớn đều như thế, song cô gái chân to làm hoàng hậu rất cục mớ là chuyện mới mẻ lạ kỳ.

Bởi ít thấy, nên có người châm chọc. Tối ngày 30 tháng Chạp năm ấy, nhà nhà trong kinh thành treo đèn kết hoa, vui vẻ đón mừng năm mới. Chu Nguyên Chương cũng muốn nhìn ngắm sự náo nhiệt, bèn

mặc quần áo dân thường lại xén áo lộ cánh tay, từ từ đi đến phố lớn. Đến chỗ này nhìn, mấy chú bé dưới đèn hoa đang đốt pháo cây, đến chỗ kia nhìn, mấy ông già trước đèn lồng đang phỏng đoán điều gì, thực là không khí vạn người cùng vui vẻ.

Chu Nguyên Chương trong lòng vui vẻ, cứ thế bước đi, chợt nghe phía trước truyền đến một trận cười lớn, vội bước đến xem tận nơi. Vốn là có một người đang đứng bên tường phía đông một nhà nọ, xem đèn kéo quân. Trên đèn vẽ một người phụ nữ trung niên cười ngửa, nhìn vẻ ngoài không thể nhầm, chính là người có đôi chân to kỳ lạ, trong bụng còn ôm một quả "tây qua" lớn.

Chu Nguyên Chương từ nhỏ đã thông minh, vốn là tay giỏi giải đố, vừa thấy ý đùa bỡn này đã hiểu rõ: Bức vẽ có ý ám chỉ hai chữ "hoài tây", người đàn bà có chân to trong bức vẽ lại ngồi trên mình ngựa, hàm ý của bức vẽ này phải chăng đã động đến người đàn bà Hoài Tây họ Mã chân to ư? Chẳng nhẽ người kia đã phát hiện ra hàm ý mà cười như thế. Hoàng đế bị chọc giận, nhà này treo đèn kéo quân, mà dám đem hoàng hậu làm trò cười. Được, người khiến ta phải 30 năm không dễ chịu, ta sẽ cho người đầu năm biết thế nào là meo móc! Để sớm hôm sau, sẽ lệnh cho cấm vệ đến bắt người! Trong lòng nghĩ ngợi, chân bước trở về hoàng cung. Lại nghĩ rằng: không được, sáng mai mọi nhà đều cất đèn cả, Cấm vệ bắt

ai đấy ? Bởi thế mà phải bận tâm nghĩ ngợi mãi.

Chu Nguyên Chương quay lại, thông thả đến bên tường đông, lên đến trước cửa lớn nhà ấy. Hai cánh cửa nhà ấy lại giống với các nhà khác, chẳng dễ phân biệt. Nhà ấy cứ theo phong tục cũ, treo trước nhà một chữ "phúc". Hoàng đế nẩy ra mưu mẹo, vươn tay treo ngược chữ phúc, để nó lộn đầu chữ xuống đất. Thế rồi mới bước nhanh về hoàng cung.

Nhìn thấy chồng mặc dân phục ra ngoài trở về, Mã Hoàng hậu bước đến nghênh tiếp. Khi lính hầu thay quần áo cho ông ta mới phát hiện ra rằng, ông ta về mặt đang giận dữ, vội hỏi duyên cớ. Chu Nguyên Chương hăm hăm nói gian thuật lại chuyện vừa xảy, rồi đi ngủ. Mã hoàng hậu là người hiền lành, nghĩ thầm rằng: chính bởi việc nhớ này mà ngày đầu tháng Giêng đã bắt người, vung đao, tạo ra nhiều oan nghiệt vậy ? Có thể chồng mình đã nóng nảy, phải khuyên ông ta hồi tâm chuyển ý cũng chẳng dễ gì. Suy đi nghĩ lại, bà ta cũng nghĩ được một kế, vội gọi mấy người thái giám và vệ sĩ tâm phúc dặn họ ngay trong đêm ra khỏi hoàng cung, bắt mọi nhà ở phố mà Hoàng thượng đến xem đèn kéo quân có treo chữ phúc ở cửa đều phải treo ngược lại.

Ý chỉ của hoàng hậu được thuộc hạ chấp hành rất nhanh chóng. Sáng hôm sau, cảm y vệ phụng thánh chỉ của Chu Nguyên Chương đến thẳng phố

lớn ấy tìm nhà có treo ngược chữ phúc, đều sững sờ thấy trước mắt, trên cửa mọi nhà, thấy đều ngược chữ phúc, cuối cùng bắt ai đây ?

Cầm y vệ trở về hoàng cung bẩm báo lại với hoàng thượng. Chu Nguyên Chương vừa nghe nói biết rằng là do Mã Hoàng Hậu làm ra, đang lúc ngần ngừ không biết làm sao, văn vũ đầy triều cùng vào chầu chúc ông ta một năm mới tốt đẹp. Chu Nguyên Chương bèn đem việc này nói qua một lượt, mọi người đều cùng ca tụng hoàng hậu là người hiền đức, chính là hình tượng thiên hạ thái bình. Nói ra rồi Chu Nguyên Chương cũng hết giận, nói rằng bỏ qua chuyện này, tha thứ cả cho họ. Chuyện này rất mau chóng truyền khắp kinh thành, trăm họ đều nói rằng, đảo chữ phúc lại miễn được một tai họa, thế rồi đều bắt chước theo cả. Từ đấy về sau, phong tục treo ngược chữ phúc từ kinh thành truyền khắp thôn quê. Rồi năm lại qua năm, đã trở thành một truyền thống.

*

*

*



NGŨ LỘ TÀI THẦN (Năm vị thần Tài)

Tập tục dân gian có ngày mồng 5 tháng Giêng tiếp đón thần tài được gọi là ngày lễ "Tiếp lộ đầu". Có người nói đến Triệu Công nguyên soái, như vậy là nhầm. Người dẫn đến việc này, chính là "Ngũ lộ tài thần".

Lai lịch chuyện này như sau :

Nghe nói năm Hồng Vũ thứ 3 đầu thời Minh (là năm 1370), Chu Nguyên Chương cử hành đại lễ phong chức cho các công thần, cấp đất cho tiền, xây nhà dựng cửa, những tướng lĩnh tử trận trước đó thì lập miếu, tăng sắc biểu, chu cấp cho vợ con, nói chung rất náo nhiệt. Song việc này làm không hết nhẽ. Đêm hôm ấy Chu Nguyên Chương nằm mộng thấy vô số binh sĩ quần áo vấy máu, vết thương đầy mình đến tìm ông ta kể lể. Đều nói rằng chúng tôi trước đây vào nơi tên đạn, vì sự sáng lập giang sơn Đại Minh mà tử trận. Nay những người làm quan kia đều được lập miếu thờ, hưởng thụ tế cúng, duy

chúng tôi lại thành ra du hồn dã quỷ không nơi nương tựa, rất không công bằng vậy ! Nếu không mau chóng vỗ về, đừng trách là vô ý làm khó bề hạ. Chu Nguyên Chương nghe vậy rất sợ hãi. Vẫn có câu rằng : "Một tướng thành danh, vạn kẻ xương khô", nay mình có ngồi trên ngai vàng hoàng đế, đã có bao nhiêu xương trắng chất dưới chân nhỉ ? Nếu như họ náo loạn, còn giữ yên được giang sơn không ? Song việc cung phụng cho mấy chục vạn binh sĩ trận vong này, nếu đều do triều đình đảm đương, thực tế là khoản chi rất lớn, rất khiến ông ta đau đầu. Thế rồi đầu óc ông ta có biến chuyển, dần dần tìm được diệu kế mỹ mãn, tức thì nói với chúng quỷ rằng: " Các anh có số lượng rất lớn, trăm chẳng thể kê khai đầy đủ. Chẳng ngại vẫn như xưa còn trong bộ đội, lấy 5 người xếp thành một "ngũ", phân cho các châu quận khắp nơi, như vậy thì chỗ nào cũng có thể nhận được phần cúng bái".

Chúng quỷ đều rất mừng, bái tạ mà từ biệt.

Hôm sau Chu Nguyên Chương ban chiếu khắp thiên hạ: Lệnh cho các châu phủ, hương xã, các nơi lập ra miếu thờ ngũ thần, cho trăm họ bốn mùa tế cúng, song ông ta cũng biết rằng việc cúng tế các binh sĩ trận vong này, trăm họ sẽ làm không đến nơi đến chốn, lại nói rõ là đêm nọ có ngũ lộ tài thần ở khắp đông, tây, nam, bắc đều báo mộng cho mình,

mong rằng thiên hạ dâng lễ cầu phúc, không làm mất đi sự tế cúng này ở các nơi.

Chiêu này quả thực linh nghiệm, từ triều đình đến thành thị, nông thôn đều xây miếu thờ ngũ thần. Sau này lại có "ngũ lộ tài thần" vốn là anh em cùng bọc sinh đôi, lệ cúng vào ngày mồng 5 tháng Giêng được bắt đầu, đây là tập tục diễn ra làm mọi người trong hôm đó khua chiêng, đốt pháo đua tranh đón tài thần, gọi là lễ "Tiếp lộ đầu".

Lại có người sợ cướp không được lộc tế, vội vẽ dán bức họa "ngũ lộ tài thần" ngay từ đêm mồng 4 trên vách nhà mình.

*

* *



TỨ HỖ HỢP CỤC

(Bốn chữ Hỷ hợp lại)

Vào đầu đời Minh vùng Cát Thủy tỉnh Giang Tây nảy sinh một thần đồng tên là Giải Tấn, thiên tư đỉnh ngộ, mới lên năm tuổi, mà đã thông hiểu cả tứ thư ngũ kinh. Sau khi hoàng đế biết chuyện, cho người đưa thần đồng đến hoàng cung để khảo xét tại chỗ, tám tác khen ngợi không thôi, lại đặc biệt hứa trở về tại Cát Thủy sẽ cùng với những người đồ tú tài vào học trường riêng của huyện để bồi dưỡng thêm tài năng.

Hương sư trường huyện nghĩ rằng, đứa bé này phát tích quá sớm, phải giảm bớt sự phấn khích của nó đã.

Giải Tấn được ông bố dẫn đến trường huyện nhập học. Theo lệ, trước phải vào Minh Luân Đường bái lạy thần tượng Khổng Tử. Bậc cửa nhà Minh Luân rất cao, bạn nhỏ cố mãi không qua được. Hương Sư thích chí, cười mà rằng : "Thần đồng tức đoản" (thần đồng chân ngắn). Giải Tấn ứng khẩu

rằng : "Thánh nhân môn cao" (cửa thánh hiền cao). Người nghe vỗ tay, đều nói là rất huyền diệu.

Ông bố của Giải Tấn vội mắng con là vô lễ, rồi công chú bé vào trong nhà Minh Luân. Hương Sư vẻ mặt lạnh nhạt, nghiêm giọng mà rằng : "Khởi khả tương phụ tác nữa ?" (Sao xem cha là ngựa) Giải Tấn ở trên lưng bố cười hì hì đáp rằng: "Chỉ nhân vọng tử thành long !" (Bởi muốn con hóa rồng !). Các tú tài xung quanh đều cười ầm lên, Hương Sư cắn răng không nói được lời nào nữa.

Mấy ngày sau, ngoài cửa đông thành huyện có giống lúa lạ xuất hiện, Hương Sư lệnh cho mỗi học sinh đều phải vẽ một bức họa tốt lành. Giải Tấn vẽ một bức "Như ý linh chi" (cỏ linh chi như nguyện), Hương Sư nói là rất tầm thường, lại vẽ một bức Nghênh phúc nạp cát (đón Phúc lành) Hương Sư lại nói chưa có ý mới. Giải Tấn biết ông ta cố ý làm khó, nên đặc biệt vẽ ra một bức vẽ có hai bé gái chụm vào nhau thành 4 đầu 8 chân. Hương Sư nhìn thấy cười thầm: Chuyện này có thể dạy dỗ nó được rồi !

Ông ta tập trung toàn thể học sinh trong nhà, Minh Luân cầm ra bức họa kia sảng giọng hỏi Giải Tấn rằng : "Huyện nhà có giống lúa lạ, quan dân đều mừng, người vẽ quái thai ấy, trong lòng nghĩ gì vậy ? " Giải Tấn nói đấy là bức họa "Tứ hỷ hợp cục" (Bốn chữ hỷ hợp lại).

"Thế hả" Hương Sư vội hỏi lại bằng giọng oai vệ: "Xưa nay chỉ nghe nói đến "Song hỷ" cùng gặp. Lại đã có bức họa "đồng hỷ" (cùng mừng). Ngược lại nói lằng nhằng, tứ hỷ là nghĩa làm sao?"

Giải Tấn chẳng chút hoang mang đáp rằng : "Có bài thơ đã viết rằng :

*Cửu hạn phùng cam vũ,
Tha hương ngộ cố tri,
Động phòng hoa trúc dạ,
Kim bả quải danh thì.
(Nắng hạ gặp mưa ngọt,
Quê người thấy bạn bè,
Đêm động phòng nên sáng
Bả vàng tên mới đề)*

Đây là bốn cái mừng cùng thấy một lúc trong đời" Hương Sư chẳng biết làm sao, sau đó không dám bắt bẻ Giải Tấn nữa.

Từ đó bức họa vẽ bé gái liền thể được mọi người hoan nghênh, thường dùng để chúc mừng sinh nhật, lấy đó mà kí thác mong muốn đứa bé mới sinh có cuộc sống may mắn không ngừng.

*

* *



KHÔI TINH ĐIỂM ĐẦU (Khôi Tinh điểm bút)

Lục Thâm là một danh sĩ văn học đời Minh là một người hiền tài đất Thượng Hải, ở con đường cũ mà nhà họ Lục đã ở phía nam Thượng Hải ngày nay, bởi sự tích cũ mà đặt tên là Học Sĩ Đệ (phố Đại Học Sĩ)

Tương truyền Lục Thâm khi còn trẻ, thiên tư thông minh, rất ham đọc sách, nổi danh là thần đồng ở địa phương. Ông, cha của Lục Thâm đều là người đọc sách lại chưa toại nguyện khoa cử, cho nên gửi gắm ở cậu bé rất nhiều.

Trước cửa phòng sách của Lục Thâm, có trồng một cây mẫu đơn, mỗi năm chỉ ra mấy đóa hoa. Đến mùa xuân năm Hoàng Trị thứ 14 (là năm 1501) cây mẫu đơn ấy đột nhiên nảy một trăm đóa hoa, điểm lệ phi thường, người nhà đều xem là việc hiếm có. Mùa thu năm đó Lục Thâm lấy tư cách tú tài đến Nam Kinh thi cử nhân. Đến khi treo bảng, ông ta được đỗ đầu. Tin mừng báo về gia đình ở Thượng Hải, mọi người trong lúc vui mừng, đều xem việc này có liên

quan đến hoa mẫu đơn nở rộ, nói đấy là điềm lành báo trước cho việc vui mừng. Lục Thâm nghe vậy chỉ bấm bụng cười, vẫn ngày đêm mài kinh sử. Năm thứ hai, Lục Thâm lại đến Bắc Kinh dự thi, đây là kỳ thi tiến sĩ. Trường thi tiến sĩ mở ở Cống Viện Bắc Kinh, khi Lục Thâm đến Cống Viện xem báo danh, thấy có người bày hàng ở cửa, bán những tranh vẽ khắc gỗ. Trên bức vẽ là một tiểu quỷ mặt xanh, một tay cầm nghiên mực, một tay cầm bút, một chân đứng trên con giao long, một chân giơ lên, như viết chữ Đẩu (cái đầu). Từ đó gọi ý tứ là chữ Khôi viết thảo (đổ đầu).

Bức vẽ này có ý tứ gì nhỉ ? Lục Thâm hỏi lại người bán tranh. Người đó bảo với ông ta, đấy gọi là bức vẽ "Khôi tinh thích đầu" (Sao Khôi đá chân) Tương truyền Sao Khôi là thần chủ tế về khoa cử, cây bút trong tay ông ta, chuyên điểm họ tên những người đỗ đạt. Nếu ai mộng thấy Sao Khôi người ấy sẽ là người may mắn ở trường thi. Hình tượng Sao Khôi được vẽ thành người đứng một chân trên đầu giao long, một chân đá lên gọi chữ đầu, trong bức vẽ có ý nói Khôi tinh để ý đến "riêng chiếm được đầu rồng" Cho nên "riêng chiếm bảng rồng", cùng nghĩa với người đoạt trạng nguyên.

Câu chuyện mới mẻ này chưa hề nghe nói đến bao giờ. Lục Thâm liền nghĩ đến cây mẫu đơn năm ngoái nở rộ trong vườn nhà, liền bảo người bán tranh

bán cho bức vẽ ấy, mang vào trường thi, dán bên chỗ ngồi của mình, mong mỗi lại được may mắn. Nhưng đợi đến hết kỳ thi, khi ra khỏi Cống Viện, bỗng phát hiện bức họa kia đã mất tự bao giờ.

Một bức tranh khắc gỗ, giá trị chẳng mấy đồng tiền, Lục Thâm cũng chẳng để ý đến việc ấy. Hai ngày sau, ông ta đến chỗ người bạn mới kết thân trong kì thi này để thăm hỏi, thấy người bạn đang cầm bức vẽ ấy mà ngắm nghía. Lục Thâm nhìn kỹ bức vẽ, chà, kỳ thật, đây chính là bức vẽ mà mình đã mất đó ư ?

Lục Thâm vội hỏi người bạn, bức họa từ đâu đến vậy ? Người bạn nói, hôm qua ở ngoài cửa thấy có một đứa bé cầm chơi bức họa này, bèn dùng kẹo để đánh đổi. Lục Thâm nghe vậy, trong lòng chợt buồn rầu, hiểu đại khái là điểm báo trước mình với anh ta sẽ là một còn một mất ở kỳ thi này.

Không lâu bảng vàng đề tên những người đỗ đạt được treo lên. Lục Thâm quả nhiên không đỗ, mà người bạn kia thì đỗ cao.

Lục Thâm sau đó từ Bắc Kinh trở về Thượng Hải, cùng người trong nhà kể lại chuyện mua tranh mất tranh, mọi người đều ca thán không thôi.

Lại qua 3 năm nữa, Lục Thâm lại đến Bắc Kinh dự thi. Lần này chưa mua bức họa Khôi tinh, đã mộng thấy Khôi tinh. Đến khi treo bảng, tên tuổi

của Lục Thâm được ghi ở vị trí thứ nhất của nhóm đệ nhị giáp (tức là đồ hoàng giáp). Những việc kể trên, hẳn là truyền thuyết do người sau phụ họa.

Dấu sao bức vẽ "Khôi tinh điểm đầu" và phong tục người đọc sách tôn thờ Khôi tinh đã sớm có từ thời Tống, vẫn lưu truyền đến khi chế độ khoa cử chấm dứt ở cuối đời nhà Thanh.

Trong Hồng Lâu Mộng, chẳng đã có chuyện Giả Mẫu tặng cho Tần Chung bức tượng Khôi tinh đó ư ?

*

* *



TRÚC BÁO BÌNH AN

(Trúc nổ báo bình yên)

Truyền thuyết nói rằng vào thời cổ đại, trong dãy núi phương nam có một loại quỷ hủi mặt người thân khỉ, lại chỉ có một tay, một chân, người ta gọi là "Sơn Tiêu" hoặc "Sơn Tao". Lông đen mắt đỏ, tóc dài che thân làm tổ trên cây, vòm cửa chỉ cao mấy tấc, song khắp quanh tổ đều dùng đất đỏ hoặc đất trắng bôi trát. Đặc trưng rất dễ nhận biết. Người vào núi săn bắn, chặt cây, và hái quả, nhìn thấy cái cây có tổ trắng đỏ ấy, đều lánh cho thật xa.

Sơn Tiêu thích bắt tôm cua trong khe suối để ăn. Sau này thấy người vào núi nấu nướng thức ăn, thập phần lấy làm lạ, vội nạt người chạy khỏi đấy, cũng bắt chước người ta, cho tôm cua vào đồng lửa, đợi người thấy mùi thơm mới ăn, ra vẻ rất thích thú. Lại sau này, nó còn biết rằng lửa nướng có thể chống được rét. Thế rồi Sơn Tiêu không biết giữ lửa, bắt đầu cướp lửa của người ta. Đầu tiên là tập kích người vào núi có lửa, dần dần ra khỏi rừng, nhằm

những thôn ấp có người ở mà quấy nhiễu. Nhất là những khi mới bắt đầu mùa rét, Sơn Tiêu ra khỏi rừng đánh người để lấy lửa cuối cùng trở thành ông lớn đáng sợ mà mọi người mỗi khi nhắc đến thường kinh sợ không thôi.

Có một số người không dám vào núi chặt cây, khi nấu nướng thiếu củ đun, bèn dùng những cây trúc rào quanh nhà thay tạm. Dần dần, mọi người phát hiện, Sơn Tiêu đặc biệt sợ những tiếng nổ lộp bộp phát ra khi đốt cây trúc, vừa nghe những tiếng ấy, nó đã kinh hoàng bỏ chạy, chẳng dám ngoái đầu lại, hơn nữa một thời gian dài không dám xuất hiện nữa.

Từ đó, mọi người có kế hay nạt quỷ Sơn Tiêu, vào mỗi dịp cuối năm giá rét, bèn đốt những cây trúc gây nổ, để tạo ra thanh thế, khi vào núi săn bắn chặt củi, cũng mang theo một số ống trúc ném vào lửa để gây nổ. Nghe nói lúc giao thừa hàng năm, quỷ Sơn Tiêu rất thích ra ngoài chơi. Cho nên mọi người lại cử hành nghi thức nổ trúc mang tính rộng rãi, để mong được bình an, bởi mọi người đều tin quỷ mị hại người đã bị nạt mà bỏ chạy cả.

Năm lại qua năm, thủ đoạn và nghi thức nổ trúc đuổi quỷ, dần dần diễn ra thành phong tục truyền thống "tống cựu nghênh tân" (khử cũ nghênh mới), cho đến khi người ta phát minh ra thuốc súng dùng làm vật nổ để thay thế việc nổ trúc, vẫn gọi là nổ

trúc, ghi nhận công năng độc nhất vô nhị nổ trúc
đuổi quỷ Sơn Tiêu xưa kia.

Thế rồi bức họa Trúc báo bình an thể hiện đề tài
mấy đứa bé đang diễn lại trò nổ trúc, ngoài việc đuổi
tà quỷ mong mọi thanh bình, còn có ý nghĩa làm tăng
thêm không khí vui vẻ cho ngày tết.

*

* *



THẦN ĐỒ – ÚC LŨY

(Thần Đồ và Úc Lũy)

Theo cuốn Thần tiên thông giám ghi chép: Trong biển Đông mênh mông có một ngọn núi Sóc Sơn, trên núi có một cây đào lớn gốc gác cong queo, cành lá xum xuê, tán trùm một khoảng rộng ba nghìn dặm.

Ở góc tây nam của trạc cây đào, có một lỗ hổng lớn gọi là cửa thần, do một vị thần tướng gọi là Thần Đồ canh giữ. Phàm có Tà thần vào núi lấy trộm đào, Thần Đồ dùng kiếm gỗ đào chém, chém ngang cổ họ, dùng cành đào xuyên má họ, vút xuống biển. Ở góc đông bắc trạc cây đào, có một gốc lớn gọi là cửa quỷ, do một vị thần tướng gọi là Úc Lũy. Phàm có ác quỷ đến thế gian làm hại người tốt, Úc Lũy bèn dùng cung đào bắn vào mặt mũi nó, dùng cỏ lau trói nó lại, ném vào trong hang núi cho hổ ăn.

Dẫu sao hai vị thần tướng canh giữ hai cửa thần quỷ này, vẫn không có thể tùy thời phát hiện mà trừ diệt toàn bộ được những hung thần, ác quỷ.

Thế rồi hoàng đế lệnh cho người trong thiên hạ phải thờ cúng hai vị thần này ở mỗi dịp lễ trừ tịch, đồng thời vẽ bức họa cây đào và hai vị thần dán ở cửa, lại lấy cỏ lau, cành đào và hai cây đèn tượng trưng cho mắt hổ, để trấn tà thần, ác quỷ đến nhà tác oai tác quái gọi là bức họa Thần Đồ - Úc Lũy.

Như vậy bức họa Thần Đồ - Úc Lũy trở thành bức vẽ cát tường đã có từ rất lâu trong lịch sử tín ngưỡng dân gian, phản ánh nguyện vọng người xưa mong cầu bình an cho gia đình, đẩy lùi tai họa.

*

* *



TAM TINH TẠI HỘ

(Tam Đa trong một nhà)

Những người già thường nói rằng, Tử Vi Đại Đế thường ở vùng Nguyên Chân, Bắc Hải chuyên quản việc cho người ta phúc vận, gọi là Phúc Tinh; Văn Xương Đế Quân ở vùng Tử Đông, Tây Thục chuyên quản việc cho người ta công danh lợi lộc, gọi là Lộc Tinh; còn Đan Lãng Chân Nhân thì ở Tiên Đảo, Nam Cực, chuyên quản việc giúp người ta kéo dài tuổi thọ, gọi là Thọ Tinh.

Dẫu sao, họ có 3 phương khác nhau, chỉ có đến dự yến tiệc mừng thọ Dao Trì của Tây Vương Mẫu thì mới có dịp tụ họp.

Trong quá khứ, trăm họ ở vùng phía đông đều có tập tục tháng Giêng tế Tử vi, tháng hai cúng Văn Xương, tháng bảy bái lạy Đan Lãng, chẳng có lễ chung cúng cả 3 vị.

Nghe nói lai lịch thờ Tam Đa, đã có chuyện kể như sau. Xưa kia, có một thương nhân bán hàng hóa phía nam, chuyên bày trò làm sai cán cân để dùng

vào việc bán hàng, định ra cân lạng riêng, có khi được nhiều, có khi được ít, tích lũy ngày tháng, chỉ tối mắt vì tiền, chẳng biết thù oán nhiều biết chừng nào. Loại người ấy có thể không phát tài ư ? Sau khi phát tài, mua ruộng làm nhà, lấy nàng hầu, phong lưu chẳng kể xiết, việc bái tạ thần tài lại càng thêm kính cẩn.

Thấm thoát 30 năm trôi qua, dần dần mà lụn bại cả. Chịu tội nhiều nhất chính là ba người con của ông ta. Người con cả đi buôn, chẳng phải là thuyền muối đắm ở sông, mà là một ngày hỏa thiêu hết kho tàng khiến vốn liếng mà ông bố trao cho đều bị mất hết. Phải nói rằng người con này chẳng có phúc. Người thứ hai gắng công dùi mài sách vở, tiến sinh ất hẳn sẽ "kim bảng đề danh" nhưng mới vào trường thi, chẳng phải tay chân co rút, mà là mắt mờ không thấy gì, chẳng viết được một đoạn văn chương. Phải nói rằng người con này không có lộc. Người thứ ba rất được bố mẹ yêu mến, chưa trưởng thành đã phải chết yếu.

Lão gian thương trong lòng rất đau đớn, giậm chân đấm ngực, khóc lóc chửi mắng, quở trách cả thần tài, nói thực là vong ân phụ nghĩa. Đêm ấy thần tài báo mộng, bảo ông ta đây là kết quả ông ta làm sai lệch cân cân. Cái cân vẫn được người dùng là do đức vua Phục Hy theo luật lệ mà chế ra, người 4 phương khắp 4 mùa, cứ 16 lạng xem là một cân

(cách cân cũ của Trung Quốc), lại lấy Nam Đẩu Lục Tinh, Bắc Đẩu Thất Tinh và Phúc Lộc Thọ Tam Tinh cùng trông coi việc ấy. Người luôn luôn sửa cân chống đối quân tinh, ngày tháng tích lũy, sớm chế khắc Tam Tinh ở cân cân, cho nên mới có báo ứng như thế. Nếu như vẫn làm như thế, thì đắc tội với Đẩu Tinh, còn phải gánh tai họa vô cùng nữa.

Lão gian thương bỗng quỳ xuống vội cầu xin các thần Tam Tinh, sớm tội lễ bái cầu xin ba vị thần tiên thứ tội.

Phố xá không biết duyên cớ việc ấy, nhưng thấy phương thức mới hợp tế này, đem lại cả trường thọ, phú quý, công danh lợi lộc trong một nhà, thế rồi cũng học mà làm theo. Từ đó về sau, bên cạnh phong tục tế tam tinh vào ngày mồng 1 tháng Giêng, lại có thêm bức vẽ "tam tinh tại hộ" thường được treo vào dịp đầu năm.





CHIÊU TÀI LỢI THỊ (Chiêu bài Lợi Sự)

Thời xưa các thương gia vùng Trung Nguyên, có tập tục vào dịp mồng 2 tháng Giêng âm lịch dán ở trước cửa hàng bức họa "chiêu tài lợi thị" hay còn gọi là "Lợi thị tiên quan" hay "lợi thị bà quan" (vị quan làm lợi cho phố xá). Thực ra chữ "lợi thị" là nói nhại từ chữ "Lợi Sự". Khi người xưa làm việc vui mừng, ưa dùng giấy đỏ phong tiền thưởng cho gia nhân, hoặc làm tiền mừng, bảo là cát lợi, bởi thế mà gọi là "Lợi sự" (tiền lì xì), sau này được viết ra thành "Lợi thị".

Ngày nay người ta thường gọi phong bao giấy đỏ là Lợi sự, Lợi thị (hoặc lì xì), duyên có đều từ truyền thống này. Dẫu sao, Lợi sự của phong bao giấy đỏ tiền thưởng, làm sao lại biến thành bức vẽ cát tường "chiêu tài lợi thị" nhỉ ? Thực ra ở đây có những giả tưởng vẫn được lưu truyền. Nghe nói trước đây rất lâu, người buôn bán phần lớn thiếu đức tốt, chỉ biết vụ lợi, bớt xén cân lượng, lại có người lừa gạt, bị đồng tiền nhuốm đen. Thế rồi lan truyền những câu như

đã buôn phải gian, vụ lợi làm đầu.

Thổ địa, Thành hoàng, Táo quân, Gia thần dưới hạ giới, tâu lên nhà trời, đều không ngớt chỉ trích thương nhân gây oan nghiệt quá lắm. Ngọc hoàng đại đế nổi giận, ngầm lệnh cho thần Lược Loát xuống trần, bắt các thương nhân dưới đó, phá sản hoàn toàn, cùng quần mới thôi.

Chức vụ chính thức của thần Lược Loát gọi là Thiên Tào Chân Quân chuyên trừng phạt việc làm của những nhà buôn giàu có. Sau khi phụng chỉ, ông ta nghĩ ra được ngay một phép màu. Các thương điểm lúc đó toàn khai trương vào ngày 2 tháng Giêng, thần Lược Loát quyết định ngày hôm đó xuống trần, chỉ cần nhà buôn nào mở cửa, thấy đều bắt cả, ngay hôm đó dẫn về trời xét xử.

Chủ ý đã định, thần Lược Loát bèn tìm đến người bạn thân của ông ta là Đẩu Công uống rượu. Đẩu Công và Đẩu Mỗ nghe nói Ngọc Hoàng có chỉ thị ấy, đều cho là hồ đồ : "Phải chăng đã buôn bán đều là gian thương cả ? Đâu có thể chẳng phân biệt xanh đỏ trắng đen, đều cho bắt cả ?"

Thần Lược Loát nói : "Tai nghe là hư, mắt thấy là thực. Các vị chẳng ngại gì cứ đi xem thử. Nếu thực có người hiền lành thì cho họ một tờ biểu dán ở trước cửa".

Đẩu Công, Đẩu Mỗ xuống dân gian, thử đến nơi

chợ búa, cửa hàng. Quả thực là ở khắp nơi, mắt thấy toàn là việc thương nhân háms lợi quên nghĩa khiến họ không khỏi than thở.

Vẫn trên đường đi, hai người vào một cửa hàng nhỏ bán bánh hấp, chủ cửa hàng thấy có khách vào vội hớn hở ra đón : "Mời hai cụ ngồi, có muốn ăn bánh chứ ?"

Đầu Công, Đầu Mỗ trong lòng thấy vui vẻ : "Chà, vẫn thấy được người không xem thường người già đây".

Đầu Công hỏi : "Ông làm bánh hấp to thế, bán được mấy tiền một chiếc ? "

Chủ quán nói : "Năm tiền một chiếc, nếu mua hai chiếc chỉ lấy 9 tiền thôi".

Đầu Mỗ lấy làm lạ hỏi : "Tôi thấy bánh của người ta nhỏ hơn của ông, ít ra cũng bán được 7 tiền một chiếc, vì sao ông bán không được giá ?"

Chủ quán đáp : "Thực không dám giấu, tôi bán 5 tiền một chiếc, khấu trừ vốn liếng, công xá đã lãi được 2 tiền rồi !"

Đang nói như thế, một đứa bé chạy vào trong cửa hàng cũng mua hai chiếc bánh, chủ quán lại thu của nó có 8 tiền. Đầu Mỗ hiểu kỳ hỏi : "Vì sao ông lại bớt cho nó một tiền nhỉ ?"

Chủ quán nói : "Nhà người ta là cô nhi, quả mẫu,

đều dựa vào may vá nuôi miệng, tôi lại có thể so kè một tiên làm lợi ư ?"

Đầu Công cười lớn : "Hay, hay ! Nghĩa nặng hơn lợi, đạo lý là ở đấy. Ôi ! Chỉ tiếc trong số những người buôn bán, người như thế này thực ít, cho nên đạo trời mới phải bắt tội họ. Bây giờ, ta cho ông mấy chữ "Lợi Sự" (việc có lợi), đợi đến ngày mồng 2 tháng Giêng sang năm ông dán nó trước cửa quán, sẽ có thể tránh được tai họa". Nói rồi ông ta bảo chủ quán đưa một mảnh giấy đỏ, lấy bút vẽ hình ảnh ông ta và Đầu Mẩu, rồi giao cho chủ quán. Lại dặn rằng : Thiên cơ chẳng thể tiết lộ.

Chủ quán vừa nhận được mấy chữ "Lợi Sự", thì Đầu Công, Đầu Mỗ đã biến mất. Chủ quán biết rằng vừa gặp chân tiên vội bày lễ tế trời, cầu phúc. Song người đó có tâm thiện vội chạy đến các nhà buôn khác thông báo phép tránh họa ấy. Có người tin, lập tức cũng phỏng theo bức "lợi sự" mà vẽ ra, từ đó cứ theo qui củ ấy mà buôn bán. Cũng có người không tin, cho rằng người không ngang ngửa không giàu, lại còn nói, từ xưa đến nay chưa nghe đến chuyện ngày mồng 2 tháng Giêng, phải dán lão Đầu, lão Mỗ ở trước cửa.

Thấm thoát ngày mồng 2 tháng Giêng đã đến, thân Lược Loát từ sáng sớm đã xuống trần, cứ theo lệnh mà bắt bớ, phàm những cửa hàng trước cửa có

dán hình ảnh Đẩu Công, Đẩu Mỗ thì đều mỉm cười mà bỏ qua. Đến cuối năm, những người dán giấy đỏ lợi sự đều kiếm được nhiều tiền, người không dán, nhẹ thì sút kém một chút, nặng thì phá sản. Bắt đầu từ đây mọi người mới biết phải giữ đạo đức mới bền, cũng hiểu được cái hay của việc dán "Lợi sự" vào ngày mồng 2 tháng Giêng, dần dần hình thành phong tục hàng năm là bởi như thế. Nhiều năm về sau, "Lợi Sự" được đọc trệch thành "Lợi thị", cũng gọi là "Chiêu tài lợi thị" riêng đối với người không rõ lai lịch thần tiên, thì truyền nhau là "Lợi thị tiên quan" hoặc "Lợi thị bà quan".

Sau này người chuyên vẽ Lợi thị, lại vẽ họ thành một đôi nhi đồng nam nữ trông rất đáng yêu.

Dương nhiên, những người buôn một lòng nghĩ đến kiếm nhiều lợi bằng bất cứ giá nào vẫn còn nhiều ở nhân gian. Biện pháp của họ là tránh ngày thần Lược Loát xuất hành, đợi đến ngày mồng 5 tháng Giêng mới mở cửa hàng.

*

* *



NHẤT GIA CHI CHỦ (Ông chủ một nhà)

Đâu như vào đời nhà Thanh có một nhà nọ sống bên sông Hoàng Hà. Ông chủ họ Trương tên Đan, người vợ gọi là Khanh Ky, sinh được 6 người con, trai cày bừa, gái dệt củi chăm chỉ suốt ngày cũng đủ sống.

Cũng không biết đã nghe ai xúi giục, Trương Đan bỗng nhiên không muốn làm ruộng nữa, lại muốn đến phủ Bảo Định để buôn bán. Khanh Ky nói, nhà mình cùng ở một nơi tốt hơn, các con cái cũng không phải sống xa bố. Nhưng Trương Đan cố ý không nghe, cuối cùng vẫn ra đi.

Trương Đan đem ruộng đất và bò cày trong nhà bán lấy tiền làm vốn, chỉ để lại cho Khanh Ky và các con ba gian nhà tranh vách đất, một cái khung dệt vải. Từ đó gánh nặng sinh hoạt của cả nhà, đều đè lên vai Khanh Ky. Bà ta suốt ngày suốt đêm thay mọi người dệt vải, đánh đổi lấy miếng cơm cho các con nhỏ lót dạ. Các con biết chuyện, tuy còn nhỏ

tuổi, cũng học kiếm rơm rạ, nuôi gà ấp, cắt cỏ cho dê, giúp mẹ gánh vác một phần. Những ngày gian khổ vừa qua, xem ra còn dễ chống cự. Cái chính là người vợ nghĩ đến chồng, các con nhớ cha, mong muốn đâu có thể được. Nhưng Trương Đan ra đi đã ba năm đến tin tức cũng chẳng có. Mùa hè năm ấy, sông Hoàng Hà dâng nước lớn, cuốn hết toàn bộ nhà cửa, khung dột của nhà ấy, may mà Khanh Kỵ sớm dắt các con chạy đến gò cao mới còn giữ được tính mệnh của cả nhà. Sau khi nước lũ rút, nhiều người đều phải tìm đến thân thích để nương nhờ. Các con của Trương Đan nói với mẹ: "Chúng ta cũng đến phủ Bảo Định tìm bố đi !" Họ cùng đám đông lưu lạc trên đường, sau một hai tháng, nếm đủ trăm cay nghìn đắng, rốt cục còn may mắn ở bước đường cùng, đến được phủ Bảo Định. Mới nghe nói, thực không gì mừng hơn, vốn là Trương Đan đã trở nên giàu có, mở ba cửa hàng lớn ở phủ Bảo Định, đang ở trong đại viện rất khang trang. Khanh Kỵ mừng rơi nước mắt, vội dẫn các con đến tìm cha. Nào ngờ Trương Đan sớm thay lòng đổi dạ, chẳng những lấy người vợ trẻ tuổi, đến cả những con của mình cũng trở mặt không nhận. "Một bọn bần cùng từ đâu đến nhận là con à ?" Trương Đan trở mặt, lệnh cho bọn côn đồ như hùm như sói, túm lấy Khanh Kỵ và các con xé nát quần áo, rồi đuổi ra khỏi đại viện, sau đó đóng chặt cửa lớn, náu mình không ra phố nữa.

Các con có khí chất, thà theo mẹ xin ăn cũng không đến chỗ người bố tàn ác nữa. Trái lại những người láng giềng nơi Trương Đan ở thấy thế, chẳng ai không chửi hằn là đồ lương tâm bị chó ăn mất. Tiếp đó, người cho mấy cái quần áo, người cho vài quan tiền, người cho một giỏ cơm, tất cả đều giúp họ chút ít để quay về nhà.

Sau khi họ về đến quê cũ, mọi người đều xấn tay, lập lại nhà, khai khẩn ruộng đất trên dốc núi, đổ mồ hôi công sức, quên mình làm lụng, dần dần qua được những ngày đói kém. Sau này 6 người con đều khôn lớn, đều gương mẫu, lại khỏe mạnh cần cù, nhiều nhà đều muốn làm thông gia. Các con chẳng thể xa rời mẹ, đều yêu cầu nhà trai làm nhà mới ở bên nhà mình dưới chân núi. Kết quả vùng ấy trở thành một hộ lớn rất hưng vượng. So với những ngày khốn khổ cô đơn thiếu ăn thiếu mặc hằn Khanh Kỵ đã mãi nguyện chứ ? Không, bà vẫn thường ngồi một mình bên bếp lửa mà than thở rằng mọi việc đều tốt đẹp, chỉ thiếu ông chủ của một nhà. Cũng chẳng trách làm gì, người phụ nữ thời xưa nhiều người có tư tưởng như vậy: Nói tóm lại đã là người chồng trong nhà, dầu người ta có tốt hay xấu đều phải nghe theo người ta cả.

Các con gái và chàng rể biết mẹ vẫn mong Trương Đan hồi tâm chuyển ý, đều bảo mẹ thật ngờ nghệch: Ông ta ở phủ Bảo Định mặc những gấm vóc, ăn

những mỹ vị, còn nhớ đâu đến chỗ bần cùng này, để làm vai trò ông chủ của một nhà ? Người đời có câu "năm ba mươi ở Hà Đông, năm bốn mươi ở Hà Tây", nhiều việc cũng đã biến hóa như vậy. Trương Đan trước đây xưa đuổi vợ con đi, sau đó vận xúi ập đến trước cửa. Trong 3 năm, mỗi năm có một trận cháy lớn, cả 3 nhà mặt phố đều bị thiêu sạch. Tiếp đó, người vợ bé xinh đẹp của ông câu kết với kẻ ác bá, gian phu dâm phụ cùng thông đồng, đẩy Trương Đan mắc vào vòng oan uổng nơi cửa quan. Đợi đến khi hết tù tội được thả ra, đại viện và người vợ xinh đẹp đã bị kẻ ác bá kia chiếm mất. Bản thân lại bị đau mắt chẳng có tiền chữa, gần như là kẻ mù lòa. Trương Đan năm xưa máng chửi cốt nhục của mình là kẻ bần cùng, giờ đây tự mình phải ngửa tay xin ăn để sống. Ông ta chẳng còn mặt mũi nào ở lại phủ Bảo Định để người ta chỉ trích rằng ác giả ác báo, phải lưu lạc tha hương, thực là chẳng khéo chẳng thành sách: Hôm ấy, lão già thông manh kia lại về quê cũ của mình mà không biết, còn mò đến trước nhà Khanh Kỵ mà giập đầu van xin. Hoảng hoảng hốt hốt, thấy có một bà lão ngồi bên bếp lửa đang châm củi vội huơ gậy bước đến: "Đáng thương, đáng thương vậy, thưa bà tôi mấy ngày chưa ăn một hạt cơm..."

Bà lão ấy lại chính là Khanh Kỵ, vừa nghe những tiếng quen thuộc của người xin ăn thì vội kinh hãi. Nhìn kỹ một chút, thất thanh mà bảo

rằng: "Ông chẳng phải là người bố của bé gái đấy ư ?"
" Nghe nói vậy, làm 6 người con đều kinh động chạy cả đến. Trương Đan muôn vàn chẳng ngờ rằng trước mắt mình bà già này cuối cùng lại là người vợ của mình thừa xưa, ấp úng hỏi: "Bà, bà, bà chính là Khanh Ky ư ?"

"Là tôi đây" Khanh Ky vừa kinh ngạc vừa mừng vui, khóc mà nói: "Bố bé gái, ông cuối cùng đã hồi tâm chuyển ý mà tìm về đến nhà..."

Trương Đan còn có mặt mũi nào đứng đó nhỉ, nhanh như con mèo, chui ngay vào trong bếp củi. Lão bà và các con vội chạy đến kéo ra, làm thế nào cũng không lôi ra được, kẻ sâu muộn ấy đã chết giữa lòng bếp lửa. Hôm ấy, chính là ngày 24 tháng Chạp âm lịch.

Trương Đan chết rồi, Khanh Ky lại rất thương tâm, lại nhờ người vẽ dung mạo của người chồng thành một bức vẽ, rồi dán ở trên vách nhà bếp nơi người ấy đã liêu mình, lại viết 4 chữ "Nhất gia chi chủ" lên đấy. Mỗi năm đến ngày 24 tháng Chạp lại cho bày một chút rượu thịt có thêm hương đăng để nhớ ngày mất của ông ta. Xóm giềng thấy ông lão ấy được dán hình trên bếp đều xem là kỳ lạ. Khanh Ky cũng không nói đến việc ông ấy đến nhà mình xin ăn, lại sâu muộn mà nhảy vào chết ở trong bếp, bèn thác chuyện mà nói với họ rằng đây là Táo Vương

Gia do nhà trời phái xuống, chuyên quản lý chuyện của mỗi nhà. Chuyện tốt, chuyện xấu đều do ông ta nắm bảo với ngọc hoàng đại đế. Nhà nào làm được việc tốt, Ngọc Hoàng sẽ lệnh cho tiên nữ đem đến cho họ thêm may mắn tốt lành. Nhà nào có những việc xấu, Ngọc Hoàng sẽ lệnh cho thần sấm đến phạt, hỏa thần đến thiêu hủy, quỷ ôn dịch đem tai họa đến nhà !

Xóm giềng nghe vậy, bán tín bán nghi lại hỏi bà ta: Nếu quả thực là thần tiên trên trời phái xuống, thì phải tứ thời, bát tiết đều cung phụng đủ. Sao lại chỉ bày ra việc cúng tế ông ta vào ngày 24 tháng Chạp nhỉ ? Hỏi đến việc ấy, có thể động đến nỗi đau của Khanh Ky, nên bà ta trả lời cho qua chuyện rằng : "Hôm ấy là ngày Táo Vương Gia lên trời, để bảo bảo với Ngọc Hoàng đại đế"

Những người già nghe những chuyện quỷ thần mê tín, đều tin là có, không dám tin là không. Sau lúc về nhà, họ đều nhờ người chiếu theo hình tượng Trương Đan nháy vào bếp lửa, vẽ thành Táo Vương dán trên vách bếp. Lại có người chiếu theo công năng của Táo Vương Gia mà Khanh Ky đã giới thiệu, viết thêm mấy chữ "Nhất gia chi chủ", ngoài ra còn viết một đôi câu đối, dán ở hai bên Táo Vương Gia, nói rằng "Thượng thiên ngôn bảo sự, hạ giới bảo cát tường" (lên trời nói việc tốt, xuống trần giữ điều hay)

Tập tục này ngày mỗi lan rộng, lưu truyền từ đời này sang đời khác. Cho đến hôm nay, vẫn có một số nhà dân bức họa Táo Vương Gia trên vách bếp.

Người ta đâu biết rằng nguyên hình của ông ta, rốt cục chỉ là một kẻ phản bội, không có đất dung thân mới phải chui vào trong lòng bếp như thế?

*

* *

一家之主



TỔNG TỬ QUAN ÂM

(Quan Âm đưa trẻ con đến)

Các thiện nam tín nữ nói, sông Lạc Thủy thời xưa, sông rộng sóng dữ, thuyền bè qua lại thường bị sóng gió cuốn trôi mất. Có một lần đức Quan Âm qua đây, mắt thấy một thảm họa gió làm đắm thuyền, tức thời phát tâm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn, tạo phúc giúp đời, quyết làm một cây cầu qua sông Lạc Thủy. Làm cầu qua sông Lạc Thủy công trình rất lớn, chi phí rất tốn kém, đức Quan Âm xưa nay không có tài sản riêng lấy đâu ra nhiều tiền như vậy nhỉ!

Bồ Tát bồng nãi ra diệu kế : ý niệm đã có, bèn biến thành một cô gái chèo đò, giúp người ta qua sông để thu tiền. Quan Âm bày ra việc qua sông, con thuyền tự nhiên là được ổn định nhanh chóng, cho nên việc làm ăn đặc biệt thuận lợi. Song con thuyền ấy rất bé, mỗi lần chỉ chở được vài người, bởi thế Quan Âm tuy đã nhiều ngày vất vả với sóng gió sông Lạc Thủy, số tiền chở đò kiếm được còn lâu mới đủ để làm cầu.

Lúc ấy, tin tức có một cô gái chở đồ trên sông Lạc Thủy rất xinh đẹp đã truyền lan khắp nơi các vương tôn công tử nghe tiếng rổi rít tìm đến, ai nấy đều tỏ ra giàu sang, phóng khoáng trước cô gái, muốn lấy được cô ta. Quan Âm thấy các Thiếu gia ấy đầy những hơi tiền đồng bên mình, chợt có linh cảm, nhếch mép cười mà rằng : "Có nhiều người cầu hôn như vậy, khiến tôi biết theo về đâu ? Thế này vậy, tôi sẽ chèo thuyền đến giữa sông, các anh ở trên bờ lấy bạc nén mà ném vào tôi. Ai ném bạc ném trúng vào người tôi, tôi sẽ theo người ấy ".

Các công tử đều vui vẻ, vội chạy đi chiếm những vị trí tốt trên bờ sông, tranh nhau ném trước những thoi bạc nén về phía Quan Âm. Khỏi phải nói những thoi bạc nén đều rơi vào trong thuyền song không chạm vào người Quan Âm, dẫn đến những chuỗi cười lớn của trăm họ đứng đầy trên bờ sông mà hò reo huyên náo.

Thực khéo, Thuần Dương Chân Nhân Lã Động Tân cũng đi qua đây, thấy hai bờ sông Lạc Thủy người đông như kiến, phụ thêm sự huyên náo, vội đến xem có gì náo nhiệt vậy. Lã Động Tân là chân tiên, thoáng nhìn đã biết chân tướng của cô gái, ông ta cũng vào hòa trò chơi của Quan Âm, bèn xúi giục một gã trẻ tuổi phóng đặng "anh còn chưa có vợ, sao không thử vận may đi ? "

Gã ấy còn chưa dám nhập cuộc, trong túi chỉ có

một quan tiền, không dám vội vàng. Lã Động Tân cười mà rằng: "Anh cứ ném ra đi, ném không trúng, tôi đền anh một quan tiền !"

Gã tuổi trẻ vốn ngưỡng mộ cô gái lái đò xinh đẹp, nghe Lã Động Tân nói vậy bèn hăng hái hẳn lên, móc ra một đồng tiền, nhằm về phía cô gái trên thuyền mà ném đi. Đợi cho đồng tiền của anh ta rời khỏi tay, Lã Động Tân lập tức thổi tiền khí. Chà thật linh diệu, đồng tiền ấy bắn thẳng về phía trước, không một chút sai lệch rơi ngay vào tay Quan Âm. Tức thì, hai bờ sông Lạc Thủy những tiếng reo hò như sấm, đều nói chẳng ngờ rằng một gã bán cùng lại gặp may như thế. Lã Động Tân thấy đã thành công lớn, vội nhân cơ hội rối loạn mà đi khỏi đấy. Quan Âm thấy đã bị người ta khám phá ra mình, song một lời Bồ Tát nói ra, phải giữ cho được chữ tín. Thế rồi đành đem đầy thuyền bạc nén giao cho người làm cầu, lại dẫn gã trẻ tuổi tên gọi là Vi Đà kia về Phổ Đà Sơn, đặt đối diện Liên Hoa Bảo Tọa, là một người thân tín gần gũi không phải vái lạy như mọi người, đấy tức là căn nguyên Vi Đà được đứng gần Quan Âm trong điện thờ Quan Âm ở Phổ Đà Sơn. Dẫu sao, chỉ nhờ một đồng tiền, mà có thể tu thành chính quả, Vi Đà đã thỏa nguyện lắm rồi.

Lã Động Tân biết Quan Âm đã xử lý việc hôn ước như thế, lại chạy đến Phổ Đà Sơn, nhập vào giữa những người đang thắp hương lạy Phật để tìm niềm

vui. Ông ta chen lấn đến trước mặt Vi Đà, Bồ Tát hỏi: "Này, còn nhớ người mối lái này không ? " Vi Đà thoáng nhìn, vội gật đầu lia lịa. Lã Động Tân nói: "Lão bà của anh lúc nào mời ta ăn hồng nhỉ ?" Quan Âm đã nghe thấy những lời của ông ta, lúc này mới biết rằng ngày họ bị đồng tiền của Vi Đà ném trúng, vốn là lão mũi bò kia trêu đùa, lại vui vẻ nói rằng : "Chỉ cần anh ngày đêm giập đầu tụng kinh trước ta, ta sẽ bảo lão bà của anh ta mời anh ăn hồng !" Câu chuyện này được những người thấp hương nghe thấy, một truyền mười, mười truyền trăm, kết quả nhiều người cầu tự đến trước Quan Âm cầu nguyện, lại còn vẽ thành bức họa "Tống tử Quan Âm" để gửi gắm những mong mỏi tốt lành về chuyện con cái.

*
* *



THIÊN NỮ TÁN HOA (Tiên nữ rắc hoa)

Câu chuyện này được ghi chép trong cuốn kinh phật "Duy Ma Kinh".

Duy Ma Cật là "Đại thừa cư sĩ" sống cùng thời với Thích Ca Mâu ni, thường lấy kể bệnh làm lý do, để tuyên dương Đạo Đại thừa trước xá lợi phật và Văn Thù được Thích ca phái đến.

Hôm nay Bồ Tát và các đệ tử đang tụ tập ở Phật đường, nghe Duy Ma Cật giảng đạo. Một tiên nữ phụng mệnh Duy Ma Cật, tiến lên phía trước, đem các sắc hoa nhà trời như Thiên Vũ, Mạn Đà La, Ma Ha Mạn Đà La, Mạn Thù Sa rắc về phía mọi người.

Khi những bông hoa bay đến thân mình Bồ Tát, thấy đều rơi xuống đất. Còn những bông hoa chạm vào các đệ tử, thì đều bám dính cả. Các đệ tử rất sợ rắc rối, đều thể hiện thần lực muốn bắt những đóa hoa bám vào mình phải rơi xuống, song chẳng thể được.

Thế rồi thiên nữ hỏi Xá Lợi Phật, vì sao những

đóa thiên hoa không dính được vào Bồ Tát ? Đáp rằng: Bởi nó không dính nổi thân uy của pháp lực cho nên phải rơi cả. Song những đóa hoa dính bám vào thân thể của đệ tử phải giải thích như thế nào nhỉ ? Phải chăng những đóa thiên hoa biết phân biệt.

Lúc ấy Di Ma Cật mới nói: Chẳng thể nói thiên hoa không dính nổi pháp thuật, thiên hoa cũng không có chỗ phân biệt. Mà là người ta tự sinh ra quan niệm phân biệt. Thể hiện ở sự ứng dụng Phật Pháp thì có chỗ phân chia rõ ràng. Có phân biệt thì pháp lực không thuận, không phân biệt thì pháp lực thuận tòng. Thiên Hoa sở dĩ không có thể bám được vào Bồ Tát, là bởi Bồ Tát đã đoạn tuyệt tất cả quan niệm phân biệt. Còn các đệ tử quan niệm phân biệt chưa hoàn toàn đoạn tuyệt, tham sống sợ chết, cho nên thanh sắc hương vị mà thiên hoa có đủ vẫn bám được vào mình ví như đoạn tuyệt phân biệt, chẳng còn lo nghĩ gì thì tất cả những ham muốn chẳng làm gì được.

Xem cách Duy Ma Cật lệnh cho thiên nữ rắc hoa, là muốn mượn đó để khảo xét việc hành đạo của Bồ Tát và các đệ tử, cùng giải thích quan niệm về sự không phân biệt. Song những người ở hồng trần, lại mê mẩn với dung nham kiêu diễn của thiếu nữ rắc hoa và cảnh tượng mỹ lệ lúc đó, lại lấy đó làm đề tài cho bức họa cát tường, trong đó ký thác mong mỗi tốt lành thiên hoa tung bay khắp chốn, nhân gian cùng được vui vẻ.



THIỆN TÀI ĐỒNG TỬ (Chú bé Thiện Tài)

Cuốn "Hoa nghiêm kinh" có chép, ở Phúc Thành có một vị trưởng giả, sinh được tất cả 5 người con trong đó có một người lúc mới sinh, có nhiều châu báu hiện ra tự nhiên, nên thầy tướng đặt tên cho là Thiện Tài.

Sau này Văn Thù Bồ Tát đến Phúc Thành, có đến ở làng La Lâm phía đông thành giảng đạo. Chú bé Thiện Tài đến trước Văn Thù thỉnh giáo Phật pháp, Văn Thù bảo chú bé đi về phía nam, đến các vị tri thức mà thỉnh giáo, vốn là nhà Phật gọi bạn bè là tri thức, giải thích là ta với người cùng nhận biết, ví như với người thiện, thì bởi họ "nhận biết thiện", với người ác, thì bởi họ "chỉ thấy ác". Chú bé Thiện Tài theo những lời chỉ bảo của Văn Thù lần lượt bái kiến Tỳ Khưu Đức Vân, Tỳ Khưu Thiện Trụ, Trưởng giả Di Gia v.v... gồm 53 vị thiện, cuối cùng nhờ đó mà hiểu được pháp giới. Đức Quan Âm chính là người thứ 27 trong số 53 vị mà Thiện Tài yển kiến, Quan

Âm đã giảng cho chú ta hiểu nguồn gốc đạo pháp về duyên cớ mà dân gian cho rằng Thiện Tài được đứng hầu cạnh Quan Âm, trong kinh Phật tựa hồ không có ghi chép. Lại có một thuyết khác, cho rằng khi nhà Phật cử hành Pháp Hội Quan Âm, có hai người Pháp sư nhỏ tuổi cầm đèn đứng ở phía trước, một trong hai người ấy là Thiện Tài Đồng Tử. Song căn cứ vào danh hiệu, lại nói là về diện mạo của họ, giống như Thiện Tài là đệ tử Văn Thù mà thôi; như thế nhân gian đã nhầm lẫn khi xếp Thiện Tài được đứng hầu cạnh Quan Âm.

Ở núi Phổ Đà cũng có một truyền thuyết khác về chú bé Thiện Tài, kể rằng chú bé ấy lúc còn nhỏ đã chẳng có bố mẹ, phải dựa vào gánh nước giếng thuê mà sống. Có một lần, chú bé mò được ở trong giếng một cái bình nhỏ, sau khi đập vỡ đã giải phóng cho xà tinh bị nhốt ở trong bình lấy oán trả ân, nó muốn ăn chú bé cho đỡ đói. Đúng lúc ấy, Quan Âm chạy đến, lại nhốt xà tinh vào trong bình, rồi thu chú bé làm đồ đệ, mang về núi Phổ Đà cho tu luyện. Chú bé Thiện Tài vốn là một nhân vật Phật giáo, sở dĩ được xếp vào những tranh Cát tường dân gian Trung Quốc, then chốt chính là do cuốn "Hoa nghiêm kinh" có ghi chép, khi chú bé ra đời có rất nhiều châu báu tự nhiên tuôn ra, lại do có được vị trí theo hầu cạnh quan Âm mà biến thành một nhân vật độc tôn có

tính chất tài thần; mà nó lại còn được xem là hình tượng gắn với việc gặp gỡ 53 người thiện, lý giải của bức vẽ này, cuối cùng là động tác dâng hiến vàng bạc đến trước cửa những ai có thiện tâm.

*

*

*



THƯỚC KIỀU TƯƠNG HỢP

(Nhịp cầu Ô Thước gặp gỡ).

Các câu chuyện Mạnh Khương Nữ, Lương Chúc, Bạch Xà Nương và Ngưu Lang Chúc Nữ, là bốn truyền thuyết dân gian lớn của Trung Quốc, bức vẽ cầu Ô thước gặp gỡ, là căn cứ vào câu chuyện Ngưu Lang, Chúc Nữ mà vẽ ra.

Tương truyền, Ngưu Lang là chú bé nghèo khổ, từ nhỏ đã mồ côi cha mẹ, anh trai và chị dâu ghét bỏ anh ta, đưa ra việc chia nhà. Khi chia nhà, người anh giữ lại nhà cửa, ruộng đất và gia súc loại tốt, chỉ cho người em một gian nhà cỏ, ba mẫu ruộng xấu, và một con trâu già. Từ đó, Ngưu Lang và trâu già sống dựa vào nhau, từ sớm đến tối, chăm chỉ cày bừa qua những ngày sống chẳng được no đủ. Ngưu Lang mỗi ngày một khôn lớn, còn trâu già thì mỗi ngày một già yếu, muốn bước không nổi nữa. Có một hôm khi Ngưu Lang đang cho nó ăn cỏ, nó đột nhiên nói được rằng: "Tôi chẳng bao lâu nữa sẽ chết, sau khi tôi chết, ai sẽ cùng anh làm bạn nhỉ? Anh nên lấy vợ đi".

Ngưu Lang ôm lấy cổ trâu già, thương tâm rơi lệ: "Tôi đã đến mức nghèo hèn như thế này, ai muốn ở cùng với tôi nữa nhỉ?"

Trâu già bảo anh ta : "Cách đây không xa, có một con sông, các cô gái thợ dệt của nhà trời thường đến sông ấy tắm. Anh trước hãy máu mình trong bụi lau bên sông, nhằm trúng cô nào, thì giấu quần áo của cô ấy đi, cô ấy sẽ không về trời được nữa.

Ngưu Lang cứ theo lời ấy mà làm, trước lúc trời tối chạy đến chui vào bụi lau bên sông. May thay, quả nhiên có một đám con gái, cười mây ngũ sắc, từ trên trời bay đến bên sông, ai nấy vội trút quần áo rồi xuống sông tắm. Ngưu Lang ngấm trúng được cô gái đi cuối cùng, đợi cô ta xuống sông, vội cầm quần áo của cô ta đi, giấu vội dưới mấy hòn đá trên bến sông.

Các tiên nữ tắm giặt xong, muốn trở về trời. Chỉ có cô gái kia, bởi không tìm được quần áo của mình cứ một mình tìm bới trên bến sông, có vẻ sốt ruột. Lúc ấy Ngưu Lang chạy đến đứng trước cô ta dốc hết những lời ái mộ, còn nói nếu như nàng không muốn cùng mình sống những ngày nghèo khổ thì trả quần áo cho nàng, để nàng quay về trời.

Chức Nữ bị lời đề nghị chân thành của Ngưu Lang làm cảm động, đồng ý theo anh ta về nhà. Từ đó Ngưu Lang thì trông trọt, Chức Nữ thì dệt vải, cuộc sống rất chi ân ái, lại còn sinh được một trai,

một gái. Còn bác trâu già kia, bởi Ngưu Lang không muốn nó phải làm việc sinh ra suyễn thở, lại có việc làm, thường để bọn trẻ con cưỡi ở trên lưng cùng rong chơi quanh đó.

Ở nhân gian ba năm, trên trời mới là ba ngày. Sau ba ngày, việc trong số những cô gái dệt bị thiếu một người, bị Công tào phát hiện, vội bẩm báo với Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng nghe nói thế, dùng Thiên Lý Nhân nhìn khắp hạ giới thì thấy Chức Nữ đang cùng ở với Ngưu Lang dưới phàm trần.

Nữ tiên của nhà trời đều thuộc Tây Vương Mẫu quản lý, Ngọc Hoàng cho mời Tây Vương Mẫu lại để bà ta giải quyết giúp. Vương Mẫu giận mà nói rằng : "Tuy nói Chức Nữ chỉ là một nha đầu dệt vải. Song tốt xấu gì cũng là tiên cả, sao có thể làm vợ người phàm trần được ? phải lập tức bắt ngay nó về!".

Thiên tướng nghe lệnh truyền cưỡi mây xuống trần, bắt ngay được Chức Nữ đang làm việc bên khung cửi, lôi thẳng lên trời. Chức Nữ vội gào to: "Ngưu Lang, Ngưu Lang". Ngưu Lang làm việc ở ngoài ruộng nghe thấy tiếng kêu vội ngẩng mắt lên nhìn, không hay rồi! vội chạy bộ như bay, đuổi theo phía sau. Trâu già bỗng thấy như thế cũng vội chạy đến, lại công hai đứa mà chạy, bọn trẻ lại gào khóc "mẹ ơi, bố ơi!".

Vốn là Ngưu Lang có thể lập tức đuổi kịp thiên

tướng để giữ vợ lại. Song trâu già chạy không được nhanh. Anh ta vừa lo cho vợ, lại vừa lo cho con nên chạy hơi chậm lại một chút. Nói thì chậm, diễn biến thì rất nhanh, Tây Vương Mẫu đứng ở cửa trời quan sát thấy Ngưu Lang đang đuổi đến, vội rút chiếc trâm vàng ở trên đầu, vạch vào trời xanh, bỗng hiện ra sông Ngân Hà sôi sục sóng lớn, ngăn cách vợ chồng con cái nhà kia, mỗi người ở hai phía sông Ngân Hà. Từ đó Chức Nữ và chồng con cách trở sông trời, chỉ biết ngóng nhìn mà đợi.

Tình cảnh ấy khiến người ta khó chịu đựng nổi, đến như loài chim Hỷ Thuộc cũng rất bất bình. Thế rồi chúng cùng giao hẹn với nhau vào tối ngày mồng 7 tháng 7 âm lịch hằng năm cùng tập trung ở sông Ngân Hà cắn đuôi, đan cánh, làm thành một cây cầu Thuộc kiều bắc qua mặt sông, để Ngưu Lang và Chức Nữ gặp nhau ở trên cầu.

Đây là ngày Tết tình nhân của Trung Quốc, là căn nguyên ngày Tết Thất Tịch (đêm mồng 7).

Những cô gái ở trên đời này thường qua vào tối ngày mồng 7 thờ cúng Chức Nữ, xin học ở cô ta sự thông minh khéo léo để giúp mình thành ra thực nữ. Còn các nhi đồng lại ưa vào lúc đêm vắng ấy, náu mình dưới giàn dưa, giàn đậu ván, để nghe trộm những lời tha thiết khi Ngưu Lang và Chức Nữ hội ngộ.

Bức vẽ cát tường thể hiện Ngưu Lang và Chức Nữ hoan hỉ trên cầu Ô Thước đã trở thành mong mỏi nhân duyên tốt lành của nhân gian.





CÁT KHÁNH HỮU DU (Cát Khánh giàu có)

Hình tượng ba đứa bé bê cá chép, rất được dân chúng tán thưởng mỗi khi nghe nói hoặc nhìn thấy. Có một câu chuyện nhỏ kể về lai lịch việc đó như sau.

Người già vẫn kể rằng, vào thời Hán ở bên sông Hoàng Hà có một đứa bé nghèo khổ tên là Cát Khánh dựa vào việc gánh lưới mà sống. Cát Khánh bẩm sinh giỏi bơi lội, dè sóng rẽ nước cứ như giẫm trên đất bằng. Hành khách ngồi thuyền có vật gì rơi xuống sông, anh ta đều có thể tìm về đầy đủ, song ngoài việc ấy thì không muốn lấy vật gì trong sông nước cả, có người khuyên anh ta rằng cá chép sông Hoàng Hà thịt thơm ngon, nổi tiếng thiên hạ, sao anh không bắt mấy con đem bán lấy tiền, có phải là hơn cả gánh gồng vất vả không ? Anh ta lắc đầu nói rằng tôi từ nhỏ uống nước sông mà khôn lớn, nay lại dựa vào sông nước mà có cơm ăn. Cá chép chẳng làm hại gì tôi, tôi sao nỡ nhẫn tâm làm hại cá chép nhỉ ?

Thế rồi không ít người đều chê cười gọi Cát Khánh là "Cát Sĩ".

Một đêm Cát Khánh mộng thấy một đứa bé mặc áo hồng, chỉ như quần vải trên mình mà thôi, chạy đến phía anh ta, luôn miệng xin cứu mệnh; Đang muốn giơ tay ra thì chợt tỉnh.

Sáng hôm sau, Cát Khánh đến bên sông chuẩn bị lưới kéo, đang thu thập thùng lưới ở trên bến sông, bỗng nhiên thấy một con rắn nước lớn đang lao đến phía con cá chép đỏ đang quẫy trong vùng nước. Nói thì chậm, diễn biến thì nhanh, chỉ thấy Cát Khánh cúi ngay xuống, vung tay một cái, cứu được cá chép ở trước miệng rắn. Con cá chép ấy ở trong tay anh ta lại như rướn cổ mở miệng, hai bên mang xoè ra cụp vào, có ý muốn nói. Cát Khánh vội nghĩ đến giấc mộng đêm qua, bỗng động tâm, vội bưng nó về ngôi lều cỏ của mình ở bên sông, nuôi nó trong một vại nước, lại còn cho nó ăn một chút bánh nữa.

Đêm đến, Cát Khánh mỗi một không chịu nổi nữa với thùng lưới lôi kéo suốt ngày trở về ngôi lều cỏ, muốn nhìn thấy con cá chép ấy ngay. Chà trong vại không còn cá chép nữa, lại thấy 4 thoi vàng ròng có mã hiệu rõ ràng, mỗi thoi vàng đều có khắc chữ, ghi rõ là : "Chín lần vượt Vũ Môn cao, ba lần Động Đình du ngoạn, sợ không hóa được thành rồng, để đền ơn cho Cát Khánh".

Câu chuyện Cát Khánh nhờ có cá chép mà được giàu sang lan truyền ra, có những người thích mau chóng giàu sang nghĩ cách nhờ vả cá chép, đem nuôi dưỡng, lại gọi là cá "Nguyên Bảo", qua một thời gian dài chữ "Hữu ngư" được biến thành "Hữu Dư", theo đó có thể thấy sự mong mỏi giàu sang của người đời.

Người chẳng tìm được cá chép đỏ, thì dán bức họa cát tường để thay thế, hoặc vẽ những nhĩ đồng cầm kích, treo khánh, ôm cá mà đùa bỡn, họ vẽ thêm lá sen, gọi đó là "liên niên hữu dư" (nhiều năm có thừa).

*

* *



TÙNG HẠC TRƯỜNG XUÂN

(Cây Tùng và Chim Hạc trường thọ)

Cây tùng và chim hạc, đều là những vật thường thấy, song quan niệm của người xưa thì đều gắn với những ý niệm thần tiên. Cây tùng được gọi là Bách mộc chi trưởng (đứng đầu trăm cây), xanh tốt lâu dài không mục rữa, nghe nói cây tùng thọ đến nghìn năm, sáp của cây tùng biến thành phục linh, người uống vào có thể trường sinh. Cho nên những người học đạo thời xưa ưa chọn gốc tùng già làm nơi tu luyện, là bởi dùng phục linh để trợ lực.

Hạc được gọi là Bách Vũ chi tông (đứng đầu trăm loại chim), về lai lịch nghe nói có hai thuyết :

Một bộ phận cho là do tinh khí chuyển hóa, bảy tuổi gọi là tiểu biến, mười sáu tuổi gọi là đại biến, một trăm sáu mươi tuổi thì ngừng biến, một nghìn sáu trăm tuổi thì định hình, có thể để tiên nhân ngồi lên lưng được. Một bộ phận khác, là do người phạm trần sau khi lên tiên hóa thành. Ví như cuốn "Thu thần hậu ký" có chép, ở Liêu Đông có người gọi là

Đinh Lệnh Uy, học đạo ở Linh Hư Sơn sau hóa thành hạc trắng, bay về có hương, đậu ở trên cây cột trụ trước cửa thành Liên Đông. Có người không biết tốt xấu ra sao gương cung muốn bắn, hạc tiên bay đi, vừa lượn vòng trên không, vừa ngâm rằng "Có con hạc trắng Đinh Lệnh Uy, xa nhà nghìn năm nay lại về cảnh vẫn như xưa người đã khác, nỗi niềm ai biết để mà chia". Khúc ngâm ấy lộ ra chuyện người ấy tu đạo nghìn năm sau hóa thành tiên.

Uống sáp tùng có thể lên cõi tiên, lên tiên có thể hóa hạc, nên đã có câu nói con hạc nghìn tuổi bạn với cây tùng nghìn năm, nói sự liên hệ giữa tùng và hạc.

Ví như cuốn "Thần cảnh ký" có chép: ở phía nam quận Huỳnh Dương, có một ngôi nhà đá, sau nhà có một cây tùng cổ thụ cao nghìn trượng, tán trùm đến nửa dặm. Thường có những lúc một đôi hạc cùng bay đến đậu, buổi sáng thì cùng bay lượn, chiều đến thì đậu sát bên nhau. Tương truyền năm xưa có một đôi vợ chồng mộ Đạo, đến ngôi nhà đá ấy ẩn cư tu luyện. Đôi bạch hạc này chính là hóa thân của hai người sau khi đắc đạo thành tiên.

Những chuyện tương tự như thế cũng được ghi chép nhiều trong cuốn "Tây kinh tạp ký".

Bức họa Tùng hạc trường xuân là căn cứ vào đấy mà vẽ ra, ngoài việc chúc tụng cả hai vợ chồng cao tuổi song song trường thọ, cũng còn là phóng tác tượng trưng cho việc hóa được thành tiên.



LÃO THỦ GIÁ NỮ

(Chuột già gả con gái)

Truyền thuyết dân gian kể rằng : Ngọc Hoàng muốn đặc biệt xếp ngôi thứ cho 12 cầm thú, phái mèo đi thông báo cho 11 loài nữa ngoài mèo ra, trong số này không có chuột già. Song chuột già nghe trộm được lời mèo truyền lại với trâu, bèn nhanh chân đến trước, vội đến thiên đình báo tên mình. Ngọc Hoàng hồ đồ không phân biệt thực giả, đã ghi cho nó vào ngôi thứ nhất.

Đợi khi trâu đến, đã là số hai.

Các loài cầm thú được nghe báo đều đến đủ mặt ở thiên đình, cả 12 vị trí đều đã sắp đặt xong, trái lại mèo chẳng có phần.

Chuột già chiếm được ngôi đầu bảng trong 12 loài, thôi thì khỏi phải nói thần khí oai phong đến đâu. Từ đó căn cước lấy trộm đủ thú, gây lăm điều tàn ác đa đoan, ai cũng không quản được nó trái lại là mèo, bởi chuyện xếp đặt vị trí ở thiên đình, với chuột già có oán thù sâu sắc, thấy nó là đuổi theo cắn xé. Như vậy

phàm nhà nào có mèo xuất hiện, chuột già đành nằm im trong hang, không dám ho he.

Chuột già náu ở trong hang cũng chẳng làm được cái gì. Họ hàng nhà chuột sau khi thương lượng quyết định đem tiểu thư xinh đẹp nhất của họ nhà mình gả cho ông mèo, từ đó kết thành thân thích, lại đặc biệt cử chồn vàng làm mai mối. Mèo được biết chuột già muốn đưa con gái đến cửa luôn miệng tán thưởng. Chuột già bỗng cao hứng, kết thân được với mèo, sau này tha hồ hoành hành khắp chốn. Thế rồi chọn lựa ngày lành tháng tốt, lấy trộm một chiếc hài đầu hổ của trẻ con làm kiệu hoa, rong cờ, che lọng, chiêng trống vang lừng, đội ngũ tề chỉnh đưa tiểu thư chuột đến nhà mèo. Kết quả là, giống như bài hát mà trẻ con thường hát : "Chuột già gả con gái, gả đến cửa nhà nào ? Gả đến bụng mèo vậy ...".

Việc kết hôn kỳ lạ và kết cục cổ quái này, sau này được diễn thành bức tranh dân gian chuột già gả con gái được lưu hành rất rộng ở nhiều nơi. "Ngày lành" không được chọn vào một ngày nhất định, như ở Tô Nam là ngày mồng 1 tháng Giêng, ở Phương bắc là ngày 18 tháng Giêng, ở Hồ Nam là ngày mồng 4 tháng 2 âm lịch. Vào ngày đó, mọi người lấy chi ma, gạo rang trộn đường ngấm bố trí ở chỗ khuất hoặc nơi chuột thường qua lại, lại cọ rửa nồi niêu rõ rá, nói là để trang hoàng cho chuột già; buổi sớm lại trở các häng chuột mà rửa, nói rằng làm thế có thể

đoạn tuyệt được mối lo lắng với lũ chuột.

Lại nói thêm, đây cũng là phản ánh tâm tư người xưa vừa giận chuột lại sợ chuột, chỉ một chữ gả, đã bao hàm ý tứ tống tiễn ra cửa, cầu được thanh bình, còn việc sau đó để mèo làm nốt.

Bức họa vẽ khung cảnh chuột già gả con gái đã lộ rõ nguyện vọng biến tai họa thành tốt lành vậy.

*

* *



THIÊN QUAN TỨ PHÚC

(Thiên quan tạo phúc)

Ở một hải đảo trong biển Bắc hải gọi là Nguyên Châu, trên hải đảo có một con suối đen gọi là Ngũ Chi Động, cạnh động có một bộ tiên cốt của vị Nguyên Thủy Thiên Tôn tu luyện linh thai. Năm tháng qua đi tiên cốt hấp thụ thiên khí, uống hơi đất, rõ ràng tự tu luyện thành hình người đầy đủ dần. Có một ngư ông họ Trần đi qua đấy phát hiện ra chuyện ấy, lúc đó vớt cả con gái lại mà mang tiên cốt về phụng dưỡng, sau đó đặt tên là Trần Xuân.

Trần Xuân lớn lên thành một thanh niên anh tuấn ngày ngày theo cha đánh cá ngoài biển, dụng mạo của anh ta được thu vào kính sơ trang của con gái Long Vương ở Bắc Hải, làm cho cô ta vô cùng ái mộ. Thế rồi lặng lẽ rời khỏi Long Cung, tìm đến Nguyên Châu, cùng với người thanh niên kia kết làm vợ chồng. Đợi đến khi Long Vương phái binh lính tìm của đến bắt họ về Long Cung, thì công chúa thủy cung đã sắp đến ngày sinh nở. Nhờ sự cầu khẩn

của hai người chị gái, nàng út mới được Long Vương cho phép sau khi nàng sinh cùng một bọc được ba đứa con mới trị tội. Việc kỳ lạ là ba đứa trẻ này thời gian ra đời có phân biệt : ngày 15 tháng Giêng âm lịch, ngày 15 tháng Bảy và ngày 15 tháng Mười. Sau khi công chúa sinh hạ, Long Vương hạ lệnh bắt nàng cùng chồng phải giam giữ dưới núi Định Hải Thạch.

Ba đứa bé do hai công chúa kia nuôi dưỡng, không hề hay biết về thân thế của mình. Song điều mà Long Vương lo lắng là, thần thông của họ ngày mỗi lớn, hơn nữa còn không phục tùng ông ngoại quản lý, sợ sẽ gây tai họa gì chẳng.

Có một hôm, ba đứa bé vượt cả lệnh cấm của Long Cung, lén nhảy ra khỏi mặt biển, cưỡi mây chơi đùa trên không trung. Bỗng nhiên, nghe phía dưới những tiếng ồn ào kéo đến, có cả tiếng trống gõ và tiếng khóc than. Cúi đầu nhìn xuống thấy trên mặt đất sông ngòi khô kiệt, đồng cỏ thành sa mạc. Có nhiều người như chết đói đang quì trước miếu Long Vương mà khấn cầu, còn có nhiều người đang đỡ già dắt trẻ, chạy khỏi vùng đất đỏ khô cháy ấy.

Ba anh em đều lấy làm lạ, vội hạ xuống dưới đất, kéo một người già đang giập đầu không thôi mà hỏi duyên cớ. Ông già vừa nói vừa khóc : "Chúng tôi khấn cầu đức Long Vương xá tội làm mưa, cứu vớt cho sinh linh vùng này..."

Những người lương thiện này có chỗ nào đắc tội

với bề hạ nhĩ ? Ba anh em nghĩ không ra, mà cảnh tượng trước mắt thật thê thảm. Thế rồi bay lên tầng không triển khai pháp thuật, thoát chốc những đám mây đen kéo đến vần vũ. Rồi chỉ trong giây lát, chớp nhoáng sấm nổ, khắp vùng mưa rào ào ào đổ xuống. Sinh linh một vùng được giải cứu, nhưng khi 3 anh em trở về Long Cung lại bị Long Vương cho là làm trái điều lệ nhà trời, tự mình dám làm mưa, bắt trời cả lại. Các cháu chất vấn ông ngoại : "Bắc Hải có muôn trùng sóng biển, chia một chút nước cho trăm họ được sống lại là có tội ư !"

"Quân làm phản !" Long Vương chưa bao giờ bị có người vượt mặt như thế vỗ bàn cả giận mà rằng : "Để cho ba đứa nghiệp chướng này cùng với mẹ nó cũng chịu tội mới hả !"

Ba anh em lúc đó mới thấy được bố mẹ của mình, lại biết được thân thế của mình.

Ba năm nữa trôi qua, pháp lực của ba anh em ngày mỗi tăng, cuối cùng vào một buổi sớm, cùng hợp lực đẩy quả núi Định Hải vẫn đè ép họ và song thân đổ sang một bên. Thoát chốc, cả vùng Bắc Hải dềnh lên sóng lớn vật vã, đến cả Long Cung cũng bị chao đảo, làm cho Long Vương tức tối lao ra khỏi Bắc Hải, chạy thẳng lên thiên đình xin Ngọc Hoàng Đại Đế giúp đỡ cho. Ngọc Hoàng Đại Đế là người thích ăn mềm mà sợ cứng, được biết ba anh em náo động Bắc Hải là hậu duệ của Nguyên Thủy Thiên

Tôn, vội triệu họ đến giảng hòa, xin họ để yên cho vùng Bắc Hải, giao cho Long Vương điều hành ở đấy, lại hứa sẽ phong thần cho họ.

"Nhường lại Bắc Hải cũng được, nhưng ở các vùng khác thì tà quỷ cũng đã làm cáu bẩn cả rồi". Ba anh em nói : "Chẳng phải là quá, xin ngài đặc phong cho chúng tôi làm Thần Quan chuyên giảng phúc giải ách cho nhân gian".

" Được, được" Ngọc Hoàng chỉ muốn mau chóng để Long Vương về vị trí cũ, cho Bắc Hải được yên tĩnh lại, vội lên tiếng đáp ứng ngay, lại ra sắc lệnh tại chỗ phong người anh cả là Tử Vi Đế Quân đảm nhiệm chức Thiên quan tạo phúc cho nhân gian, người thứ hai là Thanh Linh Đế Quân, Địa quan xá tội trên mặt đất, người thứ ba là Dương Cốc Đế quân, làm Thủy quan giải ách. Song mỗi người chỉ đảm nhận chức vụ vào ngày sinh của mình, còn bình thường vẫn phụng dưỡng bố mẹ ở Nguyên Châu, chỉ vui với phong cảnh rừng núi thần tiên mà thôi.

Tin tức xuống hạ giới, trăm họ đều dựng nhà Tam Quan, thường xuyên cúng bái, lại hình thành truyền thống lấy những ngày 15 tháng Giêng, 15 tháng Bảy và ngày 15 tháng Mười gọi là các ngày tết Thượng Nguyên, Trung Nguyên và Hạ Nguyên, để cầu ba vị tôn thần trong ba ngày ấy đem toàn lực để làm cho họ được tạo phúc, xá tội, và giải ách. Trong

đó việc mong cầu thiên quan tạo phúc là mãnh liệt nhất, thế rồi bèn sinh ra tập tục vẽ Tử Vi Đế Quân vào bức họa cát tường rồi treo lên, lại gọi là "Phúc thần" hoặc "Thiên quan tạo phúc".

Thiên quan trong bức họa có thể ôm một cuộn giấy, thường đề là "Nạp phúc nghênh tường" (tạo phúc đón tốt lành), thông thường còn vẽ thêm những con dơi bay lượn ở trên, biểu thị trời cho tốt lành, tạo phúc ở nhân gian.





HÌNH TƯỢNG
CÁT TƯỜNG
TRONG VĂN HÓA
TRUNG HOA

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC
19 Nguyễn Bình Khiêm – Hà Nội
ĐT : (04) 8.264239 – 8.224096

Chịu trách nhiệm xuất bản

PGS PTS HOÀNG NAM

Biên tập : BẾ MINH HÀ

Trình bày : XUÂN SƠN

Bìa : ĐÌNH XUÂN DŨNG

Sửa bản in : HẢI HÀ

In 1.500 cuốn khổ 14,5 x 20,5 cm

Tại nhà in **Nhạc viện Hà nội**.

Giấy phép xuất bản số 55/ CXB QLXB. Cục xuất bản cấp
ngày 20 tháng 1 năm 1998

In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 1998

